

UCP 600

ICC Uniform Customs and Practice for
for Documentary Credits

Quy tắc thống nhất về thực hành
tín dụng chứng từ



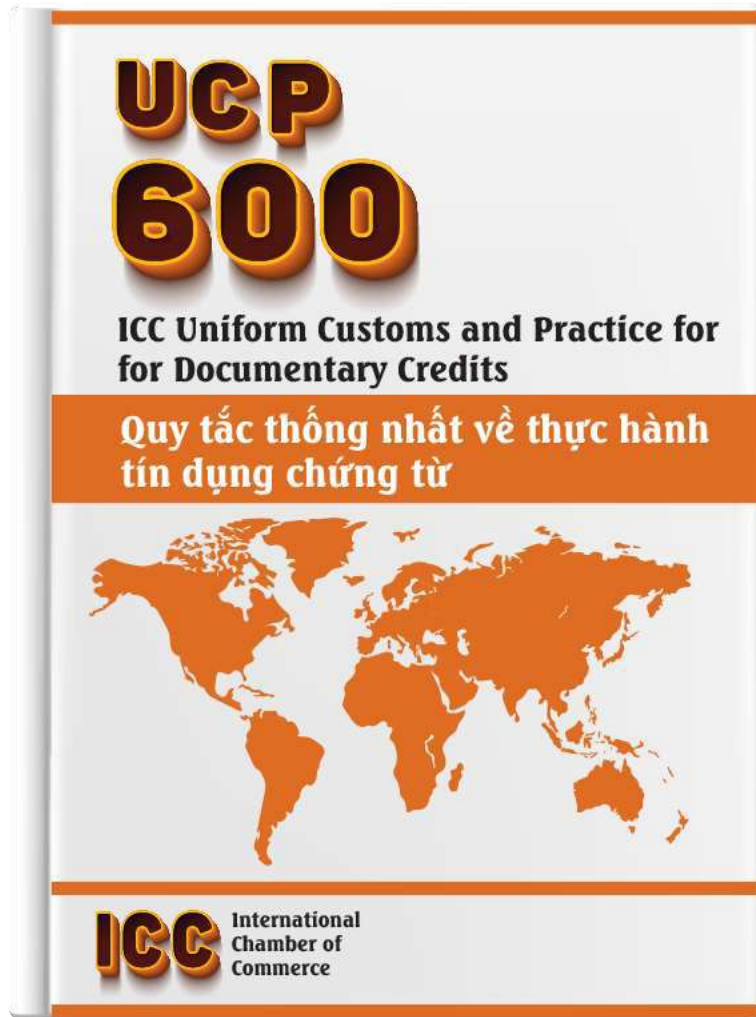
ICC International
Chamber of
Commerce

Quy tắc thống nhất thực hành tín dụng chứng từ

TS. Trần Quang Vũ



Sự ra đời và vai trò của UCP



1933 6

Ra đời

Lần sửa đổi



157

nước

**Áp dụng bởi NH &
tổ chức thương mại**

UCP 600

Phiên bản hiện hành

Thông qua ngày 25/10/2006

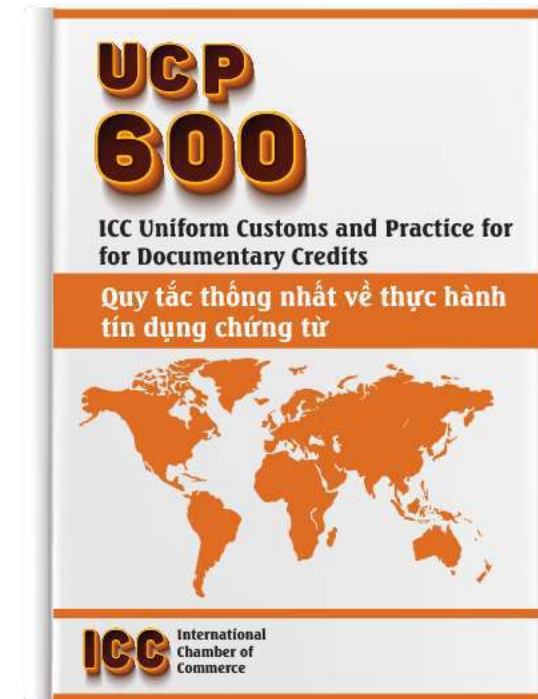
Có hiệu lực ngày 01/07/2007

1000

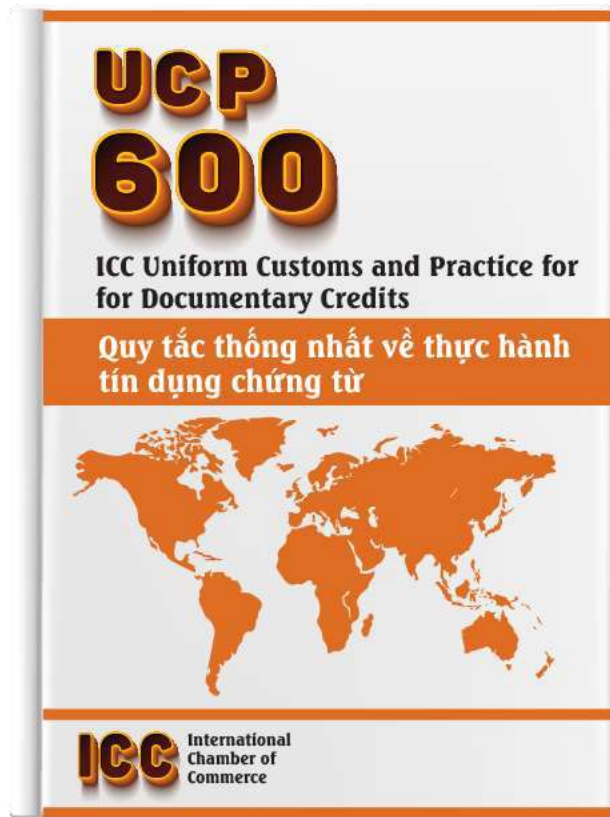
tỷ USD

**Chiếm 10-15% tổng giá
trị giao dịch thương mại**

Sự ra đời của **UCP**



Điều 1: Áp dụng UCP



L/C

**Applicable Rules:
UCP 600**



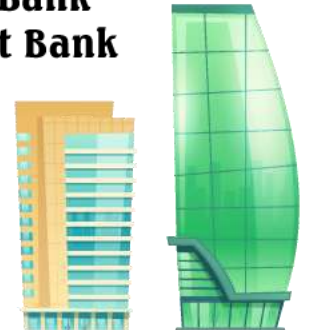
**NH thông báo
Advising Bank**



**NH phát hành
Issuing Bank
Payment Bank**



**Người xuất khẩu
Beneficiary**



**Người nhập khẩu
Applicant**

① UCP được áp dụng cho tín dụng chứng từ nếu được tham chiếu

② Các quy tắc của UCP ràng buộc tất cả các bên, trừ khi L/C có quy định loại trừ

Ví dụ 1: Quy định loại trừ điều khoản của UCP

Cty An Phát



①



Nhập hàng

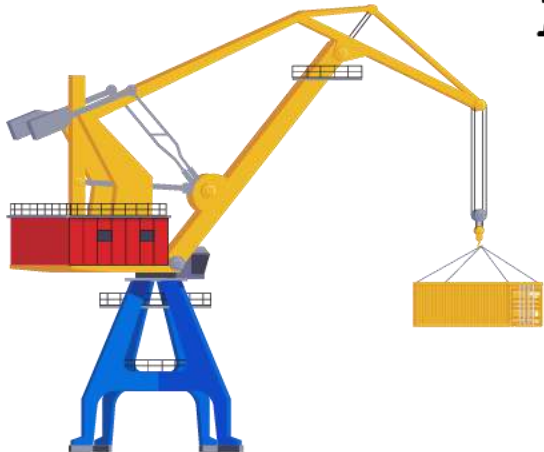
&

L/C

Sử dụng L/C để thanh toán

② **Cty yêu cầu
cấm chuyển tải**

Lý do:



**Đẩy nhanh tốc độ
nhập hàng**



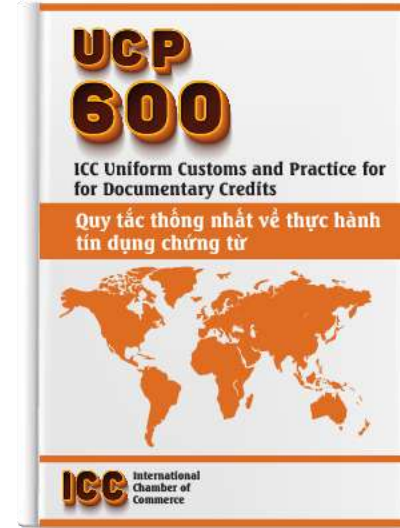
**Hạn chế hư hỏng hàng hóa
khí xếp dỡ**

Ví dụ 1: Quy định loại trừ điều khoản của UCP

NHPH cho biết



**Nếu giao hàng
= container**



**Điều 20,
(c) ii**

UCP600 cho phép chuyển tải

Vậy chúng tôi có cách nào phát hành L/C tuân thủ theo UCP600 mà lại loại trừ được một số quy định chúng tôi thấy không phù hợp không?

Trả lời:

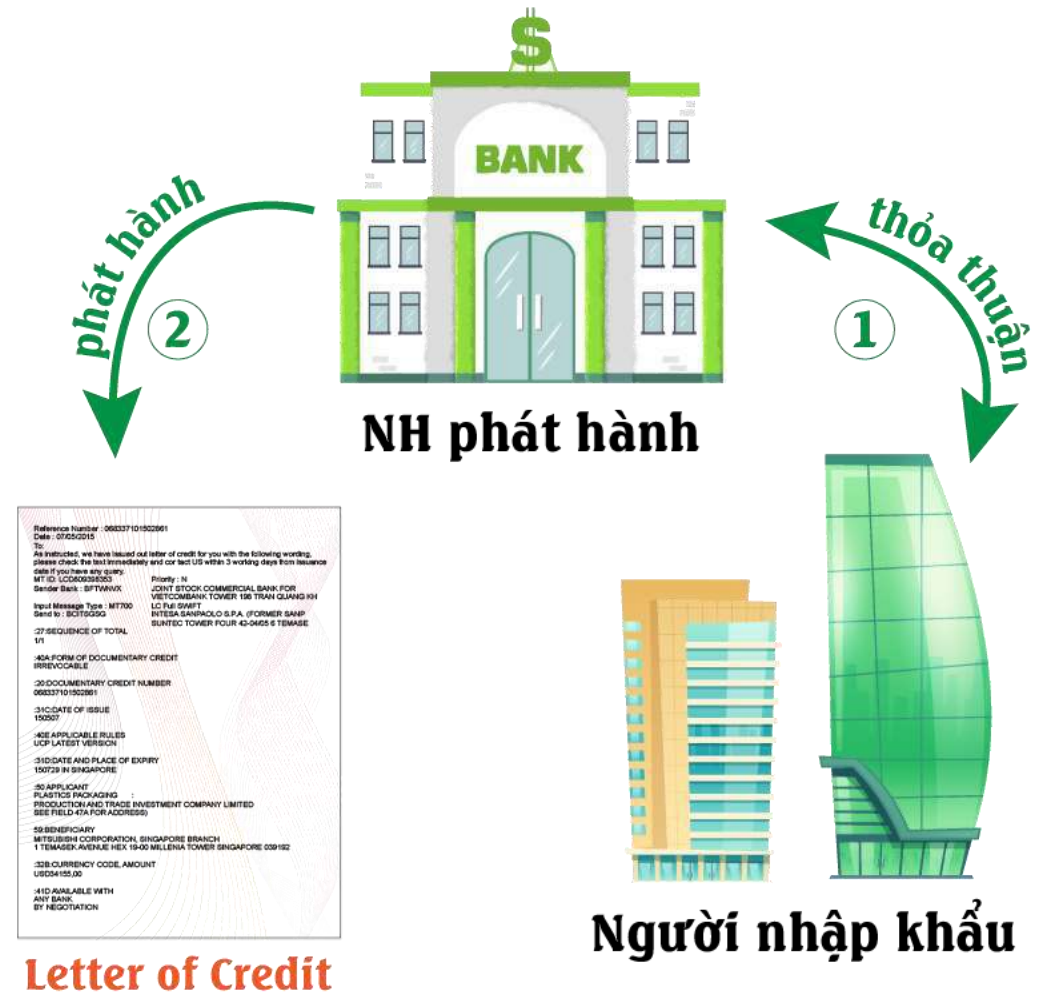
UCP600 luôn cho phép L/C loại trừ một số điều khoản của UCP.

Trên L/C, bạn đề nghị NHPH loại trừ Điều 20, (c)ii về việc cho phép chuyển tải. Như vậy, người bán sẽ không được chuyển tải hàng hóa.

Điều 2: Các định nghĩa



- ① NH thông báo (Advising Bank)**
Thông báo L/C theo yêu cầu của NH phát hành



- ② Người yêu cầu mở L/C (Applicant)**
là bên mà theo yêu cầu của họ, L/C được phát hành

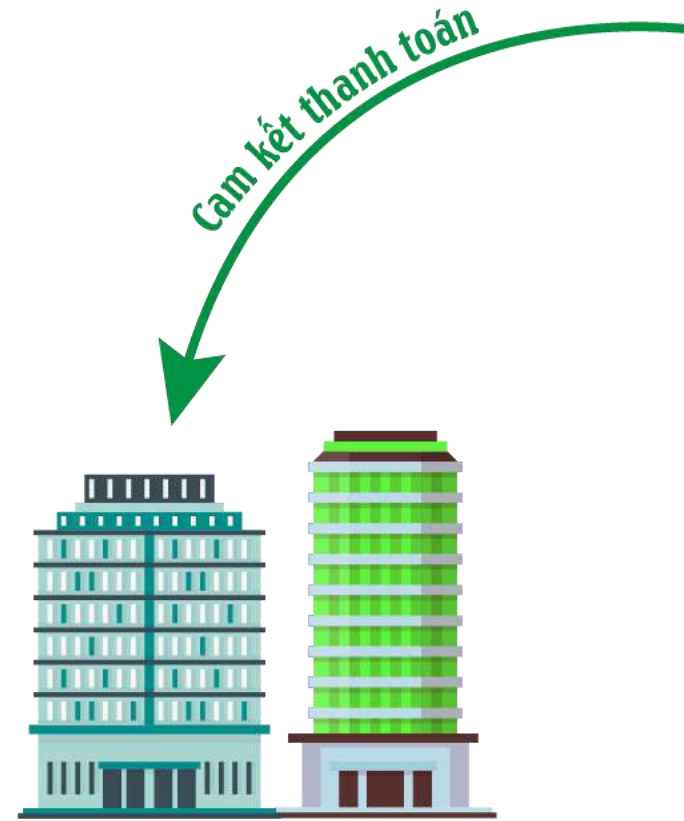
Điều 2: Các định nghĩa



Banking day



- ③ **Ngày làm việc của ngân hàng**
là một ngày mà NH thường mở cửa tại nơi mà hoạt động có liên quan đến UCP được thực hiện



**Người xuất khẩu
Beneficiary**

- ④ **Người thụ hưởng (Beneficiary)**
là bên mà vì quyền lợi của bên đó, một tín dụng được phát hành



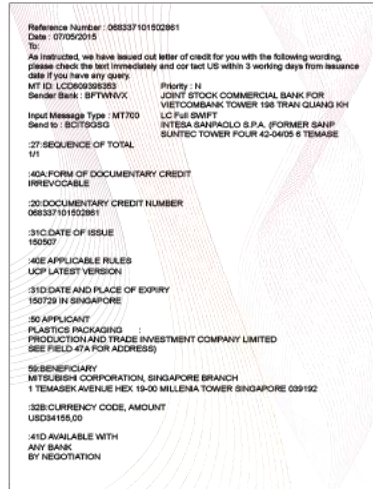
NH phát hành



Letter of Credit

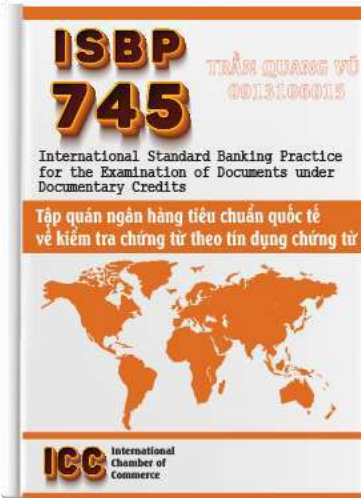
Điều 2: Các định nghĩa

1

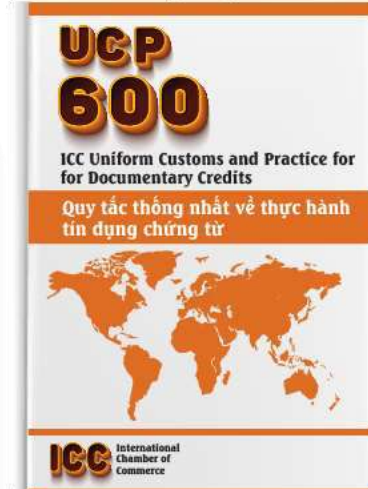


Letter of Credit

2

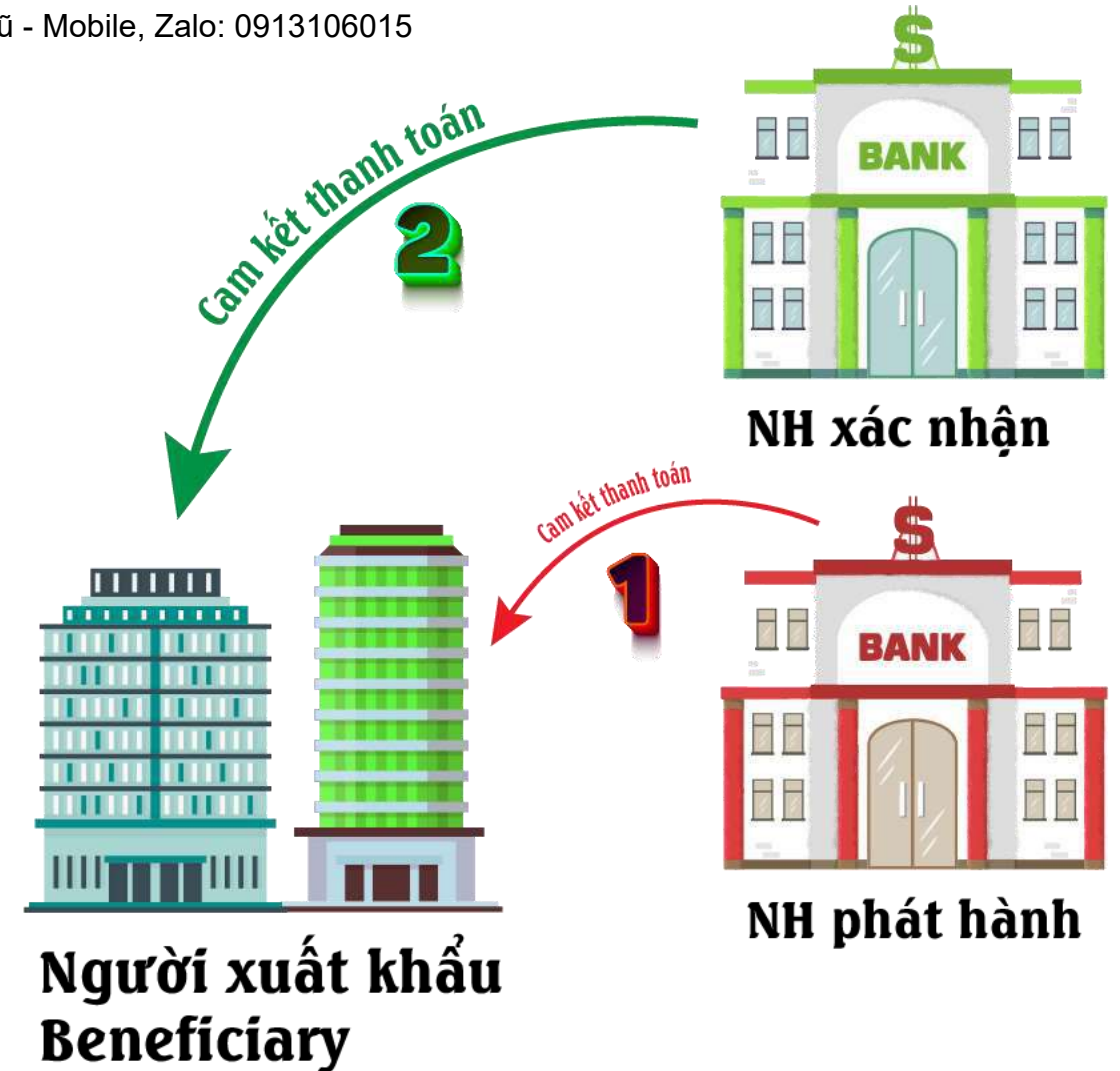


3

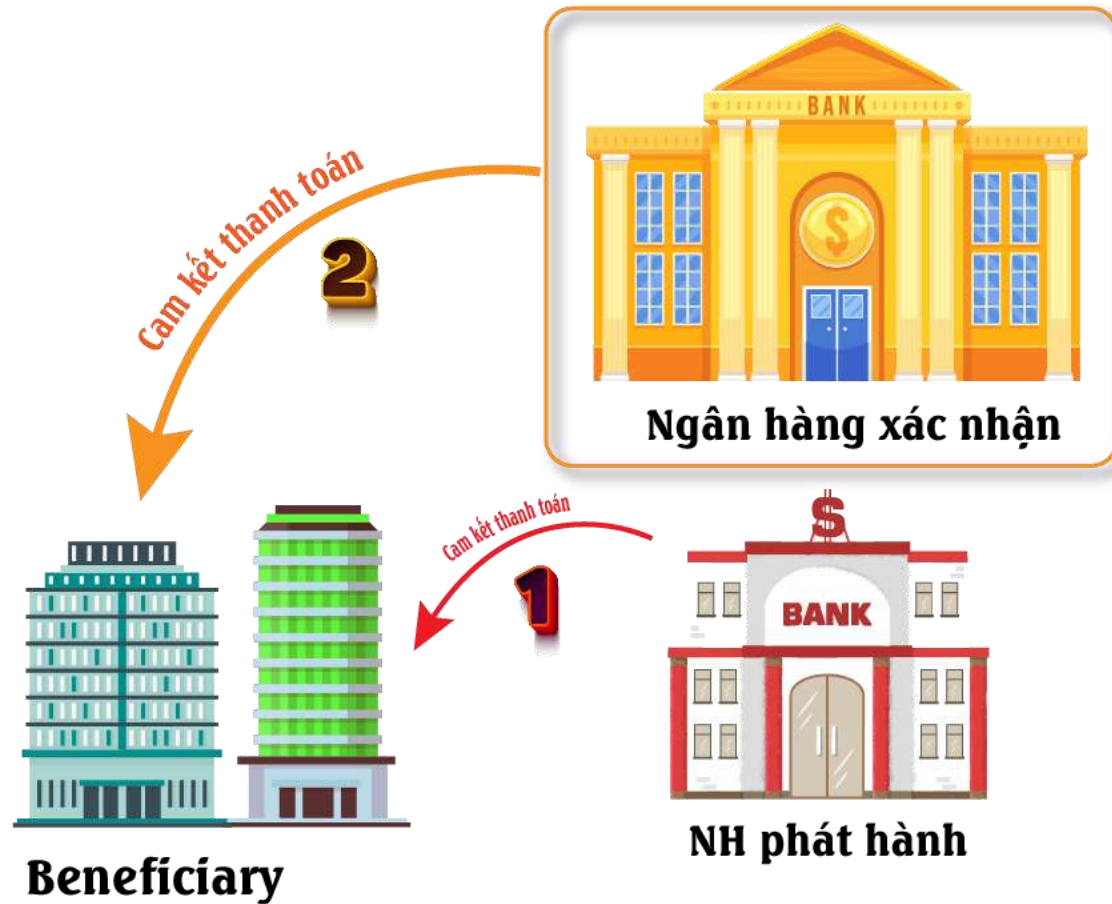


5 **Xuất trình phù hợp (Complying presentation)** là một xuất trình phù hợp với **1, 2, 3**

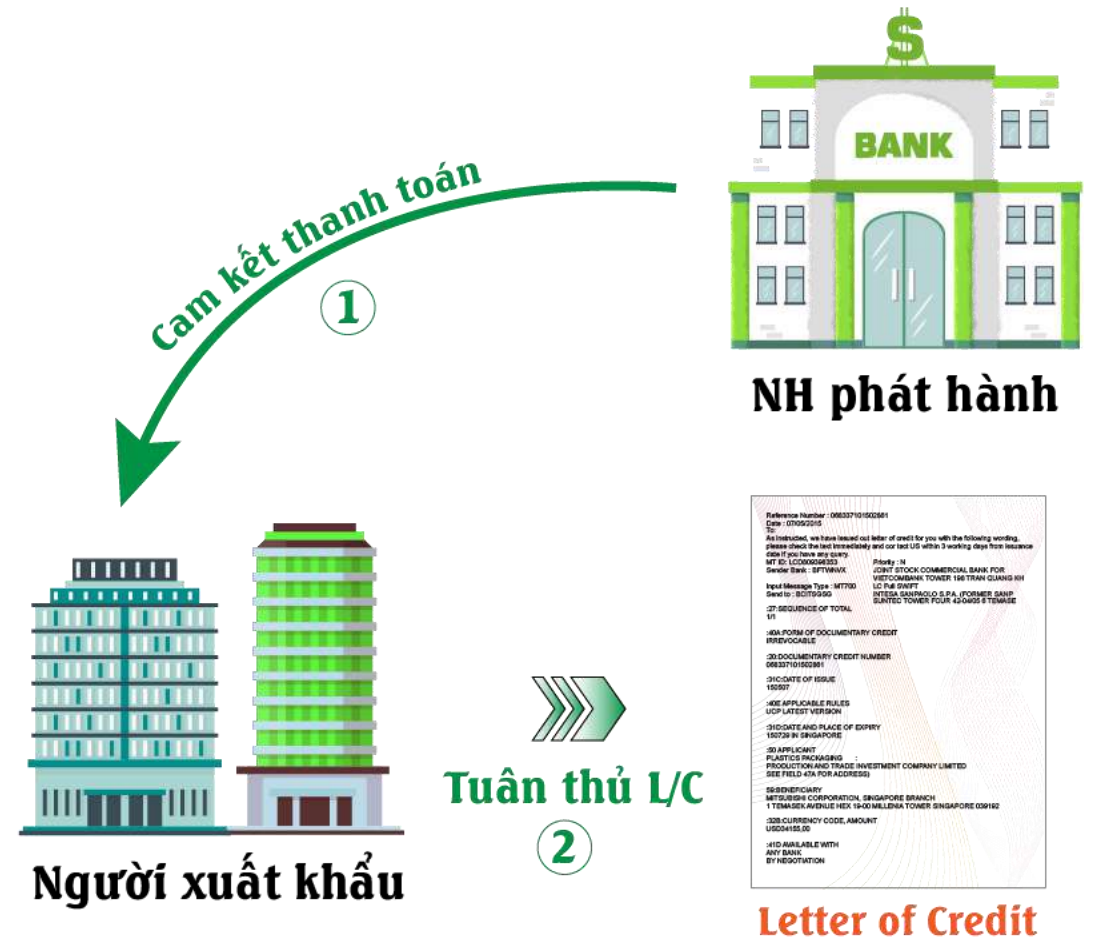
6 **Xác nhận (Confirmation)** là một cam kết chắc chắn của ngân hàng xác nhận về việc thanh toán | chiết khấu khi xuất trình phù hợp



Điều 2: Các định nghĩa



- 7 NH xác nhận (Confirming Bank)** là NH, theo yêu cầu của NHPH, thực hiện xác nhận của mình đối với một tín dụng



- 8 Tín dụng (Credit)** là một thỏa thuận, không hủy ngang và là một cam kết chắc chắn của NHPH về việc thanh toán cho một xuất trình phù hợp.

Điều 2: Các định nghĩa

⑨ “Thanh toán” có nghĩa là:

Trả ngay
khi xuất trình

Trả sau
khi đáo hạn

Chấp nhận hối phiếu &
trả tiền khi đáo hạn



⑩ NH phát hành (Issuing Bank) là ngân hàng,
theo yêu cầu của người nhập khẩu, phát hành một L/C



Letter of Credit



Điều 2: Các định nghĩa



- 11 Chiết khấu (Negotiation)** là việc các NH chỉ định mua các hối phiếu đòi nợ bằng cách ứng tiền trước cho người thụ hưởng



- 12 NH chỉ định (Nominated Bank)** là ngân hàng mà với NH đó tín dụng có giá trị thanh toán



Letter of Credit

Điều 2: Các định nghĩa



- 13 Xuất trình (Presentation)** là việc chuyển giao chứng từ theo một L/C cho NH phát hành hoặc ngân hàng chỉ định

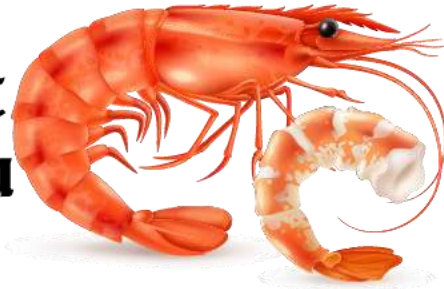


- 14 Người xuất trình (Presenter)** là người thụ hưởng, NH hoặc bất cứ bên nào khác thực hiện việc xuất trình.

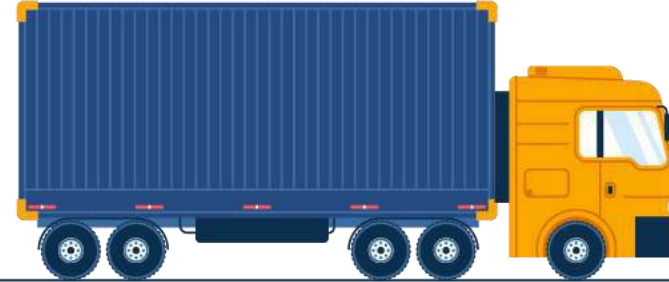
Ví dụ 2: Người xuất trình chứng từ

Cty An Phát có trụ sở ở TP.Hồ Chí Minh

**Xuất
khẩu**



**Tôm
đông
lạnh**



**Cửa khẩu
Mộc Bài
sang Cambodia**

Sử dụng phương thức L/C để nhận thanh toán



Sacombank



Ngân hàng mở L/C

Sacombank



Ngân hàng thông báo

Ví dụ 2: Người xuất trình chứng từ

Do quen thuộc & thường xuyên qua lại Cambodia làm việc.

Cty muốn xuất trình bộ chứng từ trực tiếp cho NH Sacombank Cambodia để đẩy nhanh tốc độ thanh toán có được không?



Trả lời:

UCP600 không cấm người thụ hưởng xuất trình chứng từ để đòi tiền ngân hàng phát hành.



13 Xuất trình (Presentation) là việc chuyển giao chứng từ theo một L/C cho NH phát hành hoặc ngân hàng chỉ định



14 Người xuất trình (Presenter) là người thụ hưởng, NH hoặc bất cứ bên nào khác thực hiện việc xuất trình.



Ví dụ 2: Người xuất trình chứng từ

Cty có thể xuất trình BCT trực tiếp đến NH Sacombank

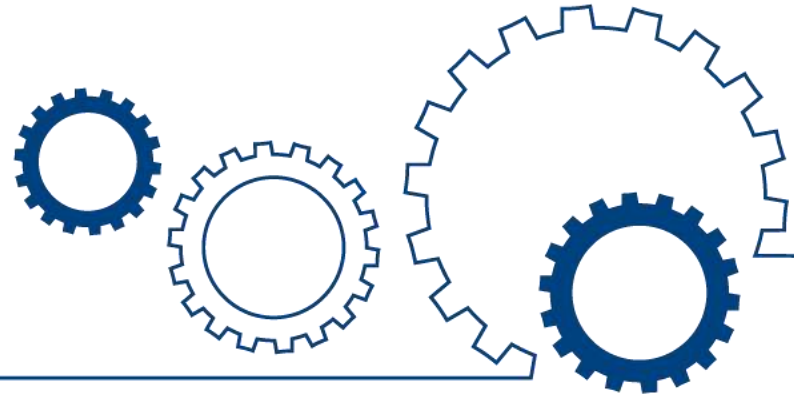


Một số lưu ý:

-Xác định rõ cách thức liên lạc khi có nhu cầu trao đổi thông tin.

- Từ chối thanh toán;
- Chấp nhận thanh toán;

-Kiểm tra xem L/C có cấm việc xuất trình trực tiếp không.



NH không khuyến khích việc xuất trình trực tiếp. Lý do là:

- Khó khăn trong quá trình trao đổi, liên lạc.
- Nếu trong L/C có điều khoản: "All documents must be issued in English and presented to the issuing bank through a bank." thì bắt buộc phải xuất trình thông qua ngân hàng.



Điều 3: Giải thích



Document = Documents

Transhipments = Transshipment

① Trong quy tắc này, các từ ở dạng số ít bao gồm cả số nhiều & ngược lại

IRREVOCABLE

Reference Number : 068337101502861
Date : 07/05/2015
To :
As instructed, we have issued out letter of credit for you with the following wording, please check the text immediately and cor tact US within 3 working days from issuance date if you have any query.
MT ID: LCD808386353
Sender Bank : BFTWNVX
Priority : N
JOINT STOCK COMMERCIAL BANK FOR VIETCOMBANK TOWER 198 TRAN QUANG KH
LC Full SWIFT
INTESA SANPAOLO S.P.A. (FORMER SANP
SUNTEC TOWER FOUR 42-04/05 6 TEMASE
Input Message Type : MT700
Send to : BCITSGSG
:27:SEQUENCE OF TOTAL
1/1
:40A:FORM OF DOCUMENTARY CREDIT
IRREVOCABLE
:20:DOCUMENTARY CREDIT NUMBER
068337101502861
:31C:DATE OF ISSUE
150507
:40E APPLICABLE RULES
UCP LATEST VERSION
:31D:DATE AND PLACE OF EXPIRY
150729 IN SINGAPORE
:50 APPLICANT
PLASTICS PACKAGING :
PRODUCTION AND TRADE INVESTMENT COMPANY LIMITED
SEE FIELD 47A FOR ADDRESS)
:59:BENEFICIARY
MITSUBISHI CORPORATION, SINGAPORE BRANCH
1 TEMASEK AVENUE HEX 19-00 MILLENIA TOWER SINGAPORE 039192
:32B:CURRENCY CODE, AMOUNT
USD34155,00
:41D AVAILABLE WITH
ANY BANK
BY NEGOTIATION

② Một tín dụng là không thể hủy ngay cả khi không có quy định về việc đó

Điều 3: Giải thích



- ③ Một ch.từ có thể được ký bằng tay, fax, chữ ký đực lỗ, con dấu, ký hiệu



- ④ Chứng từ có thể được chứng thực bằng chữ ký, ký hiệu, tem, nhãn

Điều 3: Giải thích

HSBC British



Hạng nhất

First class

Nổi tiếng

Well known

Đủ tư cách

Qualified

Độc lập

Independent

Chính thức

Official

Tốt

Competent

Địa phương

Local

HSBC Việt Nam



⑤ Chỉ nhánh của 1 NH ở các nước khác nhau được coi là các NH độc lập

⑥ Các thuật ngữ như “...” được phép sử dụng để mô tả người phát hành chứng từ, trừ người thụ hưởng

Ví dụ 4: Chi nhánh ngân hàng ở các nước khác nhau



Công ty XNK An Phát



Xuất khẩu hạt điều



Thanh toán L/C



NH mở L/C

Sau khi giao hàng xong, Cty chúng tôi xuất trình bộ chứng từ cho NH HSBC Việt Nam để đòi tiền. Tuy nhiên, NH HSBC Vietnam lại chuyển BCT sang NH HSBC Vương Quốc Anh, vì họ không có nghĩa vụ trả tiền cho Cty chúng tôi.



HSBC Vietnam



HSBC British



Câu hỏi:

Tại sao các NH đều thuộc HSBC nhưng lại không đòi được tiền?

Ví dụ 4: Chi nhánh ngân hàng ở các nước khác nhau

Tại khoản 5, Điều 3 UCP600 quy định:

“Chi nhánh của 1 NH ở các nước khác nhau được coi là các NH độc lập”.



><



Độc lập nhau



HSBC Vietnam



HSBC British



Như vậy, đương nhiên HSBC Việt Nam không có nghĩa vụ thanh toán.

NH HSBC Việt Nam sẽ chuyển BCT đến NH HSBC Vương quốc Anh để tiến hành thanh toán.

Ví dụ 5: Thuật ngữ “Well-known” chỉ nhà phát hành c.từ



Xuất khẩu hàng dệt may

Thanh toán L/C

Công ty XNK An Phát

L/C này có một quy định là các chứng từ kiểm định hàng hóa phải do bên kiểm định "well-known" phát hành.

Chúng tôi định thuê Vinacontrol giám định và phát hành các chứng từ liên quan, nhưng chúng tôi không biết có đáp ứng tiêu chí "well-known" không.



Trả lời:

Khoản 6, Điều 3 UCP600 cho phép sử dụng thuật ngữ "Well-known" để mô tả người phát hành chứng từ. Việc Vinacontrol phát hành các chứng từ này là hoàn toàn hợp lệ.

Điều 3: Giải thích

PROMT
IMMEDIATELY
AS SOON AS
POSSIBLE

- ⑦ Các từ như “nhanh”, “ngay lập tức” hoặc “càng sớm càng tốt” sẽ không được xem xét đến

ON OR ABOUT
8 MAY = 3 - 13



- ⑧ Cụm từ “vào hoặc vào khoảng” - “on or about”: dao động 5 ngày

Ví dụ 3: Thuật ngữ “on or about dd/mm/yyyy”



Công ty XNK An Phát

Công ty chưa hiểu với quy định này thì giao hàng vào thời điểm nào để phù hợp với L/C?

Trả lời:

Khoản 8, Điều 3 UCP600: **on or about = $\pm$ 5 days**

Với quy định: “on or about 10/12/2025” thì ngày giao hàng của bạn phải nằm trong khoảng thời gian từ ngày 05/12 đến 15/12/2025.



Xuất khẩu giày dép

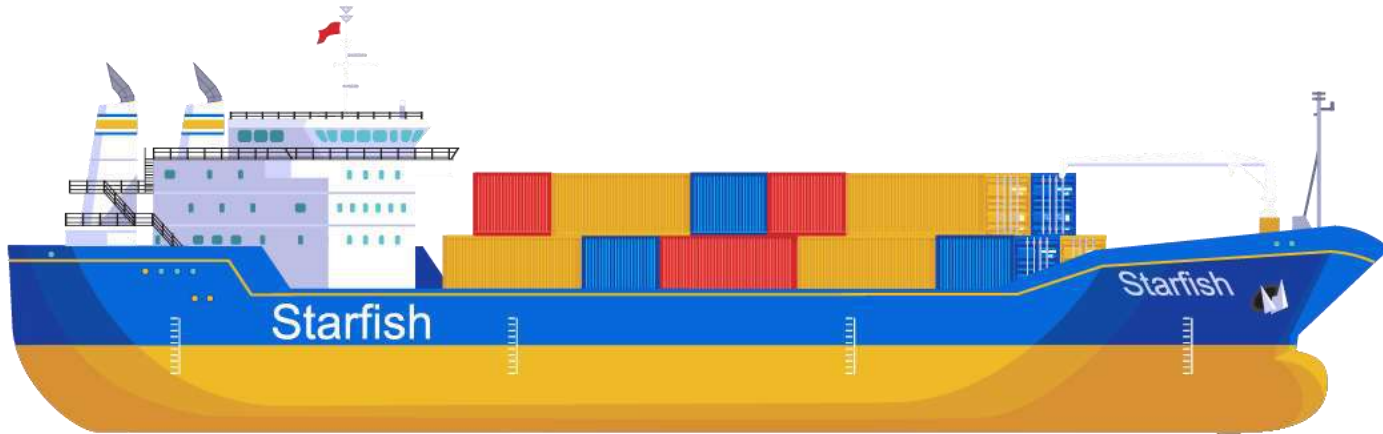


Thanh toán L/C

Khi đối tác mở L/C & NH thông báo tới chúng tôi thì thấy thời gian giao hàng là “on or about 10/12/2025”

Điều 3: Giải thích

Khí xác định thời gian giao hàng:



**TO UNTIL TILL
FROM BETWEEN**

- ⑨ Các từ “đến”, “cho đến”, “cho đến khi”, “từ” và “giữa” thì sẽ bao gồm cả ngày đó



BEFORE AFTER

- ⑩ Từ “trước” và “sau” thì không bao gồm ngày đó

Điều 3: Giải thích

Khí xác định ngày đáo hạn:



FROM

AFTER

- ⑪ Các từ “từ” và “sau” nếu được dùng để quy định ngày đáo hạn sẽ không bao gồm ngày đó

DECEMBER 2025

Monday	Tuesday	Wednesday	Thursday	Friday	Saturday	Sunday
1	2	3	4	5	6	7
8	9	10	11	12	13	14
15	16	17	18	19	20	21
22	23	24	25	26	27	28
29	30	31				

- ⑫ Các từ “nửa đầu” và “nửa cuối” của một tháng được hiểu là...

Điều 3: Giải thích

DECEMBER 2025

Ngày 1 đến ngày 10

Ngày 11 đến ngày 20

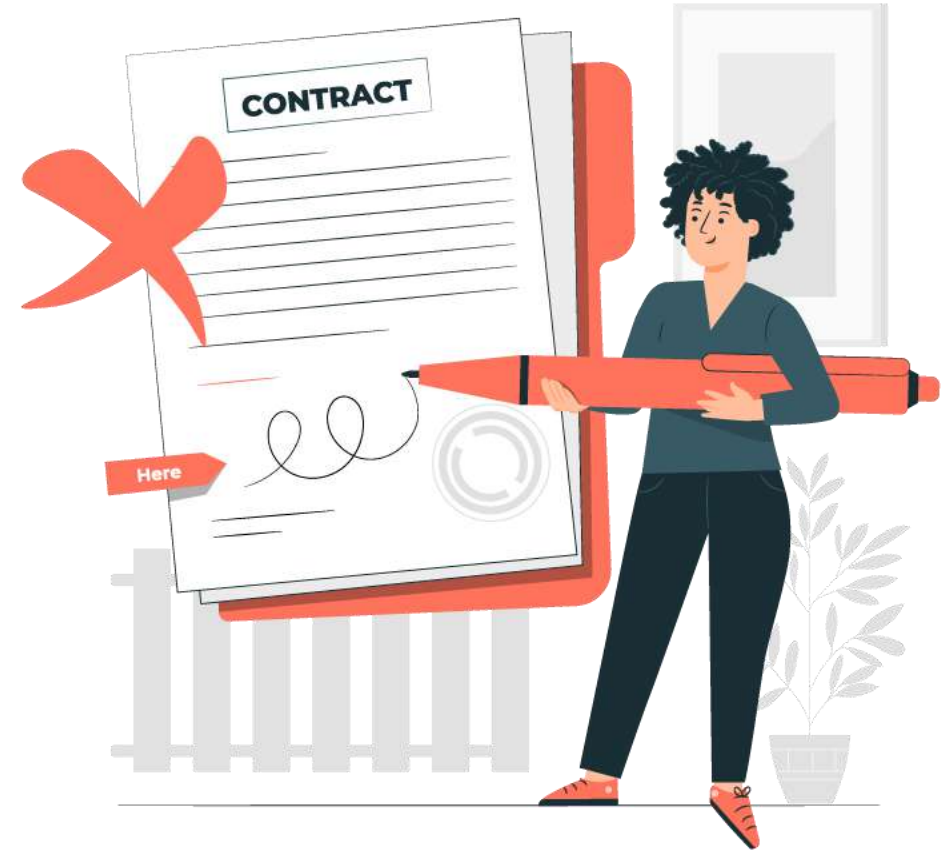
Monday	Tuesday	Wednesday	Thursday	Friday	Saturday	Sunday
1	2	3	4	5	6	7
8	9	10	11	12	13	14
15	16	17	18	19	20	21
22	23	24	25	26	27	28
29	30	31				

Ngày 11 đến ngày cuối tháng

⑬ Các từ “đầu”, “giữa” và “cuối” của một tháng sẽ được hiểu là...

Điều 4: Tín dụng sv hợp đồng

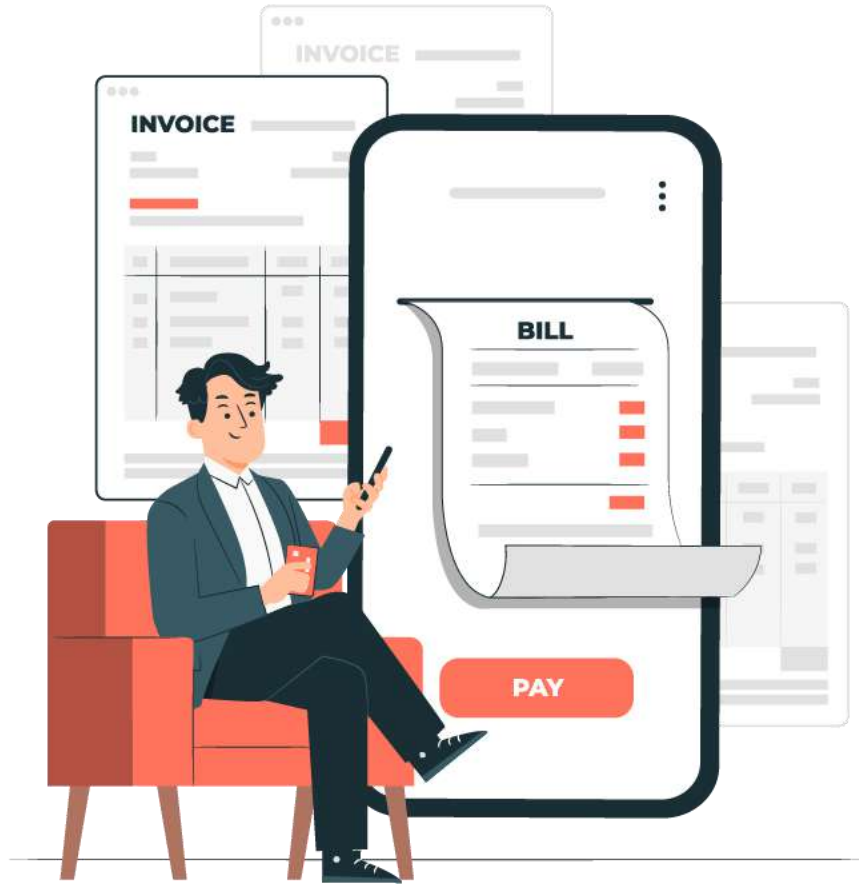
Reference Number : 088337101502881
Date : 07/05/2015
To:
As instructed, we have issued out letter of credit for you with the following wording, please check the text immediately and our tacit US within 3 working days from issuance date if you have any query.
MT ID: LCD809398353
Sender Bank : BFTWNVX
Priority : N
JOINT STOCK COMMERCIAL BANK FOR VIETCOMBANK TOWER 198 TRAN QUANG KH
LC Full SWIFT
INTESA SANPAOLO S.P.A. (FORMER SANP
SUNTEC TOWER FOUR 42-04/05 6 TEMASE
Input Message Type : MT700
Send to : BCITSGSG
:27:SEQUENCE OF TOTAL
1/1
:40A:FORM OF DOCUMENTARY CREDIT
IRREVOCABLE
:20:DOCUMENTARY CREDIT NUMBER
088337101502881
:31C:DATE OF ISSUE
150507
:40E APPLICABLE RULES
UCP LATEST VERSION
:31D:DATE AND PLACE OF EXPIRY
150728 IN SINGAPORE
:50 APPLICANT
PLASTICS PACKAGING :
PRODUCTION AND TRADE INVESTMENT COMPANY LIMITED
(SEE FIELD 47A FOR ADDRESS)
:59-BENEFICIARY
MITSUBISHI CORPORATION, SINGAPORE BRANCH
1 TEMASEK AVENUE HEX 19-00 MILLENIA TOWER SINGAPORE 039192
:32B:CURRENCY CODE, AMOUNT
USD34155.00
:41D AVAILABLE WITH
ANY BANK
BY NEGOTIATION



① Về bản chất, tín dụng là một giao dịch riêng biệt với hợp đồng mua bán

② Các NH không bị ràng buộc bởi HĐMB, ngay khi L/C có dẫn chiếu

Điều 4: Tín dụng sv hợp đồng



- ③ Cam kết thanh toán của NH không phụ thuộc vào khiếu nại, kiện cáo của Applicant

Reference Number : 068337101502861
Date : 07/05/2015
To:
As instructed, we have issued out letter of credit for you with the following wording, please check the text immediately and cor tact US within 3 working days from issuance date if you have any query.
MT ID: LCD809398353
Sender Bank : BFTWNVX
Priority : N
JOINT STOCK COMMERCIAL BANK FOR VIETCOMBANK TOWER 198 TRAN QUANG KH LC Full SWIFT
Input Message Type : MT700
Send to : BCITSGSG
INTESA SANPAOLO S.P.A. (FORMER SANP SUNTEC TOWER FOUR 42-04/05 6 TEMASE

:27:SEQUENCE OF TOTAL
1/1

:40A:FORM OF DOCUMENTARY CREDIT
IRREVOCABLE

:20:DOCUMENTARY CREDIT NUMBER
068337101502861

:31C:DATE OF ISSUE
150507

:40E APPLICABLE RULES
UCP LATEST VERSION

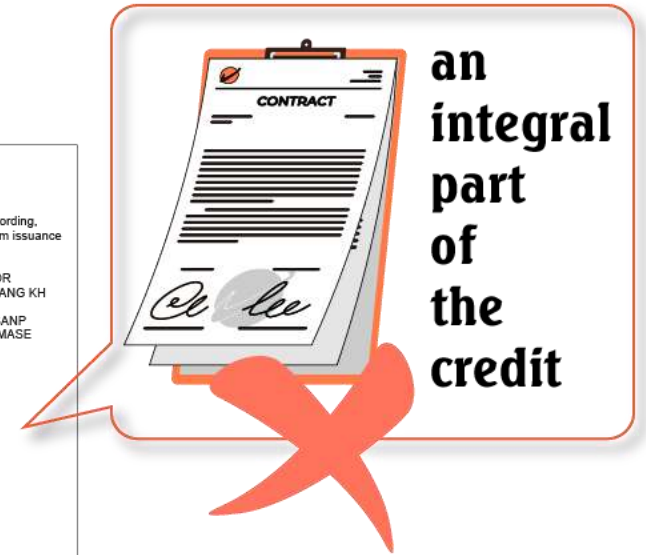
:31D:DATE AND PLACE OF EXPIRY
150729 IN SINGAPORE

:50 APPLICANT
PLASTICS PACKAGING :
PRODUCTION AND TRADE INVESTMENT COMPANY LIMITED
(SEE FIELD 47A FOR ADDRESS)

:59: BENEFICIARY
MITSUBISHI CORPORATION, SINGAPORE BRANCH
1 TEMASEK AVENUE HEX 19-00 MILLENIA TOWER SINGAPORE 039192

:32B:CURRENCY CODE, AMOUNT
USD34155,00

:41D AVAILABLE WITH
ANY BANK
BY NEGOTIATION



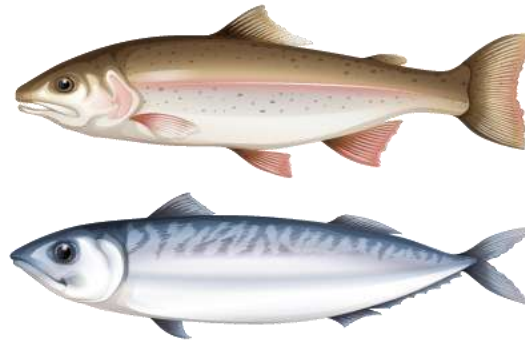
an
integral
part
of
the
credit

- ④ NHPH không khuyến khích Applicant đưa HĐ thành bộ phận không tách rời của L/C

Ví dụ 6: Hợp đồng sv thư tín dụng



Công ty XNK An Phát

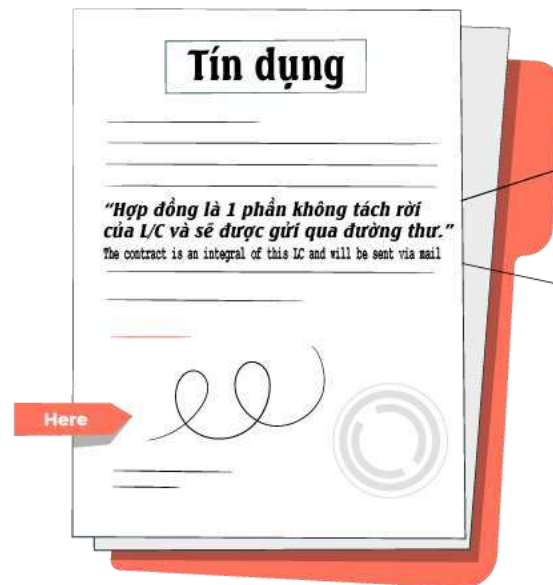


Xuất khẩu thủy sản



Thanh toán L/C

Cty chúng tôi kiểm tra L/C thì phát hiện 1 điều khoản:



“Hợp đồng là 1 phần không tách rời của L/C và sẽ được gửi qua đường thư.”

The contract is an integral of this LC and will be sent via mail

Ví dụ 6: Hợp đồng sv thư tín dụng



Chúng tôi thấy rằng UCP có quy định về việc L/C độc lập với hợp đồng.

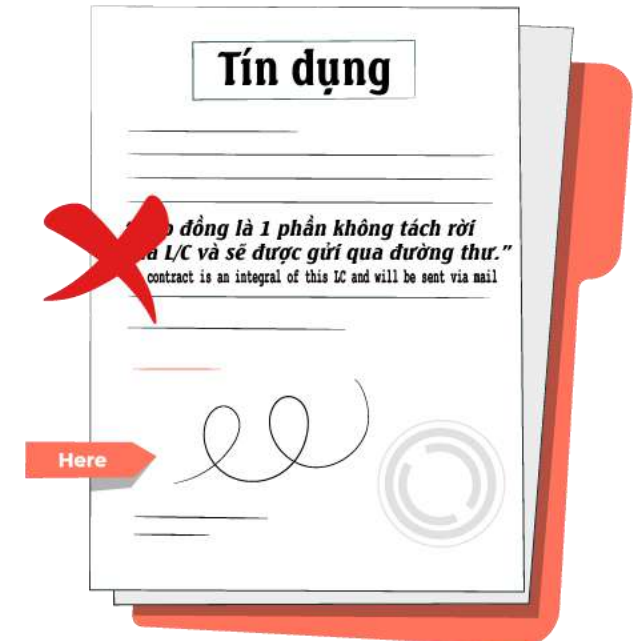
Vậy trường hợp này thì công ty tôi có cần lập chứng từ căn cứ vào hợp đồng nữa không?

Công ty XNK An Phát Trả lời:

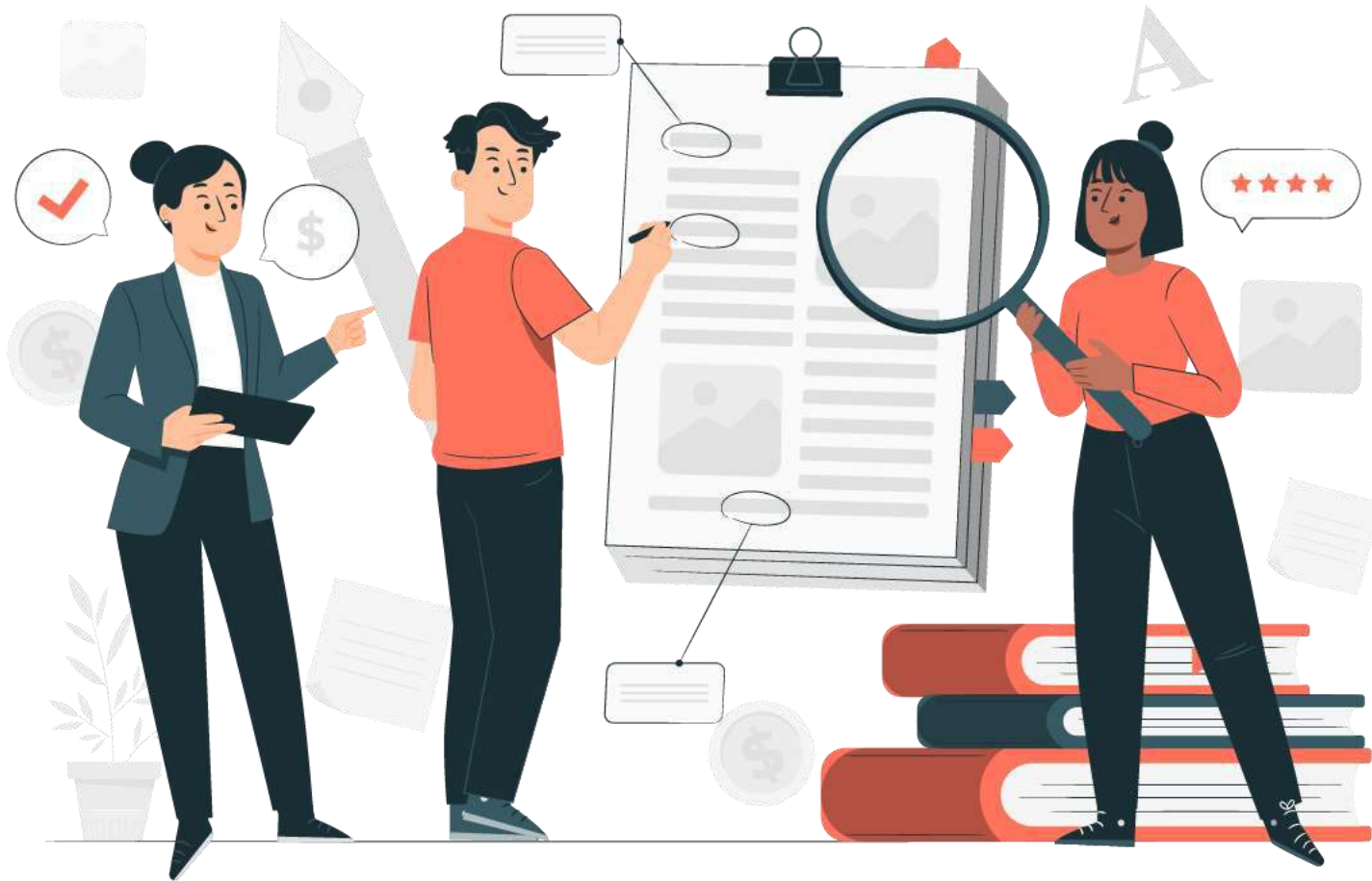
Khoản 1, Điều 4 UCP: L/C độc lập một cách tương đối với hợp đồng.

Khoản 4, Điều 4 UCP: NHPH không khuyến khích người nhập khẩu đưa HĐ thành bộ phận không tách rời của L/C.

Để hạn chế rủi ro: Cty bạn nên yêu cầu đối tác sửa đổi L/C với nội dung xóa bỏ điều khoản dẫn chiếu đến hợp đồng.



Điều 5: Chứng từ sv hàng hóa



Các ngân hàng giao dịch trên cơ sở chứng từ chứ không phải bằng hàng hóa hoặc dịch vụ

Điều 6: Giá trị thanh toán, ngày hết hạn & nơi xuất trình

Availability, Expiry Date and Place for Presentation

AVAILABLE WITH



- ① TD phải quy định nó có giá trị thanh toán với NH nào đó hoặc với bất kỳ NH nào

Reference Number : 068337101502861
Date : 07/05/2015
To:
As instructed, we have issued out letter of credit for you with the following wording, please check the text immediately and cor tact US within 3 working days from issuance date if you have any query.
MT ID: LCD809398353
Sender Bank : BFTWNVX
Priority : N
JOINT STOCK COMMERCIAL BANK FOR VIETCOMBANK TOWER 198 TRAN QUANG KH LC Full SWIFT
INTESA SANPAOLO S.P.A. (FORMER SANP SUNTEC TOWER FOUR 42-04/05 6 TEMASE
Input Message Type : MT700
Send to : BCITSGSG
:27:SEQUENCE OF TOTAL
1/1
:40A:FORM OF DOCUMENTARY CREDIT
IRREVOCABLE
:20:DOCUMENTARY CREDIT NUMBER
068337101502861
:31C:DATE OF ISSUE
150507
:40E APPLICABLE RULES
UCP LATEST VERSION
:31D:DATE AND PLACE OF EXPIRY
150729 IN SINGAPORE
:50 APPLICANT
PLASTICS PACKAGING :
PRODUCTION AND TRADE INVESTMENT COMPANY LIMITED
SEE FIELD 47A FOR ADDRESS)
:58-BENEFICIARY
MITSUBISHI CORPORATION, SINGAPORE BRANCH
1 TEMASEK AVENUE HEX 19-00 MILLENIA TOWER SINGAPORE 039192
:32B:CURRENCY CODE, AMOUNT
USD34155,00
:41D AVAILABLE WITH
ANY BANK
BY NEGOTIATION



Nominated Bank



Issuing Bank

- ② Một TD có giá trị thanh toán với NH chỉ định thì cũng có giá trị thanh toán với NHPH

Điều 6: Giá trị thanh toán, ngày hết hạn & nơi xuất trình

Availability, Expiry Date and Place for Presentation

SIGHT

Trả ngay

DEFERRED

Trả chậm

ACCEPTANCE

Chấp nhận thanh toán

NEGOTIATION

Chiết khấu

PAYMENT

BILL OF EXCHANGE

Draft No. MD-01

Date: APRIL 28, 2021

For: USD 30,804.70

At *** sight of this FIRST Bill of Exchange (Second of the same tenor and date being unpaid), pay to order of HSBC COMMERCIAL BANK, LTD the sum of SAY TOTAL US DOLLARS THIRTY THOUSAND, EIGHT HUNDRED FOUR AND SEVENTY CENTS ONLY value received.

Drawn under: MITSUBISHI BANK, LTD

Irrevocable L/C No 11910000235648 Dated: APRIL 01, 2021

To: MITSUBISHI BANK, LTD
2 - CHOME, CHIYODA-KU, TOKYO, JAPAN

CAMIMEX CO, LTD

Authorized Signature

③ Tín dụng (TD) phải quy định giá trị thanh toán của nó

④ Một TD không được phát hành bằng 1 hối phiếu ký phát đòi tiền người nhập khẩu

Điều 6: Giá trị thanh toán, ngày hết hạn & nơi xuất trình

Availability, Expiry Date and Place for Presentation

Reference Number : 068337101502861
Date : 07/05/2015
To:
As instructed, we have issued out letter of credit for you with the following wording.
please check the text immediately and cor tact US within 3 working days from issuance
date if you have any query.
MT ID: LCD809398353
Sender Bank : BFTWNVX
Priority : N
JOINT STOCK COMMERCIAL BANK FOR
VIETCOMBANK TOWER 198 TRAN QUANG KH
LC Full SWIFT
INTESA SANPAOLO S.P.A. (FORMER SANP
SUNTEC TOWER FOUR 42-04/05 6 TEMASE

Input Message Type : MT700
Send to : BCITSGSG

:27:SEQUENCE OF TOTAL
1/1

:40A:FORM OF DOCUMENTARY CREDIT
IRREVOCABLE

:20:DOCUMENTARY CREDIT NUMBER
068337101502861

:31C:DATE OF ISSUE
150507

:40E APPLICABLE RULES
UCP LATEST VERSION

:31D:DATE AND PLACE OF EXPIRY
150729 IN SINGAPORE

:50 APPLICANT
PLASTICS PACKAGING :
PRODUCTION AND TRADE INVESTMENT COMPANY LIMITED
SEE FIELD 47A FOR ADDRESS)

:59: BENEFICIARY
MITSUBISHI CORPORATION, SINGAPORE BRANCH
1 TEMASEK AVENUE HEX 19-00 MILLENIA TOWER SINGAPORE 039192

:32B:CURRENCY CODE, AMOUNT
USD34155,00

:41D AVAILABLE WITH
ANY BANK
BY NEGOTIATION



⑤ TD phải quy định ngày hết hạn xuất trình (= ngày hết hạn thanh toán hoặc chiết khấu)

⑥ Địa điểm của NH mà tín dụng có giá trị thanh toán là địa điểm xuất trình

Điều 6: Giá trị thanh toán, ngày hết hạn & nơi xuất trình

Availability, Expiry Date and Place for Presentation



- ⑦ Việc xuất trình chứng từ phải được thực hiện vào hoặc trước ngày hết hạn xuất trình**

Điều 7: Cam kết của ngân hàng phát hành (NHPH)

① Nếu xuất trình là phù hợp, NHPH phải thanh toán bằng cách:

**Trả ngay, trả chậm,
chấp nhận thanh toán**



Với người xuất trình



**Trả ngay, trả chậm,
chấp nhận thanh toán
chiết khấu**



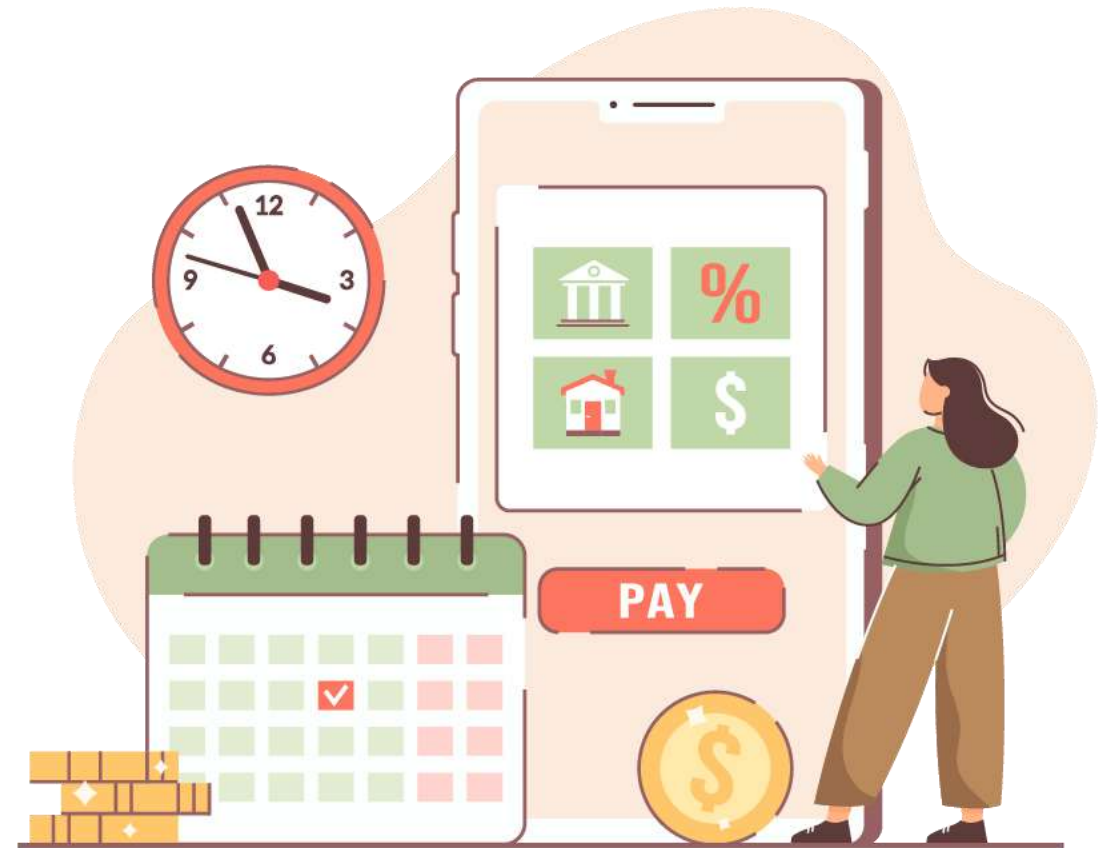
Với NH được chỉ định



Điều 7: Cam kết của ngân hàng phát hành (NHPH)

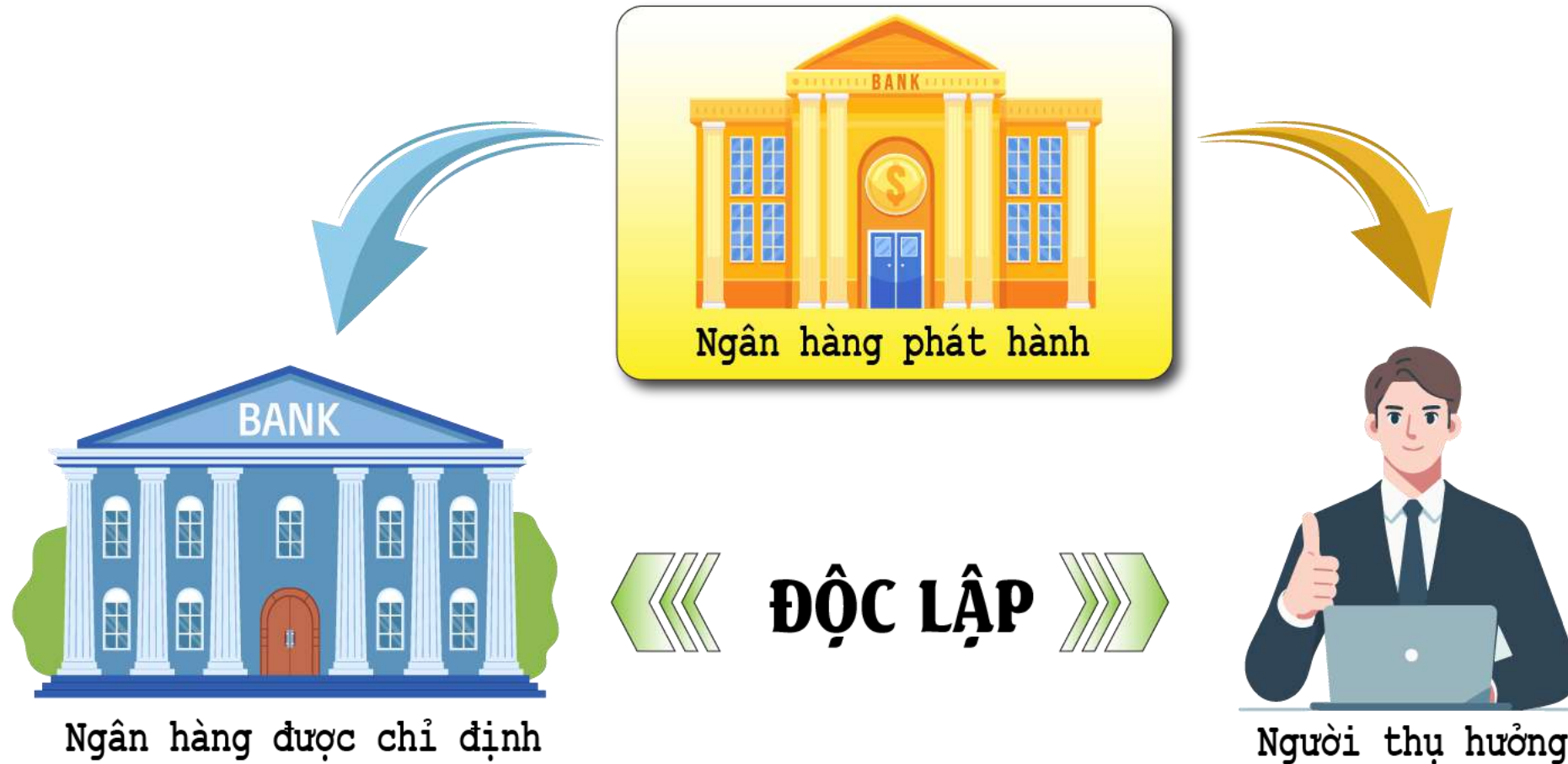


- ② NHPH bị ràng buộc không thể hủy ngang đối với việc thanh toán kể từ khi phát hành tín dụng**



- ③ Thời hạn thanh toán cho TD trả chậm là vào lúc đáo hạn**

Điều 7: Cam kết của ngân hàng phát hành (NHPH)



- ④ Cam kết của NHPH v/v trả tiền cho NHđCĐ là độc lập với cam kết của NHPH với người thụ hưởng.**

Điều 8: Cam kết của ngân hàng xác nhận (NHXN)

① Nếu xuất trình đến NHXN là phù hợp, NHXN phải thanh toán bằng cách:

**Trả ngay, trả chậm,
chấp nhận thanh toán**



Với người xuất trình



**Trả ngay, trả chậm,
chấp nhận thanh toán
chiết khấu**



Với NH được chỉ định



Điều 8: Cam kết của ngân hàng xác nhận (NHXN)

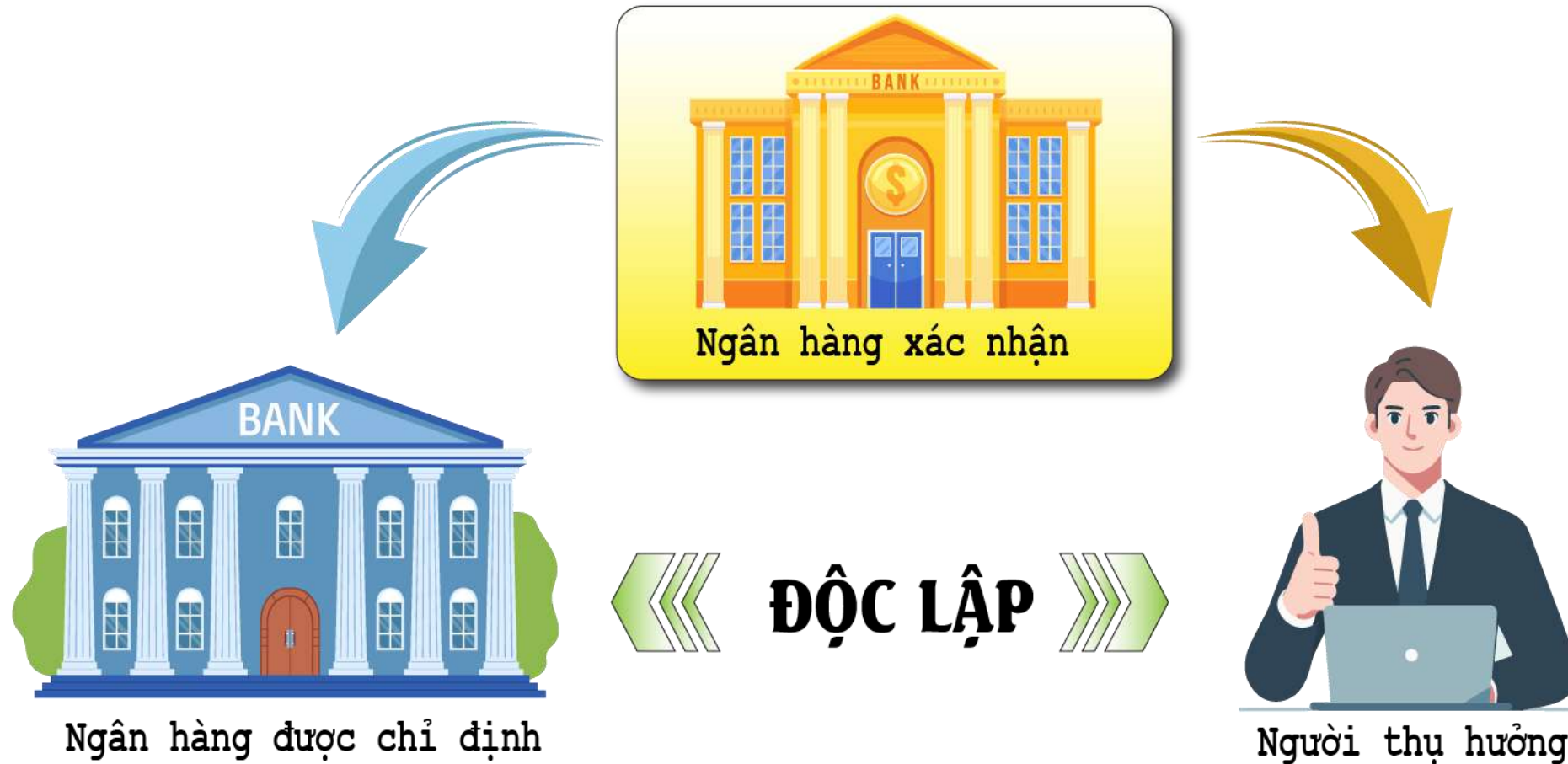


- ② NHXN bị ràng buộc không thể hủy ngang đối với việc thanh toán kể từ khi NH đó thực hiện xác nhận TD



- ③ Thời hạn thanh toán cho TD trả chậm là vào lúc đáo hạn

Điều 8: Cam kết của ngân hàng xác nhận (NHXN)



- ④ Cam kết của NHXN v/v trả tiền cho NHđCĐ là độc lập với cam kết của NHPH với người thụ hưởng.

Điều 8: Cam kết của ngân hàng xác nhận (NHXN)



Ngân hàng phát hành

yêu cầu xác nhận

Reference Number : 068337101502861
Date : 07/05/2015
To:
As instructed, we have issued out letter of credit for you with the following wording, please check the text immediately and our fact US within 3 working days from issuance date if you have any query.
MT ID: LCD809398353
Sender Bank : BFT1WVX
Priority : N
JOINT STOCK COMMERCIAL BANK FOR VIETCOMBANK TOWER 198 TRAN QUANG KH
LC Full SWIFT
INTESA SANPAOLO S.P.A. (FORMER SANP
SUNTEC TOWER FOUR 42-04/05 6 TEMASE
Input Message Type : MT700
Send to : BCITSGGG
:27:SEQUENCE OF TOTAL
1/1
:40A:FORM OF DOCUMENTARY CREDIT
IRREVOCABLE
:20:DOCUMENTARY CREDIT NUMBER
068337101502861
:31C:DATE OF ISSUE
150507
:40E APPLICABLE RULES
UCP LATEST VERSION
:31D:DATE AND PLACE OF EXPIRY
150729 IN SINGAPORE
:50 APPLICANT
PLASTICS PACKAGING
PRODUCTION AND TRADE INVESTMENT COMPANY LIMITED
(SEE FIELD 47A FOR ADDRESS)
:59: BENEFICIARY
MITSUBISHI CORPORATION, SINGAPORE BRANCH
1 TEMASEK AVENUE HEX 19-00 MILLENIA TOWER SINGAPORE 039192
:32B: CURRENCY CODE, AMOUNT
USD34155,00
:41D AVAILABLE WITH
ANY BANK
BY NEGOTIATION



Từ chối



Ngân hàng ABC



Phải thông báo
ngay cho NHPH

- ⑤ Nếu một NH được NHPH yêu cầu xác nhận một TD nhưng NH này không sẵn sàng làm việc đó, thì phải thông báo ngay cho NHPH

Điều 9: Thông báo tín dụng và các sửa đổi (TD&CSĐ)



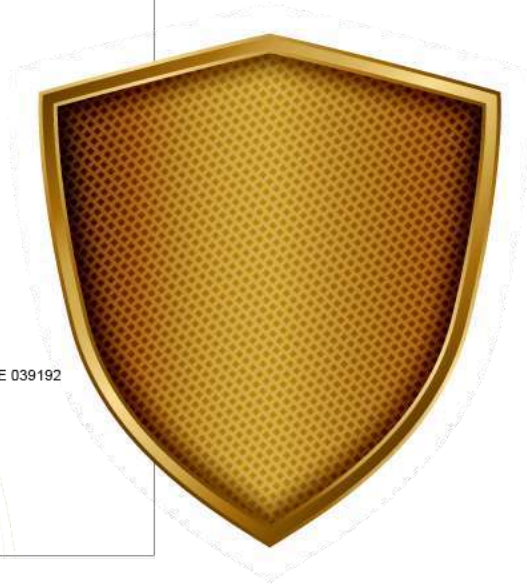
Thanh toán
chiết khấu

① TD&CSĐ có thể được TB cho người thụ hưởng (NTH) qua NHTB

② NHTB thông báo TD&CSĐ mà không cam kết thanh toán hoặc chiết khấu

Điều 9: Thông báo tín dụng và các sửa đổi (TD&CSĐ)

Reference Number : 068337101502861
Date : 07/05/2015
To:
As instructed, we have issued out letter of credit for you with the following wording, please check the text immediately and cor tact US within 3 working days from issuance date if you have any query.
MT ID: LCD809398353
Sender Bank : BFTWNVX
Priority : N
JOINT STOCK COMMERCIAL BANK FOR
VIETCOMBANK TOWER 198 TRAN QUANG KH
LC Full SWIFT
INTESA SANPAOLO S.P.A. (FORMER SANP
SUNTEC TOWER FOUR 42-04/05 6 TEMASE
Input Message Type : MT700
Send to : BCITSGSG
:27:SEQUENCE OF TOTAL
1/1
:40A:FORM OF DOCUMENTARY CREDIT
IRREVOCABLE
:20:DOCUMENTARY CREDIT NUMBER
068337101502861
:31C:DATE OF ISSUE
150507
:40E APPLICABLE RULES
UCP LATEST VERSION
:31D:DATE AND PLACE OF EXPIRY
150729 IN SINGAPORE
:50 APPLICANT
PLASTICS PACKAGING :
PRODUCTION AND TRADE INVESTMENT COMPANY LIMITED
SEE FIELD 47A FOR ADDRESS)
59: BENEFICIARY
MITSUBISHI CORPORATION, SINGAPORE BRANCH
1 TEMASEK AVENUE HEX 19-00 MILLENIA TOWER SINGAPORE 039192
:32B:CURRENCY CODE, AMOUNT
USD34155,00
:41D AVAILABLE WITH
ANY BANK
BY NEGOTIATION



③ Bằng việc TB, NHTB cho biết rằng tự nó đã thỏa mãn về tính chân thực bề ngoài của TD&CSĐ

④ TB phải phản ánh chính xác các điều kiện và điều khoản của TD&CSĐ

Điều 9: Thông báo tín dụng và các sửa đổi (TD&CSĐ)



5 NHTB có thể sử dụng DV của NH khác (NHTB 2) để TB tín dụng

6 TD được TB qua NHTB 2 thì các sửa đổi cũng thông báo qua NH này

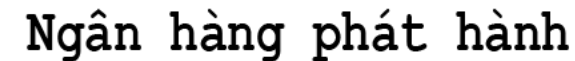
Điều 9: Thông báo tín dụng và các sửa đổi (TD&CSĐ)



- ⑦ Nếu NHTB 2 từ chối việc TB thì phải phản hồi lại cho NHTB một cách không chậm trễ**

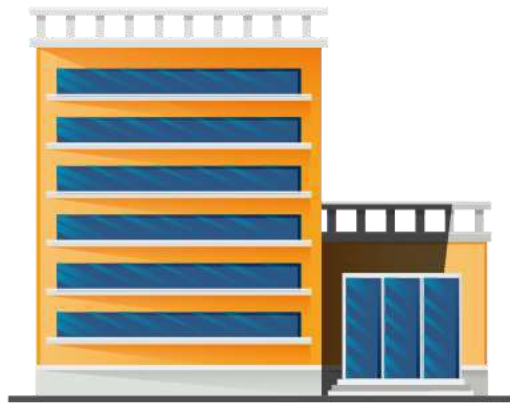


Letter of Credit



- 48

Ví dụ 7: Hủy thư tín dụng



Dự
định
nhập
khẩu



Đã
phát
hành
L/C



Công ty XNK An Phát

Tuy nhiên, sau đó Cty chúng tôi KHÔNG có nhu cầu nhập nữa.



Người nhập khẩu
Applicant



Người xuất khẩu
Beneficiary



Làm sao để hủy



Ví dụ 7: Hủy thư tín dụng

Để hủy
L/C



Người xuất khẩu
Beneficiary



Đã
đồng
ý

OK



3

Gửi điện đến ngân hàng thông báo yêu cầu hủy L/C



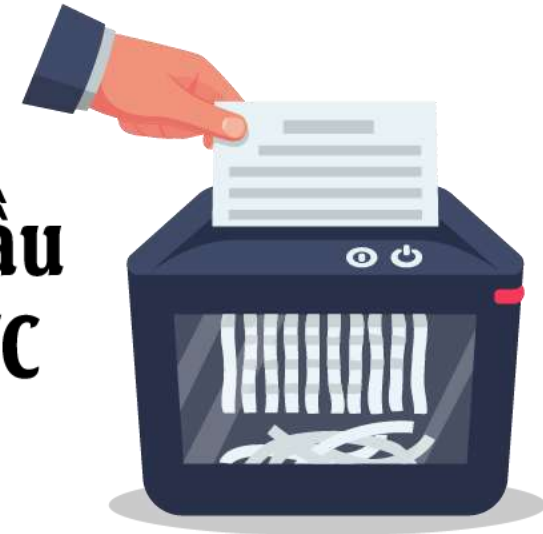
Ngân hàng phát hành



Công
ty
An
Phát



Yêu cầu
hủy L/C



Điều 10: Sửa đổi tín dụng



Ngân hàng xác nhận



NH phát hành



- ③ NHXN có thể xác nhận thêm cả sửa đổi và sẽ ràng buộc không thể hủy bỏ kể từ khi thông báo sửa đổi

Reference Number : 068337101502861
Date : 07/05/2015
To:
As instructed, we have issued out letter of credit for you with the following wording, please check the text immediately and cor tact US within 3 working days from issuance date if you have any query.
MT ID: LCD809398353
Sender Bank : BFTWNVX
Priority : N
JOINT STOCK COMMERCIAL BANK FOR VIETCOMBANK TOWER 198 TRAN QUANG KH LC Full SWIFT
INTESA SANPAOLO S.P.A. (FORMER SANP SUNTEC TOWER FOUR 42-04/05 6 TEMASE
Input Message Type : MT700
Send to : BCITSGSG
:27:SEQUENCE OF TOTAL
1/1
:40A:FORM OF DOCUMENTARY CREDIT
IRREVOCABLE
:20:DOCUMENTARY CREDIT NUMBER
068337101502861
:31C:DATE OF ISSUE
150507
:40E APPLICABLE RULES
UCP LATEST VERSION
:31D:DATE AND PLACE OF EXPIRY
150729 IN SINGAPORE
:50 APPLICANT
PLASTICS PACKAGING :
PRODUCTION AND TRADE INVESTMENT COMPANY LIMITED
SEE FIELD 47A FOR ADDRESS)
59:BENEFICIARY
MITSUBISHI CORPORATION, SINGAPORE BRANCH
1 TEMASEK AVENUE HEX 19-00 MILLENIA TOWER SINGAPORE 039192
:32B:CURRENCY CODE, AMOUNT
USD34155,00
:41D AVAILABLE WITH
ANY BANK
BY NEGOTIATION



NTH: người thụ hưởng

- ④ Các điều khoản của TD gốc sẽ còn nguyên hiệu lực cho đến khi NTH chấp nhận sửa đổi

Ví dụ 8: Người thụ hưởng chấp nhận sửa đổi



Nhập
khẩu



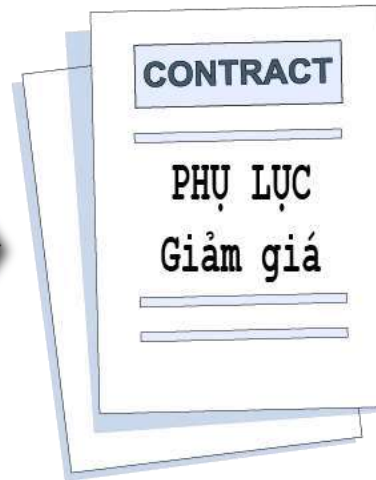
Đã
phát
hành
L/C



Công ty XNK An Phát

Đơn giá ban đầu	Thị trường giảm giá
10000 USD/MT	9000 USD/MT

Hai bên thỏa thuận giảm giá bán & ký phụ lục HĐ



Đề nghị NHPH sửa
L/C với đơn giá mới

**Chúng tôi băn khoăn là nhà xuất khẩu có giao hàng theo đúng đơn giá mới không?
Có cách nào để biết thời điểm nhà xuất khẩu chấp nhận hay từ chối sửa đổi không?**

Ví dụ 8: Người thụ hưởng chấp nhận sửa đổi

Khoản 4, Điều 10 UCP600 quy định:

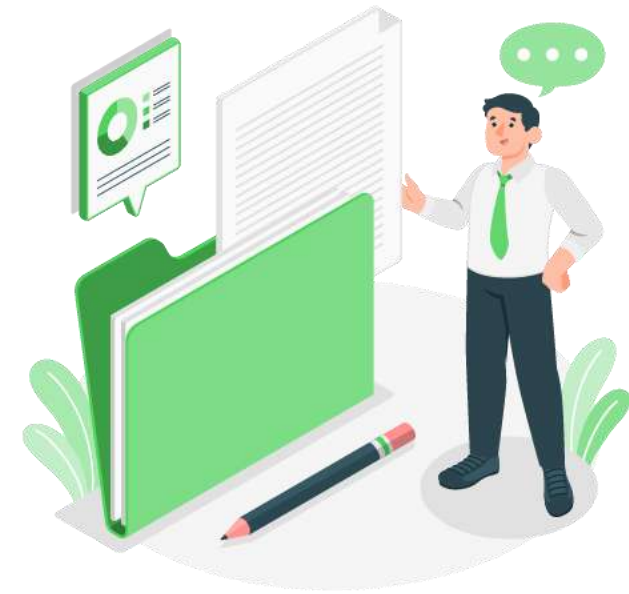
“Các điều khoản của tín dụng gốc sẽ còn nguyên hiệu lực cho đến khi người thụ hưởng chấp nhận sửa đổi”.

Công ty bạn xác định thời điểm mà nhà xuất khẩu chấp nhận sửa đổi L/C bằng 1 trong 2 cách:



Nhà XK th.báo việc chấp nhận sửa đổi

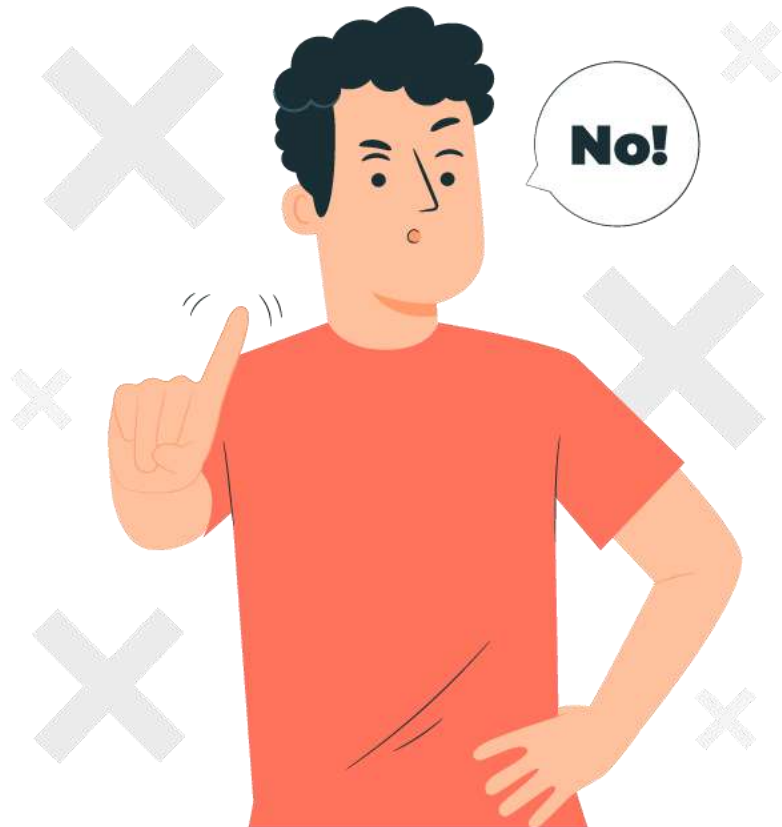
Thông qua ngân hàng thông báo gửi điện SWIFT



**Nhà XK xuất trình chứng từ
phù hợp với L/C sửa đổi.**

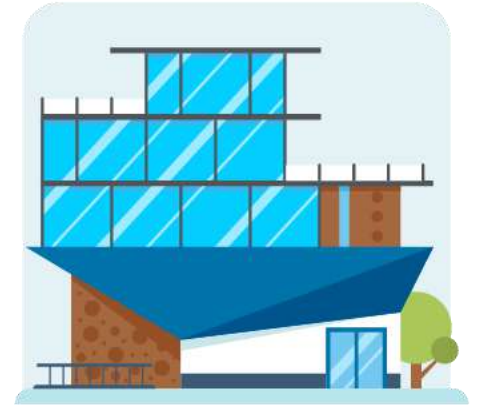
Ví dụ 8: Người thụ hưởng chấp nhận sửa đổi

Nếu chưa chấp nhận sửa đổi, nhà xuất khẩu hoàn toàn có thể xuất trình chứng từ phù hợp với L/C gốc và công ty bạn vẫn phải thanh toán.



Chưa
chấp
nhận
sửa
đổi

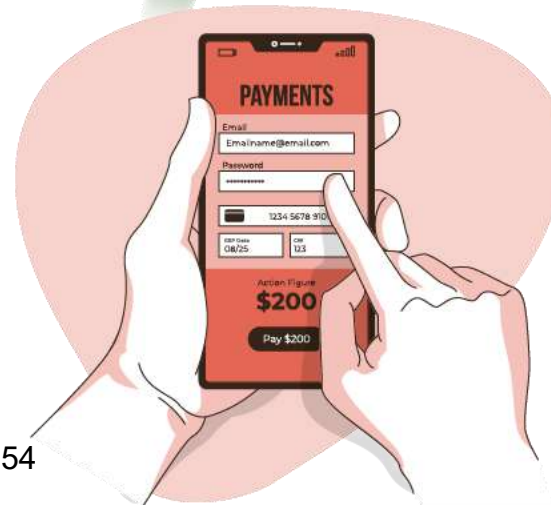
L/C



Công ty XNK An Phát



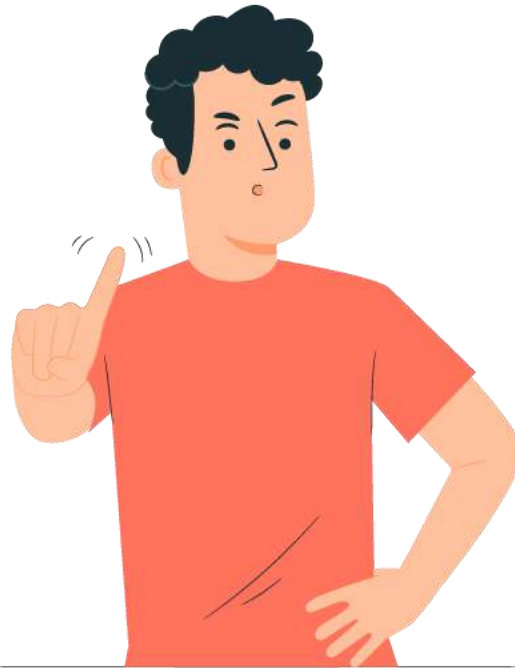
**Vẫn phải thanh toán
theo đơn giá cũ**



Nhà xuất khẩu - Người thụ hưởng

Điều 10: Sửa đổi tín dụng

Reference Number : 068337101502861
Date : 07/05/2015
To:
As instructed, we have issued out letter of credit for you with the following wording,
please check the text immediately and cor tact US within 3 working days from issuance
date if you have any query.
MT ID: LCD609398353
Sender Bank : BFTWNVX
Priority : N
JOINT STOCK COMMERCIAL BANK FOR
VIETCOMBANK TOWER 198 TRAN QUANG KH
LC Full SWIFT
INTESA SANPAOLO S.P.A. (FORMER SANP
SUNTEC TOWER FOUR 42-04/05 6 TEMASE
Input Message Type : MT700
Send to : BCITSGSG
:27:SEQUENCE OF TOTAL
1/1
:40A:FORM OF DOCUMENTARY CREDIT
IRREVOCABLE
:20:DOCUMENTARY CREDIT NUMBER
068337101502861
:31C:DATE OF ISSUE
150507
:40E APPLICABLE RULES
UCP LATEST VERSION
:31D:DATE AND PLACE OF EXPIRY
150729 IN SINGAPORE
:50 APPLICANT
PLASTICS PACKAGING :
PRODUCTION AND TRADE INVESTMENT COMPANY LIMITED
SEE FIELD 47A FOR ADDRESS)
59: BENEFICIARY
MITSUBISHI CORPORATION, SINGAPORE BRANCH
1 TEMASEK AVENUE HEX 19-00 MILLENIA TOWER SINGAPORE 039192
:32B:CURRENCY CODE, AMOUNT
USD34155,00
:41D AVAILABLE WITH
ANY BANK
BY NEGOTIATION

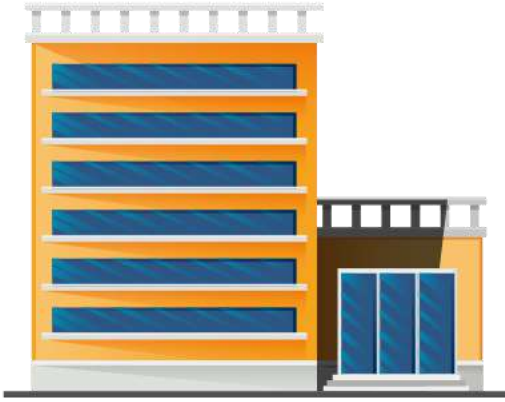


“Sửa đổi sẽ có hiệu lực trừ khi người thụ hưởng từ chối trong một thời gian nhất định”

⑤ Chấp nhận một phần sửa đổi là không được phép và sẽ được coi là thông báo từ chối sửa đổi

⑥ Một điều khoản trong sửa đổi quy định rằng [...] sẽ không được xem xét đến

Ví dụ 9: Sửa đổi thư tín dụng



Đang làm
bộ chứng từ
xuất khẩu
theo L/C

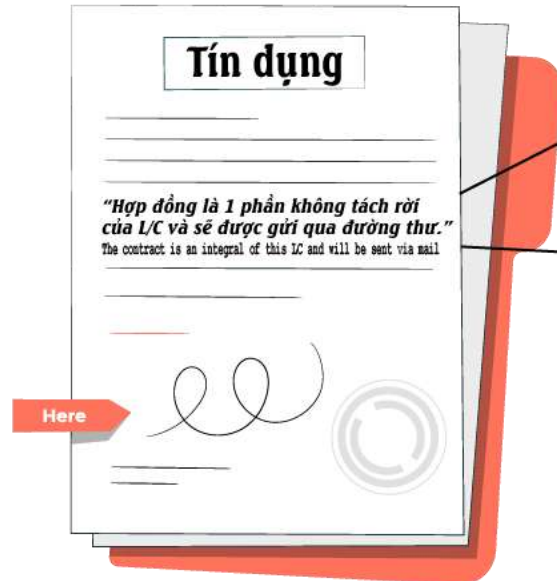


Sắp xong

Trong đó có nhiều chứng từ
do bên thứ 3 phát hành

Công ty XNK An Phát

Người NK lại phát hành 1 sửa đổi L/C thay đổi một số chi tiết nhỏ liên quan đến mô tả hàng hóa.

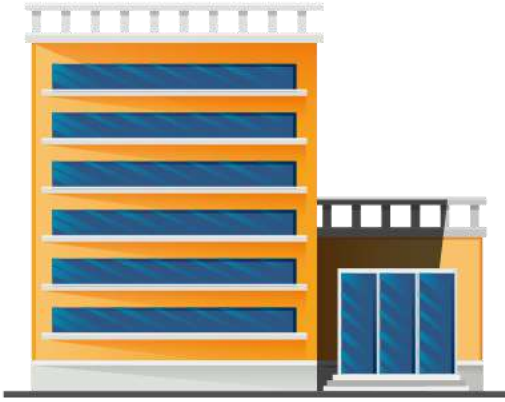


***“sửa đổi L/C có quy định là nếu không
từ chối trong vòng 5 ngày làm việc thì
sửa đổi có hiệu lực”***

mà hiện nay thời hạn đó đã trôi qua.

**Vậy chúng tôi phải xử lý như thế nào để không phải
sửa lại chứng từ nữa?**

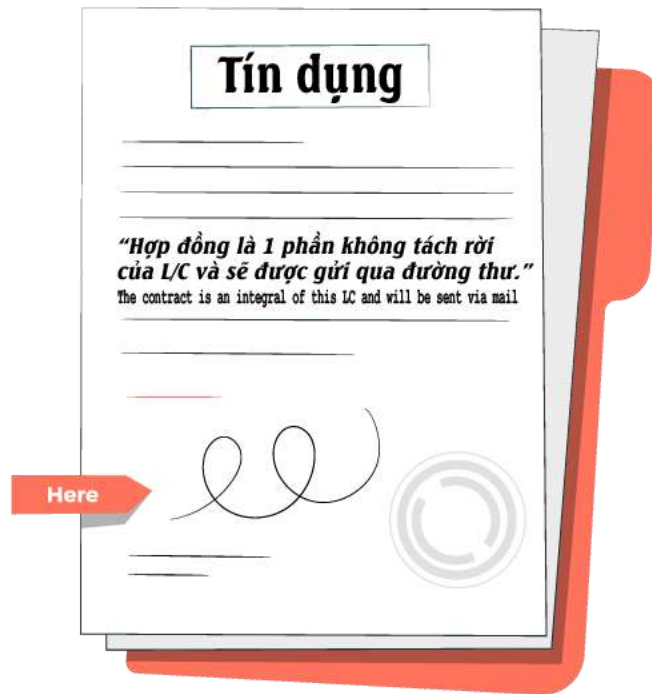
Ví dụ 9: Sửa đổi thư tín dụng



Công ty XNK An Phát

Khoản 6, Điều 10 UCP600 quy định:

Một điều khoản sửa đổi trong L/C quy định rằng: “sửa đổi sẽ có hiệu lực trừ khi người thụ hưởng từ chối trong một thời gian nhất định” sẽ không được xem xét đến.



Quy định này hoàn toàn không có giá trị gì và Cty bạn hoàn toàn có thể yên tâm bỏ qua nội dung này.

Điều 11: TD&CSĐ sơ báo và chuyển bằng điện

Teletransmitted and Pre-Advice Credits and Amendments

Reference Number : 068337101502861
Date : 07/05/2015
To:
As instructed, we have issued out letter of credit for you with the following wording,
please check the text immediately and cor tact US within 3 working days from issuance
date if you have any query.
MT ID: LCD809398353
Sender Bank : BFTWNVX
Priority : N
JOINT STOCK COMMERCIAL BANK FOR
VIETCOMBANK TOWER 198 TRAN QUANG KH
LC Full SWIFT
INTESA SANPAOLO S.P.A. (FORMER SANP
SUNTEC TOWER FOUR 42-04/05 6 TEMASE

Input Message Type : MT700
Send to : BCITSGSG

:27:SEQUENCE OF TOTAL
1/1

:40A:FORM OF DOCUMENTARY CREDIT
IRREVOCABLE

:20:DOCUMENTARY CREDIT NUMBER
068337101502861

:31C:DATE OF ISSUE
150507

:40E APPLICABLE RULES
UCP LATEST VERSION

:31D:DATE AND PLACE OF EXPIRY
150729 IN SINGAPORE

:50 APPLICANT
PLASTICS PACKAGING :
PRODUCTION AND TRADE INVESTMENT COMPANY LIMITED
(SEE FIELD 47A FOR ADDRESS)

:59: BENEFICIARY
MITSUBISHI CORPORATION, SINGAPORE BRANCH
1 TEMASEK AVENUE HEX 19-00 MILLENIA TOWER SINGAPORE 039192

:32B:CURRENCY CODE, AMOUNT
USD34155,00

:41D AVAILABLE WITH
ANY BANK
BY NEGOTIATION



“chỉ tiết đầy đủ gửi sau”

Reference Number : 068337101502861
Date : 07/05/2015
To:
As instructed, we have issued out letter of credit for you with the following wording,
please check the text immediately and cor tact US within 3 working days from issuance
date if you have any query.
MT ID: LCD809398353
Sender Bank : BFTWNVX
Priority : N
JOINT STOCK COMMERCIAL BANK FOR
VIETCOMBANK TOWER 198 TRAN QUANG KH
LC Full SWIFT
INTESA SANPAOLO S.P.A. (FORMER SANP
SUNTEC TOWER FOUR 42-04/05 6 TEMASE

Input Message Type : MT700
Send to : BCITSGSG

:27:SEQUENCE OF TOTAL
1/1

:40A:FORM OF DOCUMENTARY CREDIT
IRREVOCABLE

:20:DOCUMENTARY CREDIT NUMBER
068337101502861

:31C:DATE OF ISSUE
150507

:40E APPLICABLE RULES
UCP LATEST VERSION

:31D:DATE AND PLACE OF EXPIRY
150729 IN SINGAPORE

:50 APPLICANT
PLASTICS PACKAGING :
PRODUCTION AND TRADE INVESTMENT COMPANY LIMITED
(SEE FIELD 47A FOR ADDRESS)

:59: BENEFICIARY
MITSUBISHI CORPORATION, SINGAPORE BRANCH
1 TEMASEK AVENUE HEX 19-00 MILLENIA TOWER SINGAPORE 039192

:32B:CURRENCY CODE, AMOUNT
USD34155,00

:41D AVAILABLE WITH
ANY BANK
BY NEGOTIATION



① Một TD&CSĐ truyền đi một cách chân thực sẽ được coi như là TD&CSĐ có giá trị thực hiện

② Nếu điện chuyển ghi “chỉ tiết đầy đủ gửi sau” thì điện chuyển sẽ không được coi là có giá trị thực hiện

Điều 11: TD&CSD sơ báo và chuyển bằng điện

Teletransmitted and Pre-Advice Credits and Amendments



**Thông báo sơ bộ
về việc phát hành = thông
một TD&CSD báo**

- ③ Tiền thông báo chỉ được gửi đi nếu NHPH đã sẵn sàng phát hành TD&CSD có giá trị thực hiện

Reference Number : 088337101502861
Date : 07/05/2015
To:
As instructed, we have issued out letter of credit for you with the following wording, please check the text immediately and contact US within 3 working days from issuance date if you have any query.
MT ID: LCD800308353
Sender Bank : BFTWNVX
Priority : N
Input Message Type : MT700
Send to : BCITSGSG
JOINT STOCK COMMERCIAL BANK FOR VIETCOMBANK TOWER 198 TRAN QUANG KH LC Full SWIFT INTESA SANPAOLO S.P.A. (FORMER SANP SUNTEC TOWER FOUR 42-04/05 6 TEMASE
:27:SEQUENCE OF TOTAL
1/1
:40A:FORM OF DOCUMENTARY CREDIT
IRREVOCABLE
:20:DOCUMENTARY CREDIT NUMBER
088337101502861
:31C:DATE OF ISSUE
150507
:40E APPLICABLE RULES
UCP LATEST VERSION
:31D:DATE AND PLACE OF EXPIRY
150729 IN SINGAPORE
:50 APPLICANT
PLASTICS PACKAGING :
PRODUCTION AND TRADE INVESTMENT COMPANY LIMITED
(SEE FIELD 47A FOR ADDRESS)
:50:BENEFICIARY
MITSUBISHI CORPORATION, SINGAPORE BRANCH
1 TEMASEK AVENUE HEX 19-00 MILLENNIA TOWER SINGAPORE 039192
:32B:CURRENCY CODE, AMOUNT
USD34155.00
:41D AVAILABLE WITH
ANY BANK
BY NEGOTIATION



Thông báo sơ bộ

- ④ TD&CSD được phát hành phải không mâu thuẫn với thông báo sơ bộ

Điều 12: Sự chỉ định Nomination



Ngân hàng phát hành



Ủy quyền
thanh toán



Ngân hàng được chỉ định

- ① Bằng cách chỉ định 1 NH, NHPH đã ủy quyền cho NH đó thanh toán cho người thụ hưởng

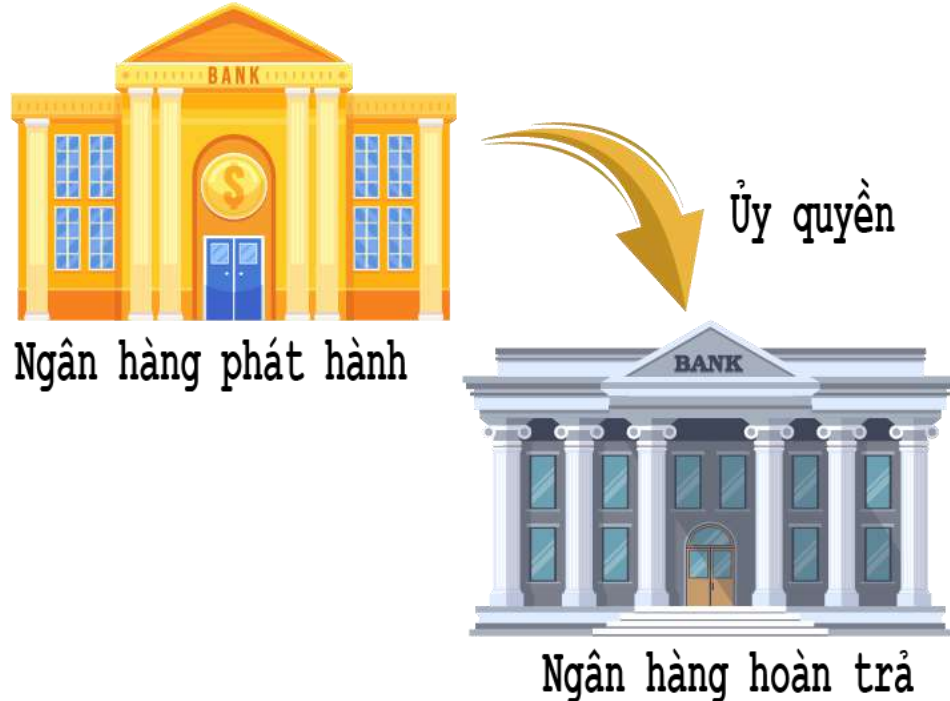


Ngân hàng được chỉ định

- ② Việc ủy quyền thanh toán, chiết khấu không ràng buộc thêm nghĩa vụ đối với NH chỉ định

Điều 13: Thỏa thuận hoàn trả tiền giữa các NH

- ① Nếu TD có quy định v/v hoàn trả, thì TD phải nói rõ việc hoàn trả có tuân thủ theo các quy tắc ICC không.
- ② Nếu không tuân theo các quy tắc của ICC thì áp dụng như sau:

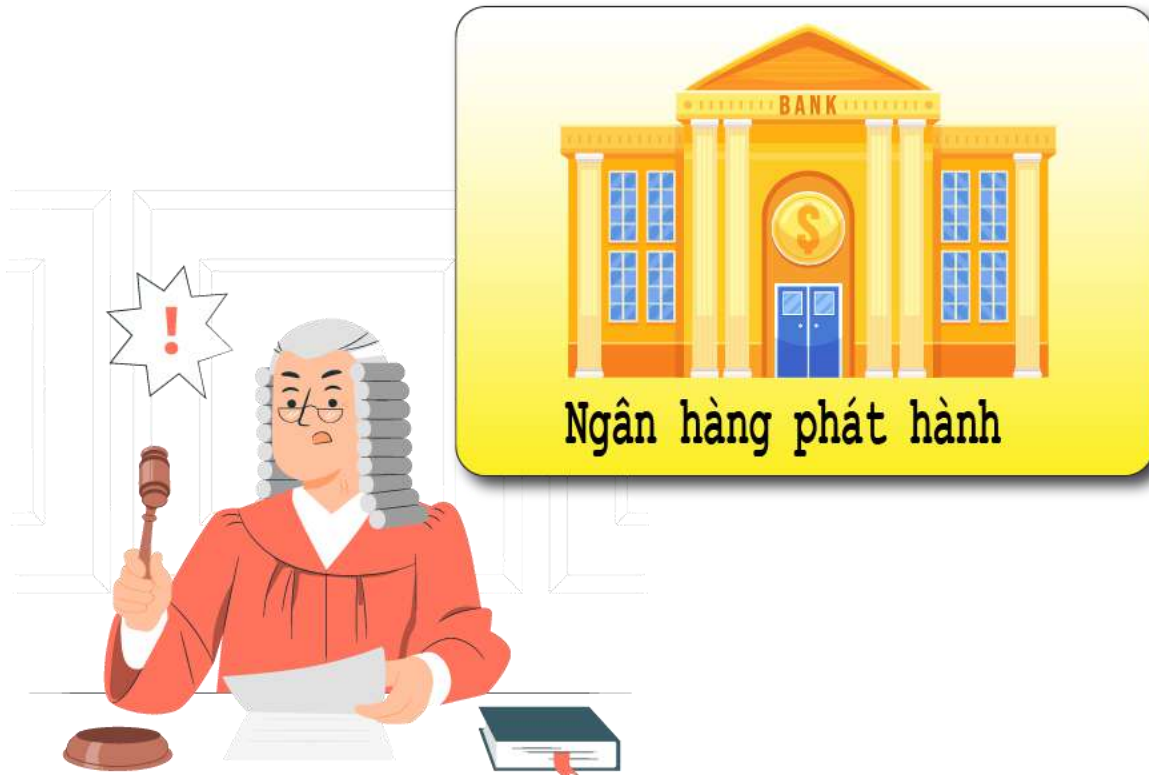


- a) NHPH phải cấp cho NH hoàn trả một ủy quyền hoàn trả

- b) NH đòi tiền không cần phải cung cấp cho NH hoàn trả một giấy chứng nhận...

Điều 13: Thỏa thuận hoàn trả tiền giữa các NH

② Nếu không tuân theo các quy tắc của ICC thì áp dụng như sau:



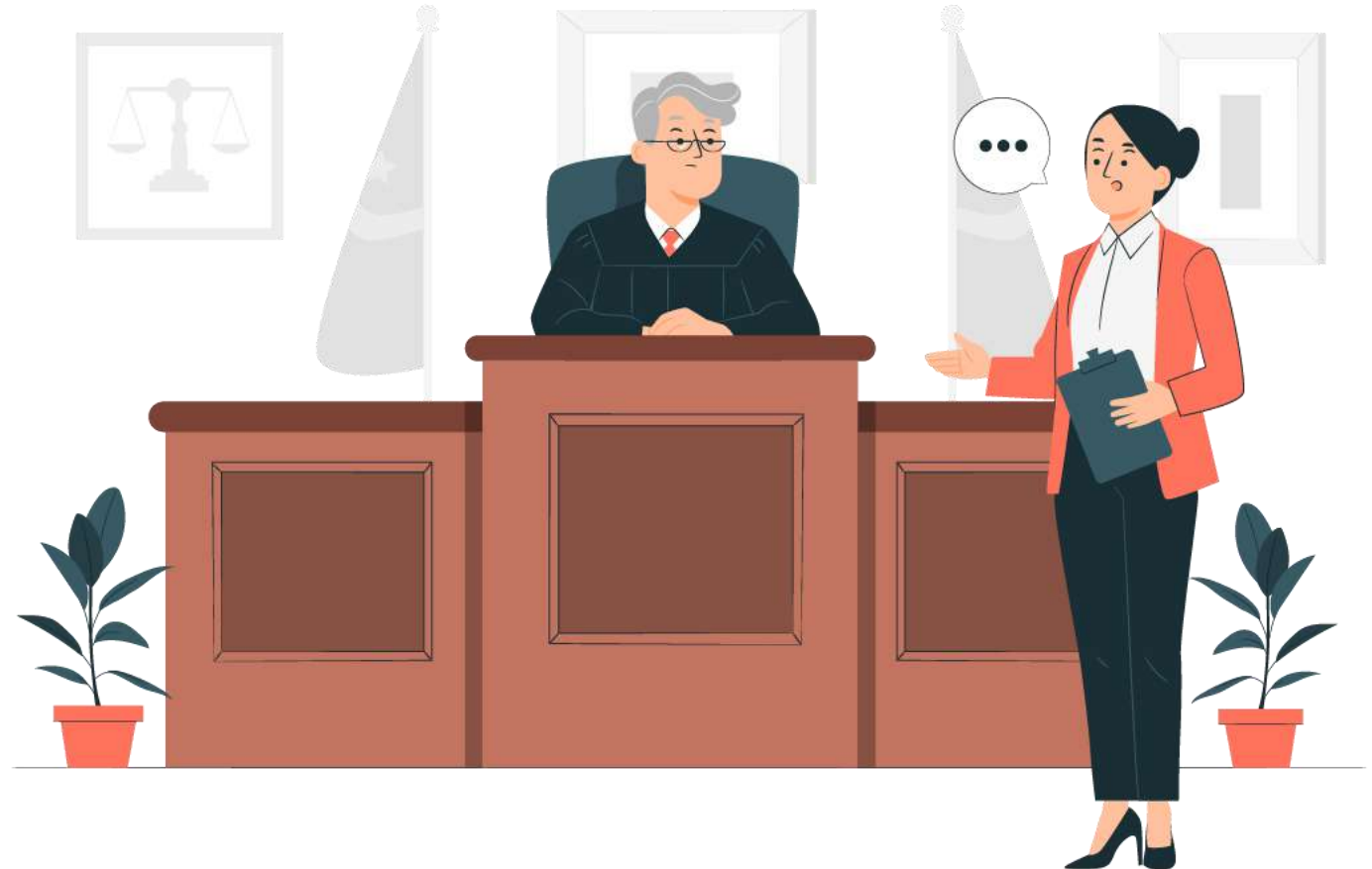
③ NHPH phải chịu trách nhiệm về tiền lãi và mọi chi phí phát sinh, nếu việc hoàn trả không được thực hiện



④ Các chi phí của NH hoàn trả sẽ do NH phát hành chịu

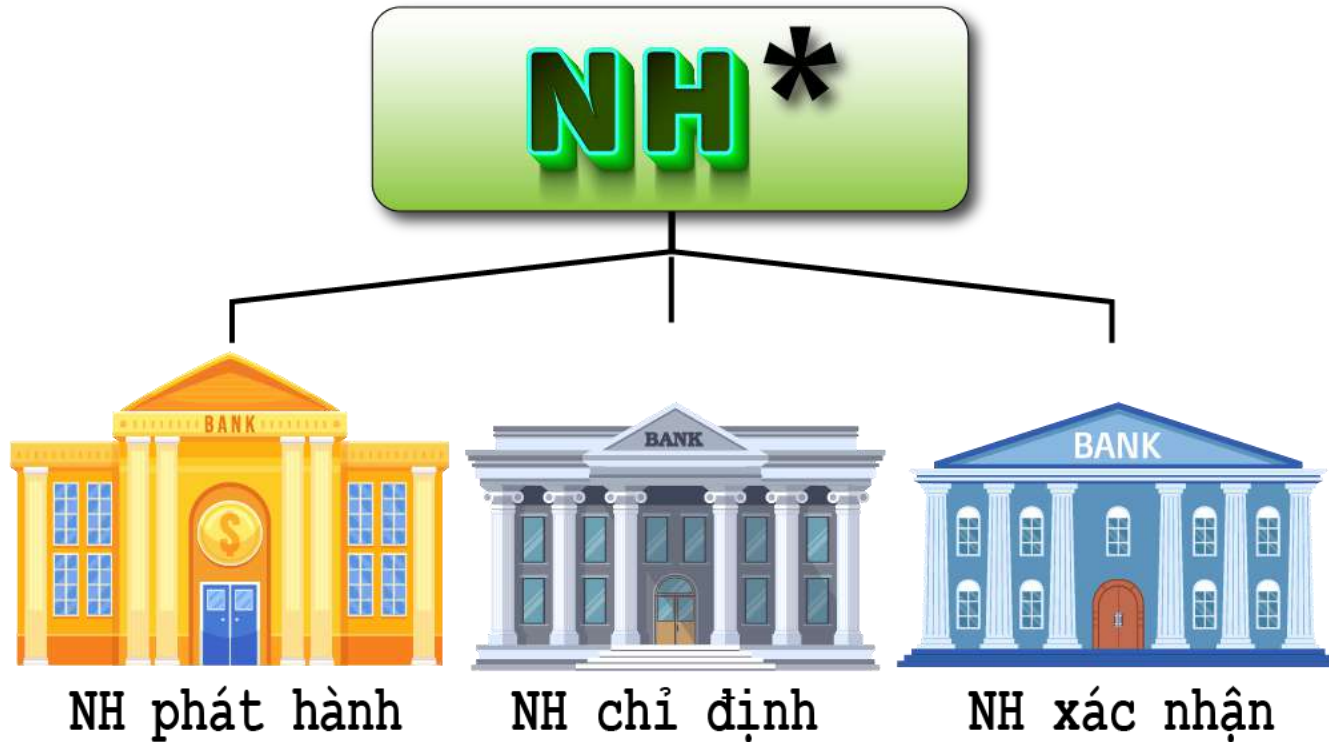
Điều 13: Thỏa thuận hoàn trả tiền giữa các NH

- ③ NHPH không được miễn bất cứ nghĩa vụ nào của mình về hoàn trả tiền, nếu NH hoàn trả không trả được tiền khi có yêu cầu đầu tiên.



Điều 14: Tiêu chuẩn kiểm tra chứng từ

Quan trọng



① NH* chỉ dựa trên chứng từ để QĐ c.từ đó có tạo thành một xuất trình phù hợp hay không

② NH* sẽ có 5 ngày làm việc để quyết định xem việc xuất trình có phù hợp hay không

Điều 14: Tiêu chuẩn kiểm tra chứng từ

Quan trọng

EVERGREEN LINE		BILL OF LADING	
ORIENTAL PAPER (P&C) LIMITED Rm 1318-20 13/F HOLLYWOOD PLAZA 610 NATHAN ROAD MONGKOK KL HK		143580986942	
HUA BINH JOINT STOCK COMPANY 2 BEN BINH DOCK STREET, WARD 11 DISTRICT 8, HOCHIMINH CITY, VIETNAM REGISTER NUMBER: 0302569917		21	
HUA BINH JOINT STOCK COMPANY 2 BEN BINH DOCK STREET, WARD 11 DISTRICT 8, HOCHIMINH CITY, VIETNAM REGISTER NUMBER: 0302569917		21	
NINGBO, CHINA		NINGBO, CHINA	
CAT LAI		CAT LAI	
CIS IVORY BOARD R.S. CODE: 4810.92		EVERGREEN SHIPPING AGENCY (VIETNAM) COMPANY LIMITED (HOCHIMINH OFFICE) FLOOR 30TH PEARL PLAZA, 561A DINH BIEN PHU STREET WARD 25, DINH THANH DISTRICT, HO CHI MINH CITY, VIETNAM * THE BALANCE OF BILL OF LADING ARE ATTACHED LIST 1 "OCEAN FREIGHT PREPARED" SHIPPER'S LOAD & COUNT 103 PALLETS	
TOTAL NUMBER OF CONTAINERS OR PACKAGES TWO (2) CONTAINERS ONLY		410314	
AS ARRANGED		AS AGENT	
NOV.03.2019		NOV.03.2019	
UNIQUE 4738		UNIQUE 4738	
NINGBO, CHINA		NINGBO, CHINA	



Reference Number : 088337101502861
Date : 07/05/2015
To:
As instructed, we have issued out letter of credit for you with the following wording, please check the text immediately and contact US within 3 working days from issuance date if you have any query.
MT ID: LCD809388353
Sender Bank : BFTWNVX
Priority : N
JOINT STOCK COMMERCIAL BANK FOR VIETCOMBANK TOWER 198 TRAN QUANG KH
LC Full SWIFT
INTESA SANPAOLO S.P.A. (FORMER SANP
SUNTEC TOWER FOUR 42-04/05 6 TEMASE
Input Message Type : MT700
Send to : BCITSGSG
:27-SEQUENCE OF TOTAL
1/1
:40A-FORM OF DOCUMENTARY CREDIT
IRREVOCABLE
:20-DOCUMENTARY CREDIT NUMBER
088337101502861
:31C-DATE OF ISSUE
150507
:40E-APPLICABLE RULES
UCP LATEST VERSION
:31D-DATE AND PLACE OF EXPIRY
150729 IN SINGAPORE
:50-APPLICANT
PLASTICS PACKAGING :
PRODUCTION AND TRADE INVESTMENT COMPANY LIMITED
SEE FIELD 47A FOR ADDRESS
:58-BENEFICIARY
MITSUBISHI CORPORATION, SINGAPORE BRANCH
1 TEMASEK AVENUE HEX 19-00 MILLENIA TOWER SINGAPORE 039192
:32B-CURRENCY CODE, AMOUNT
USD34155.00
:41D-AVAILABLE WITH
ANY BANK
BY NEGOTIATION

Original			
1. Product description (Exporter's business name, address, country) GUANGDONG SHINING TRADING CO., LTD. A17, NO. 69, HANGZHOU SOUTH ROAD, HANGZHOU CITY, DISTRICT, GUANGDONG, CHINA		Reference No.: 01040105037704 ASEAN-CHINA FREE TRADE AREA PREFERENTIAL TARIFF CERTIFICATE OF ORIGIN (Combined Declaration and Certificate) FORM E Issued by: THE PEOPLE'S REPUBLIC OF CHINA (Country) See Overleaf Notes	
2. Products consigned to (Consignee's name, address, country) HUA BINH JOINT STOCK COMPANY 2 BEN BINH DOCK STREET, WARD 11, DISTRICT 8, HOCHIMINH CITY, VIETNAM REGISTER NUMBER: 0302569917		3. Means of transport and route (as far as known) Departure date: NOV. 03, 2019 Vessel's name / AIRCRAFT: UN-ACTIVE ONE Port of Discharge: CAT LAI PORT, HOCHIMINH CITY, VIETNAM FROM HONGKONG, CHINA TO CAT LAI PORT, HOCHIMINH CITY, VIETNAM BY SEA	
4. For Official Use ☐ Pre-shipment Treatment Given ☐ Post-shipment Treatment Not Given (If Pre-shipment Treatment Given)		5. Declaration of origin (as far as known) Signature of Authorized Signatory of the Issuing Party	
6. Item number	7. Marks and number of packages	8. Number and type of packages, descriptions of products (including quantity, weight, approximate net and gross weight in kg and lbs)	9. Origin criteria (see Chapter 1, Annex 1)
1	MADE IN CHINA	ONE HUNDRED AND THREE (103) PALLETS OF CIS IVORY BOARD R.S. CODE: 4810.92 NET WT: 4810.92 GROSS WT: 4810.92 TOTAL: 4810.92 HONGKONG, CHINA TO CAT LAI PORT, HOCHIMINH CITY, VIETNAM BY SEA Rm 1318-20 13/F HOLLYWOOD PLAZA 610 NATHAN ROAD MONGKOK KL HK CHINA	10. Date of issue 150507
11. Declaration by the exporter The undersigned hereby declares that the above details and statements are correct and true to the best of his knowledge and belief, and that the goods are produced in the country specified in the certificate.		12. Declaration It is hereby declared, on the basis of control certificate, that the declaration by the exporter is correct.	
13. Issued by (Signature and stamp of the issuing authority) HANGZHOU, CHINA, NOV. 03, 2019 Place and date, signature of authorized signatory		14. Issued by (Signature and stamp of the issuing authority) HANGZHOU, CHINA, NOV. 03, 2019 Place and date, signature and stamp of issuing authority	

③ C.từ vận tải được xuất trình không muộn hơn 21 ngày kể từ ngày giao hàng (& phải nằm trong thời hạn hiệu lực của TD.

④ Dữ liệu trên 1 C.từ không nhất thiết phải giống hệ như dữ liệu của TD nhưng không được mâu thuẫn với các chứng từ khác hoặc với TD.

Điều 14: Tiêu chuẩn kiểm tra chứng từ

Quan trọng

- Total Nutrients : 60.0% MIN
- Nitrogen : 10.0% (+,-0.5%) MIN
- P2O5 : 50.0% MIN
- Moisture : 3% MAX
- Color : White or off-white powder



5 Trừ Invoice, các c.từ khác có thể mô tả h.hóa một cách chung chung Miễn là không mâu thuẫn với mô tả hàng hóa trong TD.

6 Nếu TD yêu cầu xuất trình 1 C.từ mà không quy định nội dung, thì NH sẽ chấp nhận c.từ như đã xuất trình trừ: Invoice, Bill of Lading, Insurance

ORIENTAL PAPER (HK) LIMITED

RMS 1218-26 15/F HOLLYWOOD PLAZA 610 NATHAN ROAD MONKONG KL HK

Sales Contract

The Buyer: HOA BINH JOINT STOCK COMPANY
2 BEN BINH DONG STREET, WARD 11, DISTRICT 8
HOCHIMINH CITY, VIETNAM

Contract No.: OPVM190827EMP
Date: Sep 27, 2019
Revision date: Sep 27, 2019
Destination: Cat Lai Port, Ho Chi Minh City, Vietnam
SC proof valid to Sep 29, 2019

This Contract is made by and between the Buyer and the Seller, whereby the Buyer agrees to buy and the Seller agrees to sell the under-mentioned goods subject to the terms and conditions as stipulated hereafter:

Sub (GSM)	Size (mm)	Packing	Qty (MT)	Unit Price (USD)	Amount (USD)
C15 IVORY EGADE					
300	720*940	FLAG	10.00	\$500.00	\$5,000.00
300	810*710	FLAG	15.00	\$500.00	\$7,500.00
350	860*1340	FLAG	15.00	\$500.00	\$7,500.00
400	610*1120	FLAG	10.00	\$500.00	\$5,000.00
Total			50.00		\$25,000.00

SAY TOTAL U.S. DOLLARS THIRTY THREE THOUSAND ONLY

- (1) 10% tolerance in quantity and amount is allowed.
- (2) Loading Port & Destination: From Any Port Of China To Cat Lai Port, Ho Chi Minh City, Vietnam.
- (3) Terms of Payment: 100% T/T At Sight Through Bank.

If payment term is T/T or L/C at sight, and/or there is a special agreement in writing by two parties, one can only release this bill of production as soon as receiving the advance payment or original L/C or fixed original L/C. If T/T advance payment or L/C establishment is NOT done on time which causes the production cycle being missed, we reserve the rights to change the price based on the market situation. Relevant fees incurred in amending L/C or paying price difference is for the account of the Buyer.

Beneficiary: ORIENTAL PAPER (HK) LIMITED

Bank Details:

Bank Name: HSBC Bank (China) Company Limited, Hangzhou Branch
Bank Address: Level 20, China Resources Building A, No.1300, Qianjiang Road, Jiangnan District, Hangzhou, Zhejiang, China, 310016
Swift Code: HSBCCH33HANZ
Account No.: 615123146255

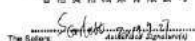
- (4) Packing: Standard Export Bulk Packing With Flags.
- (5) Shipping Mark: Made in China.
- (6) The Quality: Technique Standard of the Manufacturer.
- (7) Shipment Time: Around End Of Oct., 2019.
- (8) Transshipment Allowed: Partial shipment: Allowed.

(9) Force Majeure: Owing to the generally recognized Force Majeure clauses and other clauses agreed by the two parties, the seller can't deliver the goods or delay the delivery will not take any responsibility.

(10) This Contract is made out in two originals, one for each party. The Terms of this Contract shall be governed by INCOTERMS 2010.

(11) Signature: The Seller: HOA BINH JOINT STOCK COMPANY, the production: The Buyer: HOA BINH JOINT STOCK COMPANY.

香港東方紙業有限公司

The Seller: 

The Buyer: 
Ho Van Minh

Điều 14: Tiêu chuẩn kiểm tra chứng từ

Quan trọng

Vinacontrol
SINCE 1987

Vinacontrol Haiphong
80 Phạm Minh Dục st., Haiphong city.
Tel : 84 31 3760453
Fax: 84 31 3760103
E : vnacontrol@vinacontrol.com.vn
www.vinacontrol.com.vn
Branches in all main ports of Vietnam

CHỨNG THƯ GIÁM ĐỊNH VỀ CHÙNG LOẠI

Số: 14C01HQ10347-01
Ngày: 19/12/2014

Người yêu cầu : CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI DƯƠNG MINH THY
Tên hàng : GỖ LIM XẾ
Số lượng : 01 CONTAINER
Khối lượng : 23.000,000 KG (THEO B/L)
Tên tàu : BAOLA V.1405E
Cảng xếp hàng : TINCAN ISLAND
Cảng dỡ hàng : HAIPHONG, VIETNAM
Vận tải đơn số : TINHPH000128
Tờ khai Hải quan số: 100228852650 NGÀY 06/12/2014
Cơ quan Hải Quan tiếp nhận tờ khai: CHPKVIII
Ngày yêu cầu giám định: 18/12/2014

KẾT QUẢ GIÁM ĐỊNH

TÌNH TRẠNG CONTAINER VÀ NIÊM CHỈ: Container 40' số CAIU 9114644 có vỏ ngoài bình thường, tại thời điểm giám định container đã được mở niêm chỉ.

BAO BÌ: Gỗ đã trần, xếp trong container trên.

CHUNG LOẠI: Theo yêu cầu của Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Dương Minh Thy, chúng tôi đã kiểm tra ngoại quan hàng hóa, đồng thời lấy mẫu thuộc 2 thành gỗ bất kỳ xếp trong container trên đối chứng với loại gỗ Lim tương tự đang sử dụng trên thị trường, tham khảo các tài liệu có liên quan để xác định chủng loại, kết quả:

- Hàng xếp trong container nêu trên là gỗ Lim được xẻ vuông có tên khoa học là ERYTHROPHLEUM IVORENSE.

Ghi chú: Loại gỗ kiểm tra trên không thuộc danh mục các loài thực vật hoang dã thuộc quản lý của Công ước về buôn bán quốc tế các loài thực vật hoang dã nguy cấp theo Thông tư số 40/2013/TT-BNNPTNT ngày 05/9/2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn – Không thuộc danh mục của công ước CITES.

Địa điểm giám định: Bãi kiểm hóa tại Trung tâm máy soi container, Cục Hải quan thành phố Hải Phòng.

Thời gian giám định: Từ ngày 18/12/2014 đến ngày 19/12/2014.

GIÁM ĐỊNH VIÊN

TRƯỞNG PHÒNG GIÁM ĐỊNH 1

Nguyễn Hòa Hiệp
VNC 0813

Đinh Ngọc Quang
VNC 0803

Improve quality, toward success



ORIENTAL PAPER (HK) LIMITED
RMS 1218-20 15/F HOLLYWOOD PLAZA 810 NATHAN ROAD MONG KOK, HK

Sales Contract

Contract No.: OPVM190827EMP
Date: Sep 27, 2019
Revision: Sep 27, 2019
Destination: Cat Lai Port, Ho Chi Minh City, Vietnam
SC price valid to Sep 29, 2019

The Buyer: HOABINH JOINT STOCK COMPANY
2 BEN BINH LONG STREET, WARD 11, DISTRICT 8,
HO CHI MINH CITY, VIETNAM

The Seller: HOABINH JOINT STOCK COMPANY
2 BEN BINH LONG STREET, WARD 11, DISTRICT 8,
HO CHI MINH CITY, VIETNAM

This Contract is made by and between the Buyer and the Seller, whereby the Buyer agrees to buy and the Seller agrees to sell the under-mentioned goods subject to the terms and conditions as stipulated hereunder:

Sub (Q&M)	Size (W*H*W)	Packing	Qty (MT)	Unit Price (USD)	Amount (USD)
C15 IVORY BOARD					
300	720*940	FLAG	10.00	\$980.00	\$9,800.00
300	810*710	FLAG	15.00	\$660.00	\$9,900.00
350	860*1340	FLAG	15.00	\$660.00	\$9,900.00
400	810*1120	FLAG	10.00	\$850.00	\$8,500.00
Total			50.00		\$33,100.00

SAY TOTAL U.S. DOLLARS THIRTY THREE THOUSAND ONLY

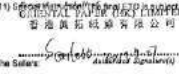
(1) 10% tolerance in quantity and amount is allowed.
(2) Loading Port & Destination: From Any Port Of China To Cat Lai Port, Ho Chi Minh City, Vietnam.
(3) Terms of Payment: 100% C/P At Sight Through Bank.

If payment term is T/T or L/C at sight, except there's a special agreement in written by two parts, we can only release the S/C for production as soon as receiving the advance payment or original L/C or faxed original L/C. If T/T advance payment or L/C establishment is NOT done on time which causes the production cycle being missed, we reserve the rights to change the price based on the market situation. Relevant loss incurred in amending L/C or paying price difference is for the account of the Buyer.

Beneficiary: ORIENTAL PAPER (HK) LIMITED
Bank Details:
Bank Name: HSBC Bank (China) Company Limited, Hangzhou Branch
Bank Address: Level 20, China Resource Building A, No. 1066, Qianjiang Road, Jianggan District, Hangzhou, Zhejiang, China, 310015
Swift Code: HSCN3333
Account No.: 61512144-055

(4) Packing: Standard Export Bulk Packing With Flaps.
(5) Shipment Marks: Made in China.
(6) The Quality: Technique Standard of the Manufacturers.
(7) Shipment Time: Around End Of Oct., 2019.
(8) Transportation: Airward. Parts shipment: Allowed.
(9) Force Majeure: Owing to the generally recognized Force Majeure clauses and other causes agreed by the two parties, the seller can't deliver the good or delay the delivery will not take any responsibility.
(10) This Contract is made out in two originals, one for each party. The Terms and Conditions of this Contract shall be governed by INCOTERMS 2010.

(11) Dispute Resolution: This S/C is subject to the production, the arbitration shall be conducted by the arbitration committee of the Oriental Paper (HK) Limited.

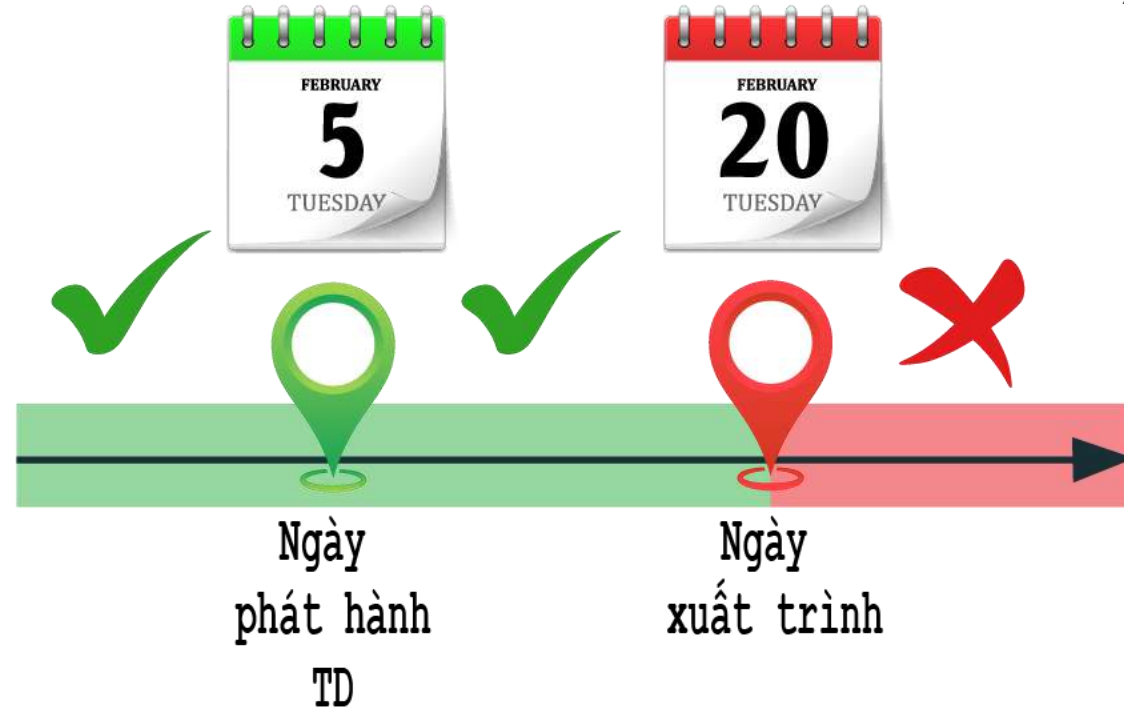
The Seller: 
The Buyer: 

7 Một c.từ xuất trình nhưng TD không yêu cầu sẽ không được xem xét đến và có thể trả lại cho người xuất trình.

8 Nếu TD có 1 ĐK mà không quy định c.từ, thì NH sẽ coi như là không có điều kiện đó và không xem xét

Điều 14: Tiêu chuẩn kiểm tra chứng từ

Quan trọng



Commercial Invoice ✓

Address: 345 Võ Nguyên Giáp street,
Thủ Đức city, Hồ Chí Minh city, Việt Nam

Letter of Credit ✓

Address: 345 Võ Nguyên Giáp street,
Hồ Chí Minh city, Việt Nam

⑨ Một c.từ có thể ghi ngày trước ngày phát hành TD nhưng không được ghi sau ngày xuất trình chứng từ

⑩ Địa chỉ trên c.từ không nhất thiết giống với địa chỉ ghi trên TD, nhưng phải cùng 1 quốc gia

Điều 14: Tiêu chuẩn kiểm tra chứng từ

Quan trọng

Bill of Lading ✓

Address: 345 Võ Nguyên Giáp street,
Hồ Chí Minh city, Việt Nam

Letter of Credit ✓

Address: 345 Võ Nguyên Giáp street,
Hồ Chí Minh city, Việt Nam

Shipper

Maiko Co.,Ltd

Consignee

Massan Vietnam Co.,Ltd

Beneficiary ✓

Pepsico Co.,Ltd

Masan



11 Tuy nhiên, địa chỉ trên chứng từ vận tải phải ghi đúng như trong TD

12 Người giao hàng | người gửi hàng ghi trên c.từ không nhất thiết là người thụ hưởng của TD

Điều 14: Tiêu chuẩn kiểm tra chứng từ

Quan trọng

EVERGREEN LINE		BILL OF LADING	
A Joint Service Agreement		NOT NEGOTIABLE - NON-TRANSFERABLE	
ORIGINAL		ORIGINAL	
(1) Carrier: ORIENTAL NAVY (HK) LIMITED POB 1318-20 13/F HOLLYWOOD PLAZA 610 NATHAN ROAD MONTECARLO KL HK		(2) Bill of Lading No: 143980906042 (3) Issue Date: 03/11/2019	
(4) Consignee: HOA BINH JOINT STOCK COMPANY 2 BEN BINH DONG STREET, WARD 11 DISTRICT 8, HOCHIMINH CITY, VIETNAM REGISTER NUMBER: 0302569917		(5) Forwarding Agent:	
(6) Notify Party (Company name and address): HOA BINH JOINT STOCK COMPANY 2 BEN BINH DONG STREET, WARD 11 DISTRICT 8, HOCHIMINH CITY, VIETNAM REGISTER NUMBER: 0302569917		(7) Name and Address of Shipper (for the Merchant's reference only): (8) Shipper's Party (Company name and address):	
(9) Port of origin: NINGBO, CHINA		(10) Port of destination: CAI LAI, HOCHIMINH CITY, VIETNAM	
(11) Port of discharge: NINGBO, CHINA		(12) Port of delivery: CAI LAI, HOCHIMINH CITY, VIETNAM	
(13) Description of Goods: 25W80.000 KGS 68.0000 CBM (HT-CUBE) 25084.000 KGS 68.0000 CBM (HT-CUBE) 2 X 40H CIS IVORY BOARD H.S. CODE: 4810.92		(14) Total number of Containers or Packages: TWO (2) CONTAINERS ONLY	
(15) Total number of Containers or Packages: TWO (2) CONTAINERS ONLY		(16) Total number of Containers or Packages: TWO (2) CONTAINERS ONLY	
(17) Total number of Containers or Packages: TWO (2) CONTAINERS ONLY		(18) Total number of Containers or Packages: TWO (2) CONTAINERS ONLY	
(19) Total number of Containers or Packages: TWO (2) CONTAINERS ONLY		(20) Total number of Containers or Packages: TWO (2) CONTAINERS ONLY	
(21) Total number of Containers or Packages: TWO (2) CONTAINERS ONLY		(22) Total number of Containers or Packages: TWO (2) CONTAINERS ONLY	
(23) Total number of Containers or Packages: TWO (2) CONTAINERS ONLY		(24) Total number of Containers or Packages: TWO (2) CONTAINERS ONLY	

Carrier:

Người chuyên chở

Caption:

Thuyền trưởng

Charterer:

Người thuê tàu



13 Chứng từ vận tải có thể do bất cứ bên nào phát hành miễn là chúng đáp ứng yêu cầu của các điều 19, 20, 21, 22, 23 hoặc 24 của quy tắc này.

Ví dụ 10: Thời hạn xuất trình chứng từ

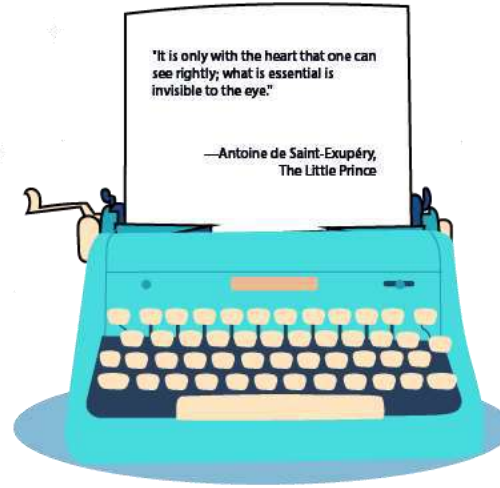


Công ty An Phát

Xuất
khẩu



Đang
lập
chứng
từ



Để
xuất
trình
theo
L/C



Tuy nhiên, chúng tôi không tìm thấy quy định về thời hạn xuất trình chứng từ như các L/C đã gặp trước đây.

Chúng tôi đang lo ngại chưa biết sẽ phải xuất trình chứng từ vào lúc nào để không bị lỗi trễ hạn xuất trình. Liệu có cách nào xác định được thời hạn này không?



Ví dụ 10: Thời hạn xuất trình chứng từ

Khoản 3, Điều 14 UCP600 quy định: ***“Chứng từ vận tải không xuất trình muộn hơn 21 ngày kể từ ngày giao hàng.”***

Như vậy, trong trường hợp L/C bạn nhận được không có quy định nào về thời hạn xuất trình, sẽ có thể xảy ra 2 trường hợp:



Reference Number : 068337101502861
Date : 07/05/2015
To:
As Instructed, we have issued out letter of credit for you with the following wording.
please check the text immediately and cor tact US within 3 working days from issuance
date if you have any query.
MT ID: LCD809398353
Sender Bank : BFTWVVK
Priority : N
JOINT STOCK COMMERCIAL BANK FOR
VIETCOMBANK TOWER 198 TRAN QUANG KH
LC Full SWIFT
INTESA SANPAOLO S.P.A. (FORMER SANP
SUNTEC TOWER FOUR 42-04/05 6 TEMASE

Input Message Type : MT700
Send to : BCTSGSG
:27:SEQUENCE OF TOTAL
1/1
:40A:FORM OF DOCUMENTARY CREDIT
IRREVOCABLE
:20:DOCUMENTARY CREDIT NUMBER
068337101502861
:31C:DATE OF ISSUE
150507
:40E APPLICABLE RULES
UCP LATEST VERSION
:31D:DATE AND PLACE OF EXPIRY
150729 IN SINGAPORE
:50 APPLICANT
PLASTICS PACKAGING :
PRODUCTION AND TRADE INVESTMENT COMPANY LIMITED
SEE FIELD 47A FOR ADDRESS
:55: BENEFICIARY
MITSUBISHI CORPORATION, SINGAPORE BRANCH
1 TEMASEK AVENUE HEX 19-00 MILLENIA TOWER SINGAPORE 039192
:32B: CURRENCY CODE, AMOUNT
USD34155,00
:41D AVAILABLE WITH
ANY BANK
BY NEGOTIATION



① Nếu L/C có yêu cầu bản gốc c.từ vận tải thì hạn xuất trình được hiểu là 21 ngày sau ngày giao hàng

② Nếu L/C không yêu cầu bản gốc c.từ vận tải, hạn xuất trình sẽ là trong thời hạn của L/C

Ví dụ 10a: Xử lý tình huống xuất trình muộן trong L/C

Công ty chúng tôi vừa lập xong bộ chứng từ và đang chuẩn bị xuất trình tới ngân hàng.

Tuy nhiên, chúng tôi phát hiện ra hạn xuất trình L/C là 01/07 nhưng hôm nay là ngày 03/07 Cty mới xuất trình. Chúng tôi đã thử liên hệ với nhà nhập nhưng họ không muốn thực hiện sửa đổi lại L/C.

Vậy có cách nào để tránh được lỗi xuất trình muộן không?

Trả lời:

Theo Điều 14b, UCP600: **“Ngân hàng có 5 ngày làm việc để xử lý chứng từ.”**

Do đó ngân hàng của bạn có thể xác nhận với NHPH là công ty bạn xuất trình vào ngày 01/07 trong thời hạn xuất trình, nhưng do quá trình xử lý nên đến 03/07 ngân hàng mới gửi chứng từ đi được. (Với điều kiện NH của bạn phải là NH được chỉ định.)



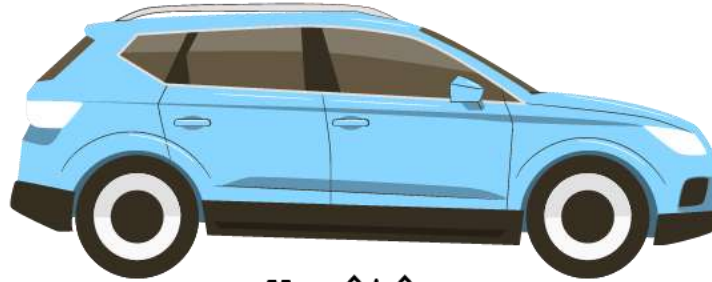
SUN	MON	TUE	WED	THUR	FRI	SAT
	1	2	3		5	6
7	8	9	10	11	12	13
14	15	16	17	18	19	20
21	22	23	24	25	26	27
28	29	30	31			

Ví dụ 11: Kiểm tra chứng từ thật | giả



Nhập
khẩu

Công ty An Phát



Xe ô tô

Sử dụng ph.thức: Chuyển tiền trả trước



Hay bị đối tác gửi chứng từ giả



Khó khăn trong việc
nhận hàng

C.ty quyết định chuyển sang ph.thức L/C để nhờ NH kiểm tra chứng từ nhằm phát hiện c.từ giả (nếu có). Liệu phương thức L/C có đáp ứng được như chúng tôi kỳ vọng không?



Ví dụ 11: Kiểm tra chứng từ thật|giả

Điều 14a, UCP600 quy định:

“Khi thực hiện kiểm tra chứng từ xuất trình theo L/C, ngân hàng phát hành sẽ chỉ kiểm tra nội dung trên bề mặt chứng từ.”

Tức là NHPH sẽ không có trách nhiệm xác định chữ ký có hợp lệ, đúng thẩm quyền không và cũng không có nghĩa vụ phải kiểm tra xem bộ chứng từ họ nhận được là thật hay giả.

Tóm lại, L/C không phải là công cụ để giúp công ty bạn chống lại hành vi cố ý gian lận, lừa đảo.



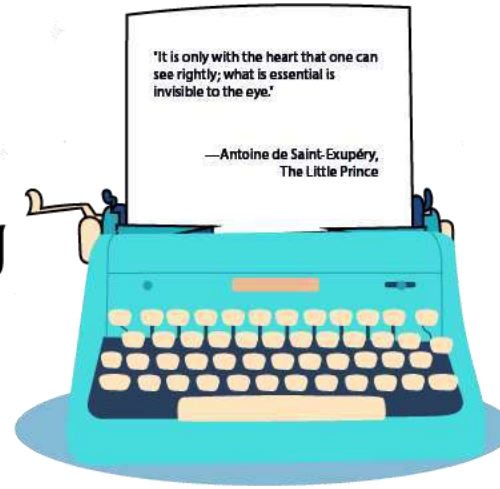
Ví dụ 11a: Xuất trình thư chứng từ



**Xuất
khẩu**



**Đang
lập
chứng
từ**



**Để
xuất
trình
theo
L/C**



Công ty An Phát

Tuy nhiên, trong quá trình giao hàng và lập chứng từ, đối tác lại yêu cầu gửi bổ sung thêm 1 chứng từ nữa mà L/C không yêu cầu.



Chứng từ này chúng tôi có thể cung cấp dễ dàng, nhưng lại đang lo ngại việc xuất trình chứng từ mà L/C không yêu cầu như thế có thể sẽ phát sinh bất hợp lệ.

Vậy công ty tôi phải xử lý trường hợp này như thế nào?

Ví dụ 11a: Xuất trình thừa chứng từ

Điều 14g, UCP600 quy định: ***“Các chứng từ mà L/C không yêu cầu sẽ được ngân hàng bỏ qua không xem xét đến.”***

Do đó, đối với yêu cầu xuất trình thêm một chứng từ không yêu cầu trong L/C, công ty bạn có thể yên tâm gửi kèm bộ chứng từ mà không sợ phát sinh bất hợp lệ từ chứng từ gửi kèm đó.



Ví dụ 11b: Ngày phát hành chứng từ sv ngày phát hành L/C



**Xuất
khẩu**



**Do đối tác
chậm trễ
nên phát hành
L/C khá muộn**

L/C muộn

**Công ty An Phát
Chúng tôi lại giao hàng đúng hẹn.**



Như vậy có bất hợp lệ không?

15/05/2025

20/05/2025

**Ngày
trên B/L
sớm
hơn
ngày
trên L/C**

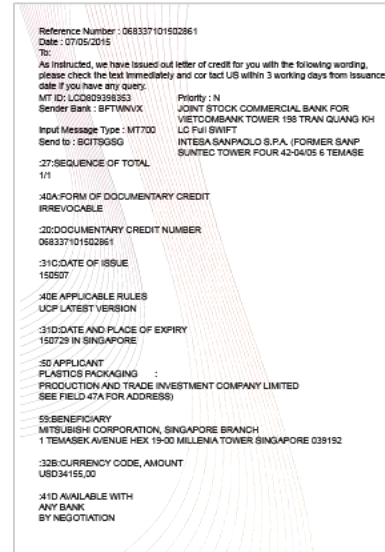
Ví dụ 11b: Ngày phát hành chứng từ sv ngày phát hành L/C

Điều 14i, UCP 600 quy định: ***“Một chứng từ có thể ghi ngày trước ngày phát hành L/C nhưng không được ghi sau ngày xuất trình chứng từ”.***

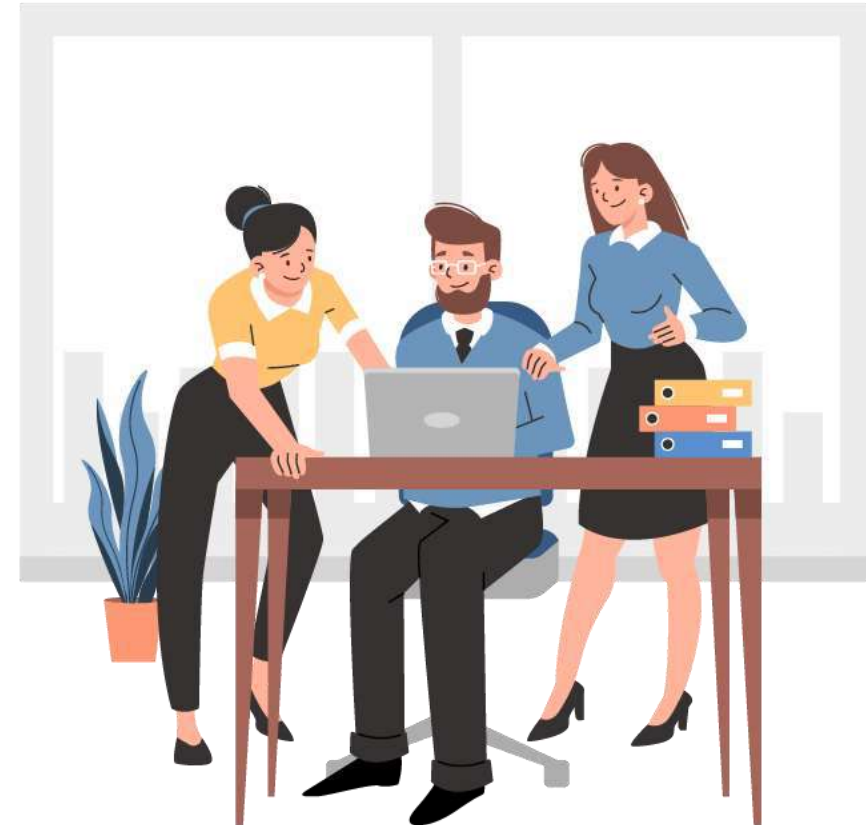
Như vậy trường hợp của bạn là ngày phát hành chứng từ sớm hơn ngày phát hành L/C là hoàn toàn hợp lệ.



Sớm
hơn



Hợp lệ



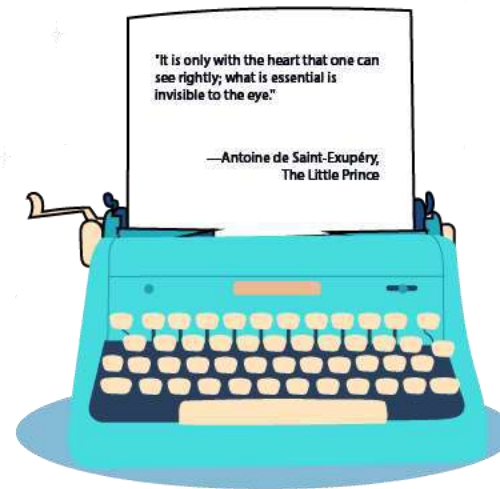
Ví dụ 12: Địa chỉ bên phát hành L/C



**Xuất
khẩu**



**Đang
lập
chứng
từ**



**Để
xuất
trình
theo
L/C**



**Người xuất khẩu
Beneficiary**

Tuy nhiên,
chính quyền
lại đổi tên xã,
phường do
sáp nhập
địa giới
hành chính.



**Địa chỉ Cty
không còn
đúng như
L/C quy định**



**Không
kịp
sửa
đổi**



Phải làm thế nào?

Ví dụ 12: Địa chỉ bên phát hành L/C

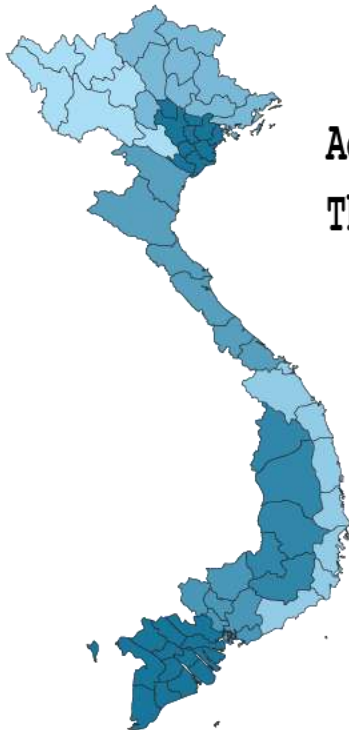
Khoản 10, Điều 14 UCP quy định:

“Địa chỉ trên chứng từ không nhất thiết phải giống với địa chỉ ghi trên tín dụng, nhưng phải cùng 1 quốc gia.”

Như vậy, về mặt chứng từ, công ty bạn có thể lập địa chỉ thế nào cũng được, miễn là trong cùng quốc gia quy định trong L/C.



Người xuất khẩu
Beneficiary



Commercial Invoice ✓

Address: 345 Võ Nguyên Giáp street,
Thủ Đức city, Hồ Chí Minh city, Việt Nam

Letter of Credit ✓

Address: 345 Võ Nguyên Giáp street,
Hồ Chí Minh city, Việt Nam



Ví dụ 13: L/C “at sight” có phải thanh toán ngay



Công ty An Phát

**Tuy nhiên,
lần này
đối tác
yêu cầu
thanh toán**

**Nhập
khẩu**



**Thường
dùng
phương
thức**

D/P

**L/C AT SIGHT
350.000 EUR**

Chúng tôi đang lo ngại là khi sử dụng L/C trả ngay, chúng tôi sẽ phải thanh toán tiền ngay lập tức khi bị nhà xuất khẩu đòi. Lúc đó việc thu xếp nguồn thanh toán sẽ khá khó khăn, do số tiền lô hàng không phải là nhỏ.

Liệu chúng tôi có phương án nào để khắc phục điều này không?

Ví dụ 13: L/C “at sight” có phải thanh toán ngay

Trong phương thức thanh toán tín dụng chứng từ, khi thanh toán theo một L/C có kỳ hạn “at sight” thì không có nghĩa là ngân hàng phát hành và nhà nhập khẩu sẽ phải thanh toán ngay lập tức.

Điều 14b, UCP600 quy định: ***“NHPH sẽ có 5 ngày làm việc kể từ khi nhận được bộ chứng từ để xử lý và quyết định xem bộ chứng từ xuất trình có phù hợp với điều khoản L/C hay không.”***



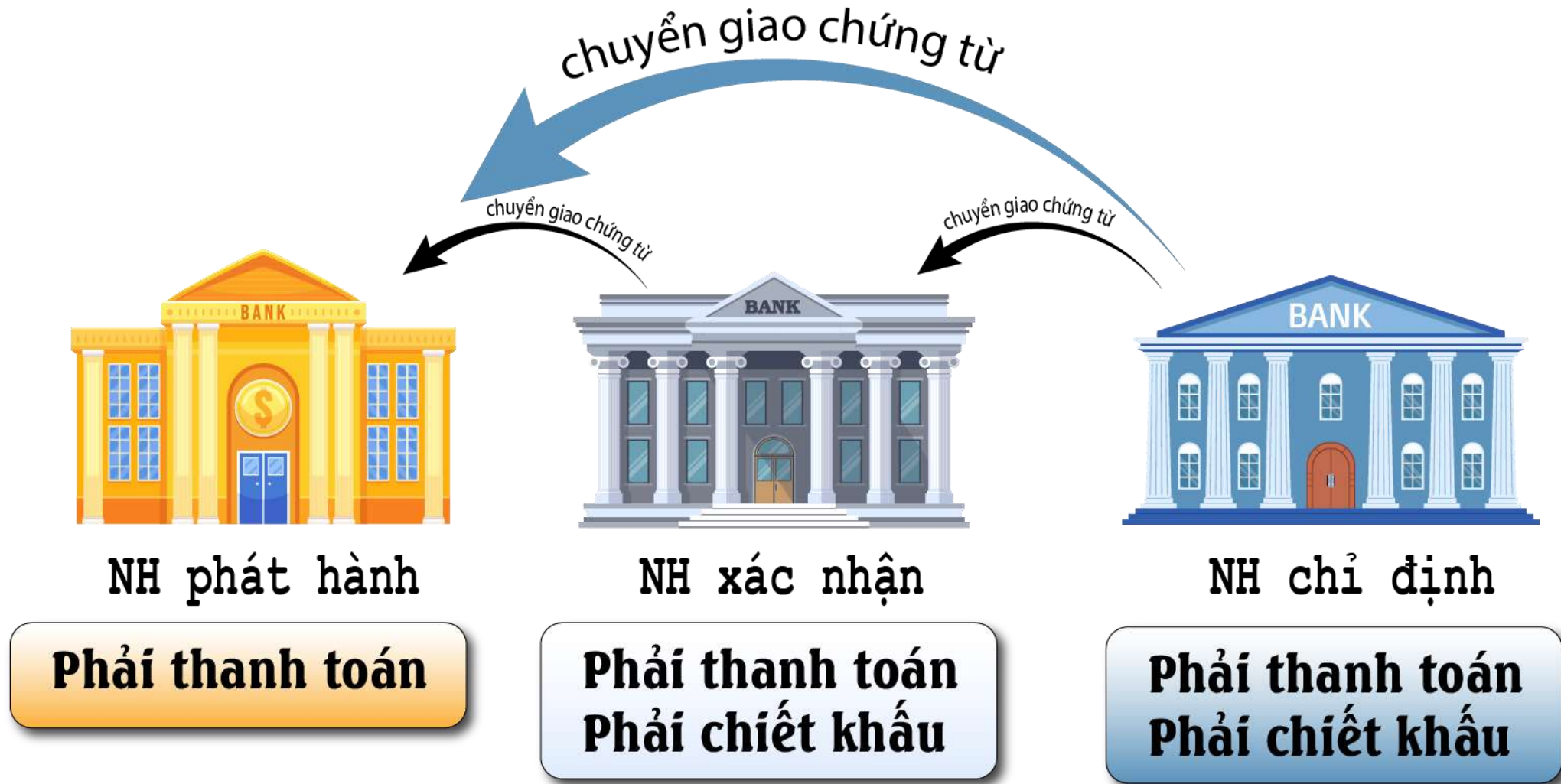
Công ty An Phát

&

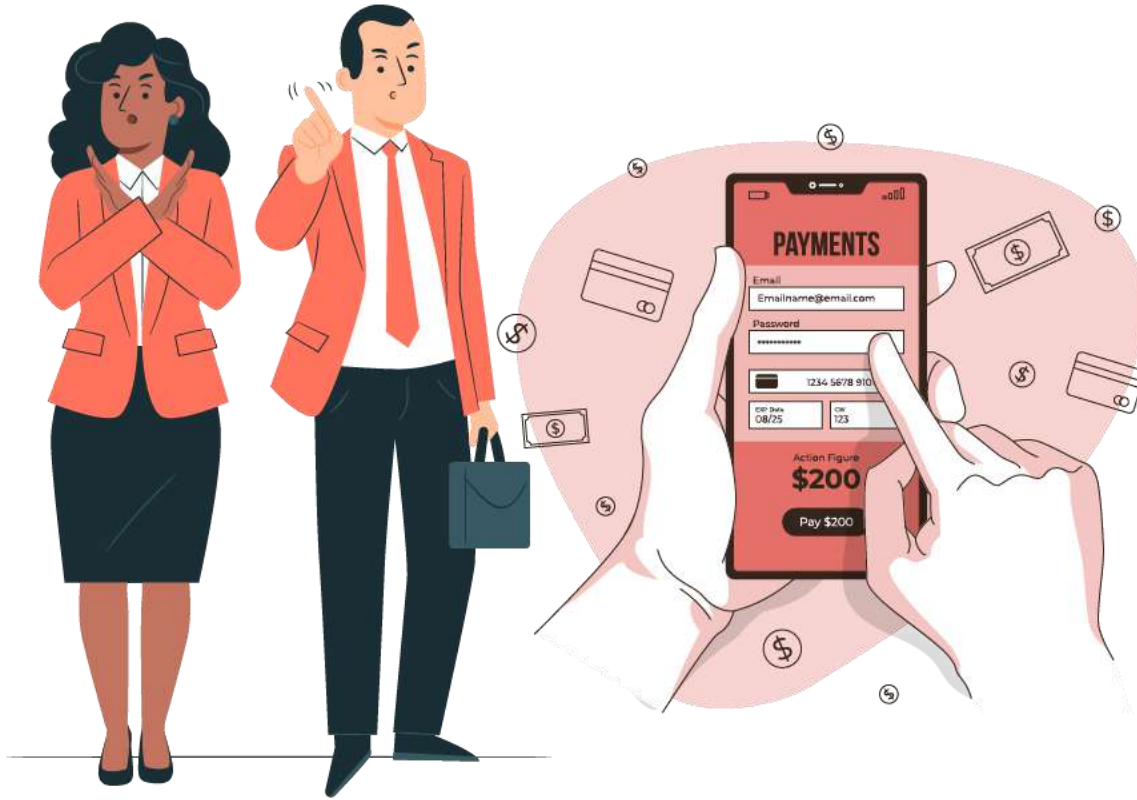


Điều 15: Xuất trình phù hợp

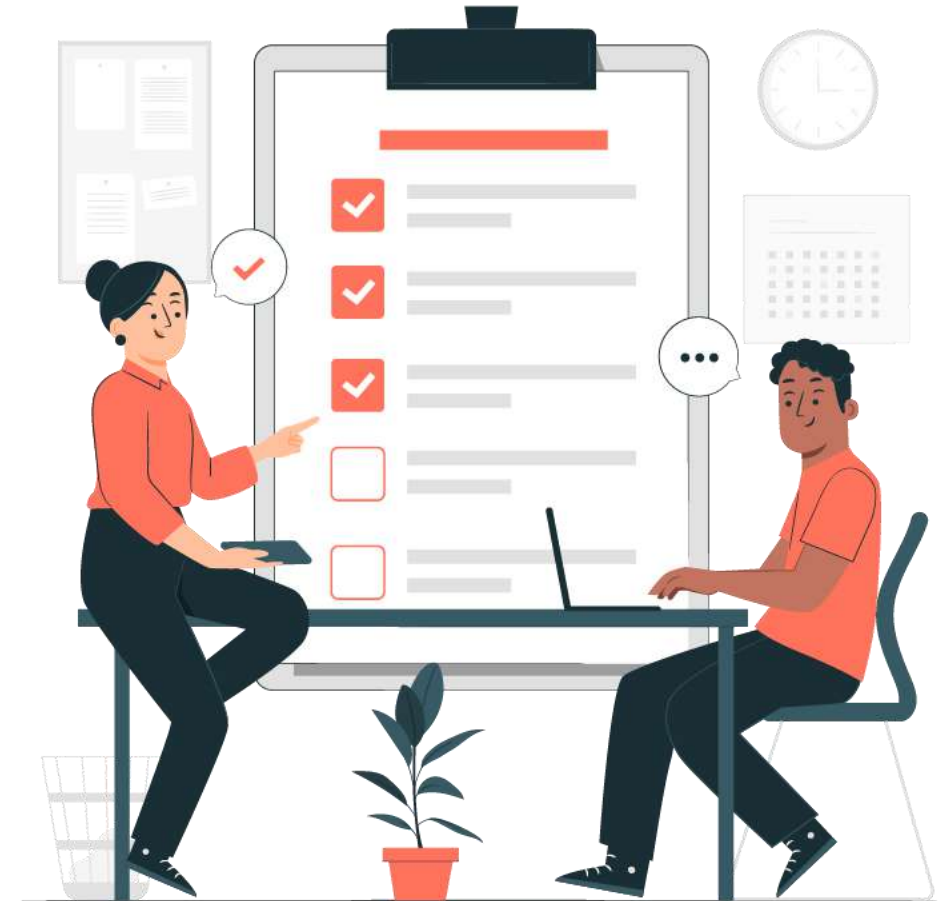
Khí một NHPH xác định việc xuất trình là phù hợp, thì:



Điều 16: Chứng từ có sai biệt, bỏ qua và thông báo



① Khi 1 NH xác định việc xuất trình là không phù hợp thì có thể từ chối thanh toán



② Khi đó, NHPH sẽ tiếp xúc với người yêu cầu đề nghị bỏ qua các sai biệt

Điều 16: Chứng từ có sai biệt, bỏ qua và thông báo

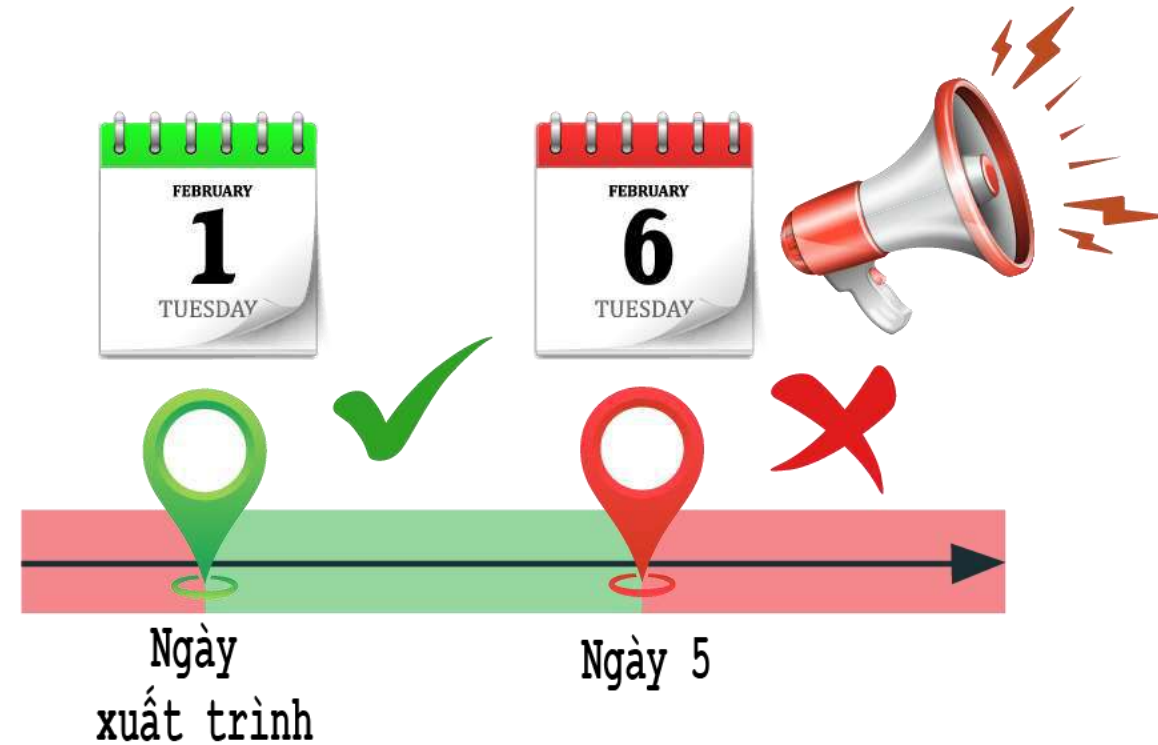
THÔNG BÁO TỪ CHỐI

Sai biệt

NH giữ chứng từ để chờ chỉ thị
từ người nhập khẩu:

+ Chấp nhận sai biệt

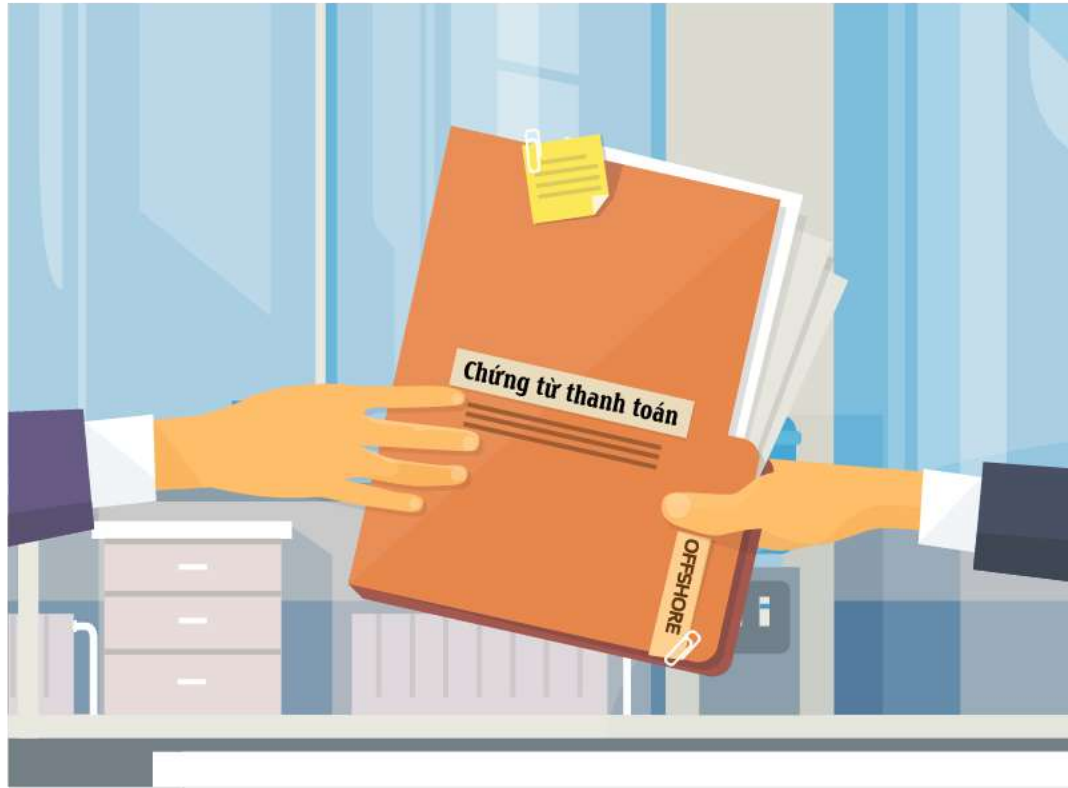
+ Trả lại chứng từ



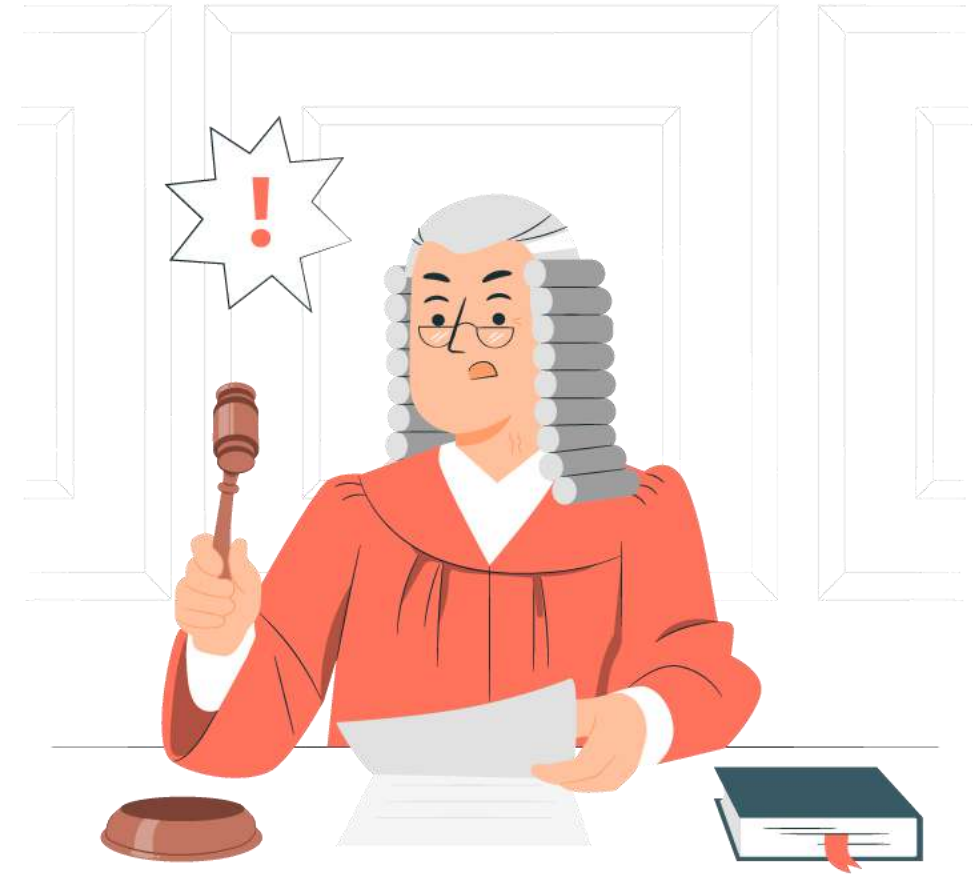
③ Khi NH quyết định từ chối thanh toán thì phải thông báo cho người xuất trình biết

④ Thời gian TB là không muộn hơn 5 ngày tính từ sau ngày xuất trình

Điều 16: Chứng từ có sai biệt, bỏ qua và thông báo



⑤ NH sau khi gửi TB từ chối: có thể gửi trả các chứng từ cho người xuất trình vào bất cứ thời gian nào.



⑥ Nếu NHPH & NHXN không tuân thủ điều này sẽ mất quyền khiếu nại về xuất trình không phù hợp

Điều 16: Chứng từ có sai biệt, bỏ qua và thông báo



NH phát hành



NH xác nhận



- ⑦ Nếu NHPH & NHXN từ chối thanh toán & đã gửi thông báo thì có quyền đòi lại tiền (bao gồm tiền lãi) mà mình đã thanh toán trước đây.

Ví dụ 14: Từ chối thanh toán L/C



Công ty An Phát

**Xuất
khẩu**



**Thường
áp dụng
p.thức
chuyển tiền**

T/T

**Lần
này,
HĐ có
giá trị
lớn**



**Đối tác
mới
giao
dịch
lần
đầu**



**thanh
toán**

L/C

Ví dụ 14: Từ chối thanh toán L/C



Công ty An Phát



**Lập
bộ
chứng
từ**



**NHPH
từ chối
thanh
toán**



Bộ chứng từ bất hợp lệ

Công ty tôi hiện đang rất lo lắng trước khả năng sẽ không nhận được tiền thanh toán cho lô hàng này. Chúng tôi phải làm gì trong tình huống này?

Trả lời:

Điều 16, UCP600 thì việc từ chối thanh toán khi nhà xuất khẩu xuất trình bộ chứng từ bất hợp lệ là hoàn toàn bình thường và đúng thông lệ.

Tuy nhiên, NHPH từ chối thanh toán không có nghĩa là nhà nhập khẩu không thanh toán.

Ví dụ 14: Từ chối thanh toán L/C



Công ty bạn hãy liên hệ ngay với nhà nhập khẩu để thúc đẩy họ sớm thực hiện việc này.

Điều 17: Chứng từ gốc và các bản sao

EVERGREEN LINE A Joint Service Agreement BILL OF LADING NOT NEGOTIABLE (Pursuant to UCP 600) ORIGINAL	
(1) Shipper/Export/Supplier name and address: ORIENTAL PAPER (HK) LIMITED Rm 1312-1313/F HOLLWOOD PLAZA 610 NATHAN ROAD MONGKOK KL HK	(2) Consignee: 143980986842 (3) Export Reference:
(4) Notify Party: HOA BINH JOINT STOCK COMPANY 2 BEN BINH DONG STREET, WARD 11 DISTRICT 8, HOCHIMINH CITY, VIETNAM REGISTER NUMBER: 0302569917	(5) Forwarding Agent:
(6) Place and Country of Origin (for the shipper's reference only): HOA BINH JOINT STOCK COMPANY 2 BEN BINH DONG STREET, WARD 11 DISTRICT 8, HOCHIMINH CITY, VIETNAM REGISTER NUMBER: 0302569917	(7) Place and Country of Origin (for the shipper's reference only):
(8) Place and Country of Origin (for the shipper's reference only): HOA BINH JOINT STOCK COMPANY 2 BEN BINH DONG STREET, WARD 11 DISTRICT 8, HOCHIMINH CITY, VIETNAM REGISTER NUMBER: 0302569917	(9) Place and Country of Origin (for the shipper's reference only):
(10) Place of Receipt: CAT LAI PORT, HOCHIMINH CITY, VIETNAM	(11) Place of Destination: NINGBO, CHINA
(12) Description of Goods: 2 X 40H 25080.000 KGS 51,864.000 KGS	(13) Description of Goods: 25080.000 KGS 51,864.000 KGS
(14) Description of Goods: 25080.000 KGS 51,864.000 KGS	(15) Description of Goods: 25080.000 KGS 51,864.000 KGS
(16) Description of Goods: 25080.000 KGS 51,864.000 KGS	(17) Description of Goods: 25080.000 KGS 51,864.000 KGS
(18) Description of Goods: 25080.000 KGS 51,864.000 KGS	(19) Description of Goods: 25080.000 KGS 51,864.000 KGS
(20) Description of Goods: 25080.000 KGS 51,864.000 KGS	(21) Description of Goods: 25080.000 KGS 51,864.000 KGS
(22) Description of Goods: 25080.000 KGS 51,864.000 KGS	(23) Description of Goods: 25080.000 KGS 51,864.000 KGS
(24) Description of Goods: 25080.000 KGS 51,864.000 KGS	(25) Description of Goods: 25080.000 KGS 51,864.000 KGS
(26) Description of Goods: 25080.000 KGS 51,864.000 KGS	(27) Description of Goods: 25080.000 KGS 51,864.000 KGS
(28) Description of Goods: 25080.000 KGS 51,864.000 KGS	(29) Description of Goods: 25080.000 KGS 51,864.000 KGS
(30) Description of Goods: 25080.000 KGS 51,864.000 KGS	(31) Description of Goods: 25080.000 KGS 51,864.000 KGS
(32) Description of Goods: 25080.000 KGS 51,864.000 KGS	(33) Description of Goods: 25080.000 KGS 51,864.000 KGS
(34) Description of Goods: 25080.000 KGS 51,864.000 KGS	(35) Description of Goods: 25080.000 KGS 51,864.000 KGS
(36) Description of Goods: 25080.000 KGS 51,864.000 KGS	(37) Description of Goods: 25080.000 KGS 51,864.000 KGS
(38) Description of Goods: 25080.000 KGS 51,864.000 KGS	(39) Description of Goods: 25080.000 KGS 51,864.000 KGS
(40) Description of Goods: 25080.000 KGS 51,864.000 KGS	(41) Description of Goods: 25080.000 KGS 51,864.000 KGS
(42) Description of Goods: 25080.000 KGS 51,864.000 KGS	(43) Description of Goods: 25080.000 KGS 51,864.000 KGS
(44) Description of Goods: 25080.000 KGS 51,864.000 KGS	(45) Description of Goods: 25080.000 KGS 51,864.000 KGS
(46) Description of Goods: 25080.000 KGS 51,864.000 KGS	(47) Description of Goods: 25080.000 KGS 51,864.000 KGS
(48) Description of Goods: 25080.000 KGS 51,864.000 KGS	(49) Description of Goods: 25080.000 KGS 51,864.000 KGS
(50) Description of Goods: 25080.000 KGS 51,864.000 KGS	(51) Description of Goods: 25080.000 KGS 51,864.000 KGS
(52) Description of Goods: 25080.000 KGS 51,864.000 KGS	(53) Description of Goods: 25080.000 KGS 51,864.000 KGS
(54) Description of Goods: 25080.000 KGS 51,864.000 KGS	(55) Description of Goods: 25080.000 KGS 51,864.000 KGS
(56) Description of Goods: 25080.000 KGS 51,864.000 KGS	(57) Description of Goods: 25080.000 KGS 51,864.000 KGS
(58) Description of Goods: 25080.000 KGS 51,864.000 KGS	(59) Description of Goods: 25080.000 KGS 51,864.000 KGS
(60) Description of Goods: 25080.000 KGS 51,864.000 KGS	(61) Description of Goods: 25080.000 KGS 51,864.000 KGS
(62) Description of Goods: 25080.000 KGS 51,864.000 KGS	(63) Description of Goods: 25080.000 KGS 51,864.000 KGS
(64) Description of Goods: 25080.000 KGS 51,864.000 KGS	(65) Description of Goods: 25080.000 KGS 51,864.000 KGS
(66) Description of Goods: 25080.000 KGS 51,864.000 KGS	(67) Description of Goods: 25080.000 KGS 51,864.000 KGS
(68) Description of Goods: 25080.000 KGS 51,864.000 KGS	(69) Description of Goods: 25080.000 KGS 51,864.000 KGS
(70) Description of Goods: 25080.000 KGS 51,864.000 KGS	(71) Description of Goods: 25080.000 KGS 51,864.000 KGS
(72) Description of Goods: 25080.000 KGS 51,864.000 KGS	(73) Description of Goods: 25080.000 KGS 51,864.000 KGS
(74) Description of Goods: 25080.000 KGS 51,864.000 KGS	(75) Description of Goods: 25080.000 KGS 51,864.000 KGS
(76) Description of Goods: 25080.000 KGS 51,864.000 KGS	(77) Description of Goods: 25080.000 KGS 51,864.000 KGS
(78) Description of Goods: 25080.000 KGS 51,864.000 KGS	(79) Description of Goods: 25080.000 KGS 51,864.000 KGS
(80) Description of Goods: 25080.000 KGS 51,864.000 KGS	(81) Description of Goods: 25080.000 KGS 51,864.000 KGS
(82) Description of Goods: 25080.000 KGS 51,864.000 KGS	(83) Description of Goods: 25080.000 KGS 51,864.000 KGS
(84) Description of Goods: 25080.000 KGS 51,864.000 KGS	(85) Description of Goods: 25080.000 KGS 51,864.000 KGS
(86) Description of Goods: 25080.000 KGS 51,864.000 KGS	(87) Description of Goods: 25080.000 KGS 51,864.000 KGS
(88) Description of Goods: 25080.000 KGS 51,864.000 KGS	(89) Description of Goods: 25080.000 KGS 51,864.000 KGS
(90) Description of Goods: 25080.000 KGS 51,864.000 KGS	(91) Description of Goods: 25080.000 KGS 51,864.000 KGS
(92) Description of Goods: 25080.000 KGS 51,864.000 KGS	(93) Description of Goods: 25080.000 KGS 51,864.000 KGS
(94) Description of Goods: 25080.000 KGS 51,864.000 KGS	(95) Description of Goods: 25080.000 KGS 51,864.000 KGS
(96) Description of Goods: 25080.000 KGS 51,864.000 KGS	(97) Description of Goods: 25080.000 KGS 51,864.000 KGS
(98) Description of Goods: 25080.000 KGS 51,864.000 KGS	(99) Description of Goods: 25080.000 KGS 51,864.000 KGS
(100) Description of Goods: 25080.000 KGS 51,864.000 KGS	(101) Description of Goods: 25080.000 KGS 51,864.000 KGS

Original 1. Product (originated from (Exporters' business name, address, country): GUANGDONG ZHONGSHI TRADING CO., LTD A17, NO. 96, HUANGLIANG SOUTH ROAD, HUIANG ST. BAIYIN DISTRICT, GUANGDONG, CHINA		Reference No.: E1004018853700 ASEAN-CHINA FREE TRADE AREA PREFERENTIAL TARIFF CERTIFICATE OF ORIGIN (Combined Declaration and Certificate) FORM E Issued in: THE PEOPLE'S REPUBLIC OF CHINA (Country) See Customs Notes
2. Product consigned to (Consignee's name, address, country): HOA BINH JOINT STOCK COMPANY 2 BEN BINH DONG STREET, WARD 11, DISTRICT 8, HOCHIMINH CITY, VIETNAM REGISTER NUMBER: 0302569917		4. For Official Use: ☐ Preferential Treatment (Origin) ☐ Nonpreferential Treatment (Non-Origin) (Passes through Customs)
3. Means of transport and route (as far as known): Departure date: NOV. 03, 2019 Vessel's name / aircraft no.: 180-ACTIVE 473E Port of Discharge: CAT LAI PORT, HOCHIMINH CITY, VIETNAM From: HONGKONG, CHINA TO CAT LAI PORT, HOCHIMINH CITY, VIETNAM BY SEA		Verification: origin, country, gnc, etc. Signature of Authorized Signatory of the Issuing Party
5. Item Number: 1	6. Mark and numbers on packages: MADE IN CHINA	7. Number and type of packages, description of products (including quantity where appropriate and HS number in six digit code): ONE HUNDRED AND THREE (103) PALLETS OF CUS TORY BOARD H.S. CODE: 4401 90 00 THIRD PARTI (INDONESIA) OF GUINIA, FARM (80) LIMITED RMS 1218-00 13/P HOLLWOOD PLAZA 610 NATHAN ROAD MONGKOK KL HK, CHINA
8. Origin criteria (see Customs Notes): CHINA		9. Other weight or value (if other than weight or value (PCE) only where PCE is not applicable): 103 PALLETS
10. Number, date of invoice: 103 PALLETS NOV. 03, 2019		11. Declaration by the exporter: The undersigned hereby declares that the above details and statements are true and correct and that the goods are produced in CHINA and that they comply with the origin requirements specified for these products in the relevant tariff schedule of the AFTA for the products exported to VIETNAM (Importing Country) Place and date, signature of authorized signatory: Hongkong, China, NOV. 03, 2019 Place and date, signature of authorized signatory
12. Certification: It is hereby certified, on the basis of records certified true, that the declaration by the exporter is correct. HONGKONG CUSTOMS REPUBLIC OF CHINA NOV. 03, 2019		13. ☐ Export Refundability ☐ Non-refundable ☐ Movement Certificate ☐ Trade Party Issuing Place and date, signature and stamp of certifying authority: Hongkong, China, NOV. 03, 2019 193255519

Reference Number : 068337101502861 Date : 07/05/2015 To: As instructed, we have issued out letter of credit for you with the following wording, please check the text immediately and correct US within 3 working days from issuance date if you have any query. MT ID: LCD809398363 Sender Bank : BFTWNVX Input Message Type : MT700 Send to : BCITSGSG Priority : N JOINT STOCK COMMERCIAL BANK FOR VIETCOMBANK TOWER 198 TRAN QUANG KH LC Full SWIFT INTESA SANPAOLO S.P.A. (FORMER SANP SUNTEC TOWER FOUR 42-04/05 8 TEMASE
:27:SEQUENCE OF TOTAL 1/1 :40A:FORM OF DOCUMENTARY CREDIT IRREVOCABLE :20:DOCUMENTARY CREDIT NUMBER 068337101502861 :31C:DATE OF ISSUE 150507 :40E APPLICABLE RULES UCP LATEST VERSION :31D:DATE AND PLACE OF EXPIRY 150729 IN SINGAPORE :50 APPLICANT PLASTICS PACKAGING : PRODUCTION AND TRADE INVESTMENT COMPANY LIMITED SEE FIELD 47A FOR ADDRESS :59: BENEFICIARY MITSUBISHI CORPORATION, SINGAPORE BRANCH 1 TEMASEK AVENUE HEX 19-00 MILLENNIA TOWER SINGAPORE 039192 :32B: CURRENCY CODE, AMOUNT USD34155.00 :41D AVAILABLE WITH ANY BANK BY NEGOTIATION



Signature

① Ít nhất 1 bản gốc của mỗi ch.từ quy định trong tín dụng phải được xuất trình

② NH sẽ xem 1 c.từ là c.từ gốc nếu có chữ ký, con dấu, nhãn gốc của người phát hành

Điều 17: Chứng từ gốc và các bản sao

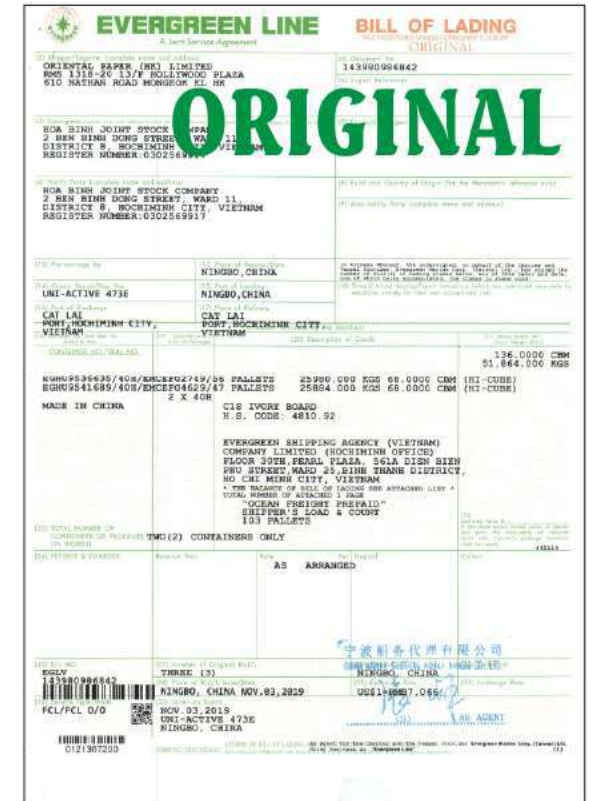
3 NH cũng sẽ chấp nhận 1 c.từ là c.từ gốc nếu nó thỏa mãn các điều kiện sau:



a Được viết, đánh máy, đục lỗ hoặc đóng dấu của người phát hành



b Được lập bằng giấy văn thư chính thức của người phát hành



c Ghi rõ nó là chứng từ gốc

Điều 17: Chứng từ gốc và các bản sao

EVERGREEN LINE		BILL OF LADING	
A Joint Service Agreement		ORIGINAL	
ORIENTAL PAPER (HK) LIMITED RMS 1318-26 13/F BOLLWOOD PLAZA 610 NATHAN ROAD HONGKONG K1. HK		143980986842	
HOA BINH JOINT STOCK COMPANY 2 BEN BINH DONG STREET, WARD 11 DISTRICT 8 HOCHIMINH CITY, VIETNAM REGISTER NUMBER: 0302569917		143980986842	
HOA BINH JOINT STOCK COMPANY 2 BEN BINH DONG STREET, WARD 11 DISTRICT 8 HOCHIMINH CITY, VIETNAM REGISTER NUMBER: 0302569917		143980986842	
UN-ACTIVE 473E CAT LAI PORT, HOCHIMINH CITY, VIETNAM		UN-ACTIVE 473E CAT LAI PORT, HOCHIMINH CITY, VIETNAM	
136.0000 CBM 51.864.000 KGS		136.0000 CBM 51.864.000 KGS	
MADE IN CHINA CIS IVORY BOARD H.S. CODE: 4810 92		MADE IN CHINA CIS IVORY BOARD H.S. CODE: 4810 92	
EVERGREEN SHIPPING AGENCY (VIETNAM) COMPANY LIMITED (HOCHIMINH OFFICE) FLOOR 39TH, PEARL PLAZA, 561A DINH BIEU PHU STREET, WARD 25, BINH THUAN DISTRICT, HO CHI MINH CITY, VIETNAM		EVERGREEN SHIPPING AGENCY (VIETNAM) COMPANY LIMITED (HOCHIMINH OFFICE) FLOOR 39TH, PEARL PLAZA, 561A DINH BIEU PHU STREET, WARD 25, BINH THUAN DISTRICT, HO CHI MINH CITY, VIETNAM	
TWO (2) CONTAINERS ONLY		TWO (2) CONTAINERS ONLY	
NOV. 03 2019 UN-ACTIVE 473E NINGBO, CHINA		NOV. 03 2019 UN-ACTIVE 473E NINGBO, CHINA	

EVERGREEN LINE		BILL OF LADING	
A Joint Service Agreement		COPY	
ORIENTAL PAPER (HK) LIMITED RMS 1318-26 13/F BOLLWOOD PLAZA 610 NATHAN ROAD HONGKONG K1. HK		143980986842	
HOA BINH JOINT STOCK COMPANY 2 BEN BINH DONG STREET, WARD 11 DISTRICT 8 HOCHIMINH CITY, VIETNAM REGISTER NUMBER: 0302569917		143980986842	
HOA BINH JOINT STOCK COMPANY 2 BEN BINH DONG STREET, WARD 11 DISTRICT 8 HOCHIMINH CITY, VIETNAM REGISTER NUMBER: 0302569917		143980986842	
UN-ACTIVE 473E CAT LAI PORT, HOCHIMINH CITY, VIETNAM		UN-ACTIVE 473E CAT LAI PORT, HOCHIMINH CITY, VIETNAM	
136.0000 CBM 51.864.000 KGS		136.0000 CBM 51.864.000 KGS	
MADE IN CHINA CIS IVORY BOARD H.S. CODE: 4810 92		MADE IN CHINA CIS IVORY BOARD H.S. CODE: 4810 92	
EVERGREEN SHIPPING AGENCY (VIETNAM) COMPANY LIMITED (HOCHIMINH OFFICE) FLOOR 39TH, PEARL PLAZA, 561A DINH BIEU PHU STREET, WARD 25, BINH THUAN DISTRICT, HO CHI MINH CITY, VIETNAM		EVERGREEN SHIPPING AGENCY (VIETNAM) COMPANY LIMITED (HOCHIMINH OFFICE) FLOOR 39TH, PEARL PLAZA, 561A DINH BIEU PHU STREET, WARD 25, BINH THUAN DISTRICT, HO CHI MINH CITY, VIETNAM	
TWO (2) CONTAINERS ONLY		TWO (2) CONTAINERS ONLY	
NOV. 03 2019 UN-ACTIVE 473E NINGBO, CHINA		NOV. 03 2019 UN-ACTIVE 473E NINGBO, CHINA	

Reference Number : 068337101502861
Date : 07/05/2015
To:

As instructed, we have issued out letter of credit for you with the following wording, please check the text immediately and cor tact US within 3 working days from issuance date if you have any query.
MT ID: LCD809398353
Sender Bank : BFTWNVX

Priority : N
JOINT STOCK COMMERCIAL BANK FOR VIETCOMBANK TOWER 198 TRAN QUANG KH LC Full SWIFT
INTESA SANPAOLO S.P.A. (FORMER SANP
SUNTEC TOWER FOUR 42-04/05 6 TEMASE

Input Message Type : MT700
Send to : BCITSGSG

:27:SEQUENCE OF TOTAL
1/1

:40A:FORM OF DOCUMENTARY CREDIT
IRREVOCABLE

:20:DOCUMENTARY CREDIT NUMBER
068337101502861

:31C:DATE OF ISSUE
150507

:40E APPLICABLE RULES
UCP LATEST VERSION

:31D:DATE AND PLACE OF EXPIRY
150720 IN SINGAPORE

:50 APPLICANT
PLASTICS PACKAGING :
PRODUCTION AND TRADE INVESTMENT COMPANY LIMITED
SEE FIELD 47A FOR ADDRESS)

:50: BENEFICIARY
MITSUBISHI CORPORATION, SINGAPORE BRANCH
1 TEMASEK AVENUE HEX 10-00 MILLENIA TOWER SINGAPORE 039102

:32B: CURRENCY CODE, AMOUNT
USD34155.00

:41D AVAILABLE WITH
ANY BANK
BY NEGOTIATION

Reference Number : 068337101502861
Date : 07/05/2015
To:

As instructed, we have issued out letter of credit for you with the following wording, please check the text immediately and cor tact US within 3 working days from issuance date if you have any query.
MT ID: LCD809398353
Sender Bank : BFTWNVX

Priority : N
JOINT STOCK COMMERCIAL BANK FOR VIETCOMBANK TOWER 198 TRAN QUANG KH LC Full SWIFT
INTESA SANPAOLO S.P.A. (FORMER SANP
SUNTEC TOWER FOUR 42-04/05 6 TEMASE

Input Message Type : MT700
Send to : BCITSGSG

:27:SEQUENCE OF TOTAL
1/1

:40A:FORM OF DOCUMENTARY CREDIT
IRREVOCABLE

:20:DOCUMENTARY CREDIT NUMBER
068337101502861

:31C:DATE OF ISSUE
150507

:40E APPLICABLE RULES
UCP LATEST VERSION

:31D:DATE AND PLACE OF EXPIRY
150720 IN SINGAPORE

:50 APPLICANT
PLASTICS PACKAGING :
PRODUCTION AND TRADE INVESTMENT COMPANY LIMITED
SEE FIELD 47A FOR ADDRESS)

:50: BENEFICIARY
MITSUBISHI CORPORATION, SINGAPORE BRANCH
1 TEMASEK AVENUE HEX 10-00 MILLENIA TOWER SINGAPORE 039102

:32B: CURRENCY CODE, AMOUNT
USD34155.00

:41D AVAILABLE WITH
ANY BANK
BY NEGOTIATION

4 Nếu TD yêu cầu xuất trình bản sao, thì xuất trình bản gốc hoặc bản sao đều được

5 Nếu TD yêu cầu xuất trình nhiều bản thì có thể xuất trình ít nhất 1 bản gốc, còn lại là các bản sao

Ví dụ 15: Ký chứng từ



**Đang lập
chứng từ
để xuất trình
theo L/C XK**



Tuy nhiên, khi nhận một chứng từ do một công ty giám định cấp thì chúng tôi thấy họ chỉ đóng dấu chứ không ký tay.

Công ty An Phát

L/C lại yêu cầu xuất trình bản gốc của chứng từ này.

Liệu chứng từ đó khi chúng tôi xuất trình đến NHPH có bị bắt lỗi không phải bản gốc không?



Ví dụ 15: Ký chứng từ

Theo Điều 17, UCP600 quy định:

“NH sẽ chấp nhận 1 chứng từ là c.từ gốc nếu nó được viết tay, đánh máy, đục lỗ hoặc đóng dấu của người phát hành”.

Do đó việc ký chứng từ gốc không nhất thiết phải là chữ ký tay mà chữ ký đóng dấu hoàn toàn hợp lệ.

Công ty bạn có thể yên tâm xuất trình chứng từ này tới ngân hàng phát hành.



Điều 18: Hóa đơn thương mại

① Hóa đơn thương mại phải có các thông tin sau:

Người thụ hưởng

Người phát hành hóa đơn

Người y/c mở L/C

Người nhập khẩu

Seaprodex Co.,Ltd
123 Ham Nghi Streets, District 1, Hochiminh City, Vietnam
+123 456 789

 **LOGO**

To **Nadia Elizabeth**
123 Streets, Yokohama, Japan
+123 456 789
customer@mail.com

INVOICE

No. 12345
24/08/2125

PRODUCT	PRICE	QTY	TOTAL
Product 1	\$100,00	01	\$100,00
Product 1	\$100,00	01	\$100,00
Product 1	\$100,00	01	\$100,00
Product 1	\$100,00	01	\$100,00
Product 1	\$100,00	01	\$100,00
Product 1	\$100,00	01	\$100,00
Product 1	\$100,00	01	\$100,00
Product 1	\$100,00	01	\$100,00

Payment information
Account : Lorem ipsum dolor sit
Name : Adelaine Magnus
Method : Credit Card ABC Bank Japan

SUBTOTAL \$100,00
TAX \$100,00
TOTAL \$600,00

Terms & conditions
Lorem ipsum dolor sit amet,
consectetur adipiscing elit, sed diam
nuncummy nibh euismod tincidunt ut
laoreet dolore magna.

Your Company
123 Streets, St. Landshut,
Bavaria, Germany.

+123 456 789
hello@email.com
www.yourweb.com

**Có cùng loại tiền
với L/C**

Không cần ký tên

Điều 18: Hóa đơn thương mại

Invoice



Tín dụng



- ② NH có thể chấp nhận 1 Invoice có số tiền > TD & quyết định nó sẽ ràng buộc tất cả các bên miễn là ngân hàng đó chưa thanh toán

Invoice

Tín dụng

- Total Nutrients : 60.0% MIN
- Nitrogen : 10.0% (+,-0.5%) MIN
- P2O5 : 50.0% MIN
- Moisture : 3% MAX
- Color : White or off-white powder



- ③ Mô tả hàng hóa trên Invoice phải phù hợp với mô tả hàng hóa trong tín dụng

[illegible]

Signed for the Carrier

CHINA SHIPPING (NIGERIA) AGENCY LTD.
4, Balogun Bisi Omidiora Road,
(Formerly Hinderer Road.)
P.M.B. 1001, Apapa, Lagos Nigeria.

Ngày phát hành = Ngày gửi hàng

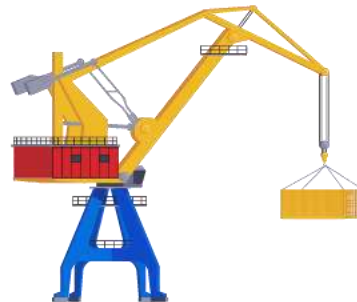
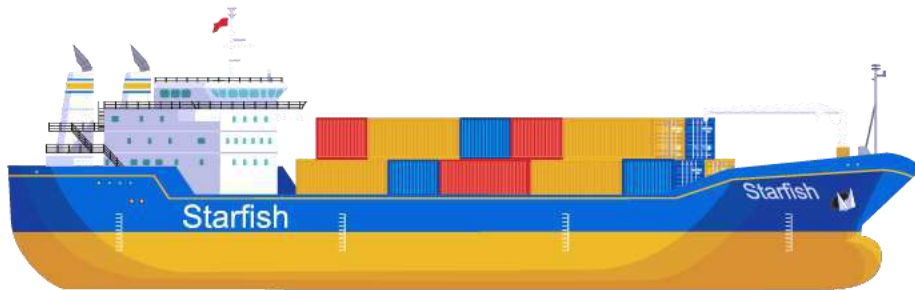
Ngày xếp hàng = Ngày giao hàng

b Chỉ rõ rằng hàng hóa đã được gửi, nhận để chở hoặc đã được xếp lên tàu tại nơi quy định

Điều 19: Chứng từ vận tải đa phương thức

1 Chứng từ vận tải đa phương thức (CTVTĐPT) phải:

PLACE OF RECEIPT: CATLAI, HCM
OCEAN VESSEL: BALAO V1405E
PORT OF DISCHARGE: KOBE, JAPAN
PLACE OF DELIVERY: JINKU, KOBE, JAPAN
FINAL DESTINATION: KOBE, JAPAN



C Chỉ rõ nơi gửi|nhận hàng
hoặc giao hàng và nơi đến cuối
cùng quy định trong TD

1. Shipper SHILON OIL RIG COMPANY 16 CHAI STREET BOONIA, SINGAPORE OVO ESTATE BOONIA TEL: +65 4341 12000000		2. Consignee DUONG MINH THY TRADING & PRODUCTION COMPANY LIMITED ADDRESS: GROUP 25-TEAM 60 PHU THUAN, HOANG MINH DISTRICT THACH, VIETNAM		3. NVO (Party who is to be responsible for delivery to consignee) BANK AS CONSIGNEE	
4. Pre-carriage by TTC 0401		5. Place of Receipt FLUKE		6. Place of Delivery TIN CAN ISLAND	
7. Date of Receipt 01/01/2014		8. Date of Delivery 01/01/2014		9. Date of Receipt 01/01/2014	
10. Date of Receipt 01/01/2014		11. Date of Delivery 01/01/2014		12. Date of Receipt 01/01/2014	
13. Date of Receipt 01/01/2014		14. Date of Delivery 01/01/2014		15. Date of Receipt 01/01/2014	
16. Date of Receipt 01/01/2014		17. Date of Delivery 01/01/2014		18. Date of Receipt 01/01/2014	
19. Date of Receipt 01/01/2014		20. Date of Delivery 01/01/2014		21. Date of Receipt 01/01/2014	
22. Date of Receipt 01/01/2014		23. Date of Delivery 01/01/2014		24. Date of Receipt 01/01/2014	
25. Date of Receipt 01/01/2014		26. Date of Delivery 01/01/2014		27. Date of Receipt 01/01/2014	
28. Date of Receipt 01/01/2014		29. Date of Delivery 01/01/2014		30. Date of Receipt 01/01/2014	
31. Date of Receipt 01/01/2014		32. Date of Delivery 01/01/2014		33. Date of Receipt 01/01/2014	
34. Date of Receipt 01/01/2014		35. Date of Delivery 01/01/2014		36. Date of Receipt 01/01/2014	
37. Date of Receipt 01/01/2014		38. Date of Delivery 01/01/2014		39. Date of Receipt 01/01/2014	
40. Date of Receipt 01/01/2014		41. Date of Delivery 01/01/2014		42. Date of Receipt 01/01/2014	
43. Date of Receipt 01/01/2014		44. Date of Delivery 01/01/2014		45. Date of Receipt 01/01/2014	
46. Date of Receipt 01/01/2014		47. Date of Delivery 01/01/2014		48. Date of Receipt 01/01/2014	
49. Date of Receipt 01/01/2014		50. Date of Delivery 01/01/2014		51. Date of Receipt 01/01/2014	
52. Date of Receipt 01/01/2014		53. Date of Delivery 01/01/2014		54. Date of Receipt 01/01/2014	
55. Date of Receipt 01/01/2014		56. Date of Delivery 01/01/2014		57. Date of Receipt 01/01/2014	
58. Date of Receipt 01/01/2014		59. Date of Delivery 01/01/2014		60. Date of Receipt 01/01/2014	
61. Date of Receipt 01/01/2014		62. Date of Delivery 01/01/2014		63. Date of Receipt 01/01/2014	
64. Date of Receipt 01/01/2014		65. Date of Delivery 01/01/2014		66. Date of Receipt 01/01/2014	
67. Date of Receipt 01/01/2014		68. Date of Delivery 01/01/2014		69. Date of Receipt 01/01/2014	
70. Date of Receipt 01/01/2014		71. Date of Delivery 01/01/2014		72. Date of Receipt 01/01/2014	
73. Date of Receipt 01/01/2014		74. Date of Delivery 01/01/2014		75. Date of Receipt 01/01/2014	
76. Date of Receipt 01/01/2014		77. Date of Delivery 01/01/2014		78. Date of Receipt 01/01/2014	
79. Date of Receipt 01/01/2014		80. Date of Delivery 01/01/2014		81. Date of Receipt 01/01/2014	
82. Date of Receipt 01/01/2014		83. Date of Delivery 01/01/2014		84. Date of Receipt 01/01/2014	
85. Date of Receipt 01/01/2014		86. Date of Delivery 01/01/2014		87. Date of Receipt 01/01/2014	
88. Date of Receipt 01/01/2014		89. Date of Delivery 01/01/2014		90. Date of Receipt 01/01/2014	
91. Date of Receipt 01/01/2014		92. Date of Delivery 01/01/2014		93. Date of Receipt 01/01/2014	
94. Date of Receipt 01/01/2014		95. Date of Delivery 01/01/2014		96. Date of Receipt 01/01/2014	
97. Date of Receipt 01/01/2014		98. Date of Delivery 01/01/2014		99. Date of Receipt 01/01/2014	
100. Date of Receipt 01/01/2014		101. Date of Delivery 01/01/2014		102. Date of Receipt 01/01/2014	
103. Date of Receipt 01/01/2014		104. Date of Delivery 01/01/2014		105. Date of Receipt 01/01/2014	
106. Date of Receipt 01/01/2014		107. Date of Delivery 01/01/2014		108. Date of Receipt 01/01/2014	
109. Date of Receipt 01/01/2014		110. Date of Delivery 01/01/2014		111. Date of Receipt 01/01/2014	
112. Date of Receipt 01/01/2014		113. Date of Delivery 01/01/2014		114. Date of Receipt 01/01/2014	
115. Date of Receipt 01/01/2014		116. Date of Delivery 01/01/2014		117. Date of Receipt 01/01/2014	
118. Date of Receipt 01/01/2014		119. Date of Delivery 01/01/2014		120. Date of Receipt 01/01/2014	
121. Date of Receipt 01/01/2014		122. Date of Delivery 01/01/2014		123. Date of Receipt 01/01/2014	
124. Date of Receipt 01/01/2014		125. Date of Delivery 01/01/2014		126. Date of Receipt 01/01/2014	
127. Date of Receipt 01/01/2014		128. Date of Delivery 01/01/2014		129. Date of Receipt 01/01/2014	
130. Date of Receipt 01/01/2014		131. Date of Delivery 01/01/2014		132. Date of Receipt 01/01/2014	
133. Date of Receipt 01/01/2014		134. Date of Delivery 01/01/2014		135. Date of Receipt 01/01/2014	
136. Date of Receipt 01/01/2014		137. Date of Delivery 01/01/2014		138. Date of Receipt 01/01/2014	
139. Date of Receipt 01/01/2014		140. Date of Delivery 01/01/2014		141. Date of Receipt 01/01/2014	
142. Date of Receipt 01/01/2014		143. Date of Delivery 01/01/2014		144. Date of Receipt 01/01/2014	
145. Date of Receipt 01/01/2014		146. Date of Delivery 01/01/2014		147. Date of Receipt 01/01/2014	
148. Date of Receipt 01/01/2014		149. Date of Delivery 01/01/2014		149. Date of Receipt 01/01/2014	
150. Date of Receipt 01/01/2014		150. Date of Delivery 01/01/2014		150. Date of Receipt 01/01/2014	

d Là chứng từ vận tải gốc duy nhất

Điều 19: Chứng từ vận tải đa phương thức

1 Chứng từ vận tải đa phương thức (CTVTĐPT) phải:



e Chứa đựng các điều kiện và điều khoản chuyên chở

f Không ghi là phụ thuộc vào hợp đồng thuê tàu

Điều 19: Chứng từ vận tải đa phương thức

- ② Chuyển tải có nghĩa là dỡ hàng xuống từ PTVT này và lại xếp hàng lên một PTVT khác (dù có cùng một phương thức vận tải)



Điều 19: Chứng từ vận tải đa phương thức

3 Chứng từ vận tải vẫn có thể được chấp nhận nếu:

“Goods will or may be transhipped.”

Transhipment will or may take place is acceptable.

a Chứng từ vận tải ghi là “sẽ hoặc có thể chuyển tải” mặc dù không chuyển tải

b Chứng từ vận tải ghi là “sẽ hoặc có thể chuyển tải” mặc dù TD không cho phép

Điều 20: Vận đơn đường biển (Giống nội dung Điều 19)

① Vận đơn phải:



China Shipping
Container lines
(HongKong) Co., Ltd

1 x 40FT CONTAINER S.T.C. 373PCS
OF PROCESSED WOOD
SHIPPER'S LOAD, COUNT AND SEAL
SHIPPED ON BOARD: 28/08/2025
FREIGHT COLLECT AT DESTINATION

Ngày phát hành = Ngày gửi hàng

Ngày xếp hàng = Ngày giao hàng

a Chỉ rõ tên của người chuyên chở (NCC); có chữ ký của NCC hoặc thuyền trưởng

Signed for the Carrier
CHINA SHIPPING (HONGKONG) AGENCY LTD
4, Salween Road (Formerly Raffles Road),
@ M.B. 5001, Lagos, Nigeria.

b Chỉ rõ rằng hàng hóa đã được gửi, nhận để chở hoặc đã được xếp lên tàu tại nơi quy định

① Vận đơn phải



e Chứa đựng các điều kiện và điều khoản chuyên chở

f Không ghi là phụ thuộc vào hợp đồng thuê tàu

X
"This Bill is subject to a charter party."

① Vận đơn phải:

PLACE OF RECEIPT: CATLAI, HCM
OCEAN VESSEL: BALAO V1405E
PORT OF DISCHARGE: KOBE, JAPAN
PLACE OF DELIVERY: JINKU, KOBE, JAPAN
FINAL DESTINATION: KOBE, JAPAN



c Chỉ rõ nơi gửi/nhận hàng hoặc giao hàng và nơi đến cuối cùng quy định trong TD

d Là chứng từ vận tải gốc duy nhất

② Chuyển tải có nghĩa là dỡ hàng xuống từ PTVT này và lại xếp hàng lên một PTVT khác (dù có cùng một phương thức vận tải)



Điều 21: Giấy gửi hàng đường biển không chuyển nhượng

Non-Negotiable Sea Waybill

Điều 22: Vận đơn theo hợp đồng thuê tàu

Charter Party Bill of Lading

Điều 23: Chứng từ vận tải hàng không

Air Transport Document

Điều 24: Chứng từ vận tải đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa

Road, Rail or Inland Waterway Transport Documents



Nội dung giống Điều 19

Điều 25: Biên lai bưu điện | Biên lai chuyển phát

Courier Receipt, Post Receipt

- ① Một biên lai chuyển phát, làm bằng chứng cho việc nhận hàng để chở, phải thể hiện:

FedEx



Ngày lấy hàng = Ngày giao hàng

- a) Tên của Cty chuyển phát và đã được đóng dấu, hoặc đã ký
- b) Ngày lấy hàng | nhận hàng. Ngày này được coi là ngày giao hàng

Điều 25: Biên lai bưu điện | Biên lai chuyển phát

Courier Receipt, Post Receipt



② Biên lai chuyển phát có thể quy định phí chuyển phát sẽ do người nhận chịu

ORIGINAL FOR RECIPIENT

DHL Express (India) Pvt Ltd
New Express Courier Terminal
Address: 10, Airport Road, New Delhi 110037, India
GSTIN: 07AAEC00115120
Tel: 011-26111340 www.dhl.co.in

INBOUND CHARGES INVOICE

Account Number: 007198004
Invoice Number: 00240240
VAT Number: 04040534
Date: 21-Sep-2021
Payment Due Date: 21-Sep-2021

Please Reimburse the Total Charges Shown Below To: DHL EXPRESS (INDIA) PVT LTD

Origin	Destination	Weight	Accessorial Value	Invoice Date
INDIA	INDIA	22.00	6,302.00	14-Sep-2021

Shipment Details

Customer: DHL EDP
Invoice Date: 14-Sep-2021

Billing Details

Item	Description	Quantity	Unit Price	Amount
001	27. NAWARAGH HTR	1	1,000.00	1,000.00
002	27. NAWARAGH HTR	1	1,000.00	1,000.00
003	27. NAWARAGH HTR	1	1,000.00	1,000.00
004	27. NAWARAGH HTR	1	1,000.00	1,000.00
005	27. NAWARAGH HTR	1	1,000.00	1,000.00
006	27. NAWARAGH HTR	1	1,000.00	1,000.00
007	27. NAWARAGH HTR	1	1,000.00	1,000.00
008	27. NAWARAGH HTR	1	1,000.00	1,000.00
009	27. NAWARAGH HTR	1	1,000.00	1,000.00
010	27. NAWARAGH HTR	1	1,000.00	1,000.00
011	27. NAWARAGH HTR	1	1,000.00	1,000.00
012	27. NAWARAGH HTR	1	1,000.00	1,000.00
013	27. NAWARAGH HTR	1	1,000.00	1,000.00
014	27. NAWARAGH HTR	1	1,000.00	1,000.00
015	27. NAWARAGH HTR	1	1,000.00	1,000.00
016	27. NAWARAGH HTR	1	1,000.00	1,000.00
017	27. NAWARAGH HTR	1	1,000.00	1,000.00
018	27. NAWARAGH HTR	1	1,000.00	1,000.00
019	27. NAWARAGH HTR	1	1,000.00	1,000.00
020	27. NAWARAGH HTR	1	1,000.00	1,000.00
021	27. NAWARAGH HTR	1	1,000.00	1,000.00
022	27. NAWARAGH HTR	1	1,000.00	1,000.00
023	27. NAWARAGH HTR	1	1,000.00	1,000.00
024	27. NAWARAGH HTR	1	1,000.00	1,000.00
025	27. NAWARAGH HTR	1	1,000.00	1,000.00
026	27. NAWARAGH HTR	1	1,000.00	1,000.00
027	27. NAWARAGH HTR	1	1,000.00	1,000.00
028	27. NAWARAGH HTR	1	1,000.00	1,000.00
029	27. NAWARAGH HTR	1	1,000.00	1,000.00
030	27. NAWARAGH HTR	1	1,000.00	1,000.00
031	27. NAWARAGH HTR	1	1,000.00	1,000.00
032	27. NAWARAGH HTR	1	1,000.00	1,000.00
033	27. NAWARAGH HTR	1	1,000.00	1,000.00
034	27. NAWARAGH HTR	1	1,000.00	1,000.00
035	27. NAWARAGH HTR	1	1,000.00	1,000.00
036	27. NAWARAGH HTR	1	1,000.00	1,000.00
037	27. NAWARAGH HTR	1	1,000.00	1,000.00
038	27. NAWARAGH HTR	1	1,000.00	1,000.00
039	27. NAWARAGH HTR	1	1,000.00	1,000.00
040	27. NAWARAGH HTR	1	1,000.00	1,000.00
041	27. NAWARAGH HTR	1	1,000.00	1,000.00
042	27. NAWARAGH HTR	1	1,000.00	1,000.00
043	27. NAWARAGH HTR	1	1,000.00	1,000.00
044	27. NAWARAGH HTR	1	1,000.00	1,000.00
045	27. NAWARAGH HTR	1	1,000.00	1,000.00
046	27. NAWARAGH HTR	1	1,000.00	1,000.00
047	27. NAWARAGH HTR	1	1,000.00	1,000.00
048	27. NAWARAGH HTR	1	1,000.00	1,000.00
049	27. NAWARAGH HTR	1	1,000.00	1,000.00
050	27. NAWARAGH HTR	1	1,000.00	1,000.00
051	27. NAWARAGH HTR	1	1,000.00	1,000.00
052	27. NAWARAGH HTR	1	1,000.00	1,000.00
053	27. NAWARAGH HTR	1	1,000.00	1,000.00
054	27. NAWARAGH HTR	1	1,000.00	1,000.00
055	27. NAWARAGH HTR	1	1,000.00	1,000.00
056	27. NAWARAGH HTR	1	1,000.00	1,000.00
057	27. NAWARAGH HTR	1	1,000.00	1,000.00
058	27. NAWARAGH HTR	1	1,000.00	1,000.00
059	27. NAWARAGH HTR	1	1,000.00	1,000.00
060	27. NAWARAGH HTR	1	1,000.00	1,000.00
061	27. NAWARAGH HTR	1	1,000.00	1,000.00
062	27. NAWARAGH HTR	1	1,000.00	1,000.00
063	27. NAWARAGH HTR	1	1,000.00	1,000.00
064	27. NAWARAGH HTR	1	1,000.00	1,000.00
065	27. NAWARAGH HTR	1	1,000.00	1,000.00
066	27. NAWARAGH HTR	1	1,000.00	1,000.00
067	27. NAWARAGH HTR	1	1,000.00	1,000.00
068	27. NAWARAGH HTR	1	1,000.00	1,000.00
069	27. NAWARAGH HTR	1	1,000.00	1,000.00
070	27. NAWARAGH HTR	1	1,000.00	1,000.00
071	27. NAWARAGH HTR	1	1,000.00	1,000.00
072	27. NAWARAGH HTR	1	1,000.00	1,000.00
073	27. NAWARAGH HTR	1	1,000.00	1,000.00
074	27. NAWARAGH HTR	1	1,000.00	1,000.00
075	27. NAWARAGH HTR	1	1,000.00	1,000.00
076	27. NAWARAGH HTR	1	1,000.00	1,000.00
077	27. NAWARAGH HTR	1	1,000.00	1,000.00
078	27. NAWARAGH HTR	1	1,000.00	1,000.00
079	27. NAWARAGH HTR	1	1,000.00	1,000.00
080	27. NAWARAGH HTR	1	1,000.00	1,000.00
081	27. NAWARAGH HTR	1	1,000.00	1,000.00
082	27. NAWARAGH HTR	1	1,000.00	1,000.00
083	27. NAWARAGH HTR	1	1,000.00	1,000.00
084	27. NAWARAGH HTR	1	1,000.00	1,000.00
085	27. NAWARAGH HTR	1	1,000.00	1,000.00
086	27. NAWARAGH HTR	1	1,000.00	1,000.00
087	27. NAWARAGH HTR	1	1,000.00	1,000.00
088	27. NAWARAGH HTR	1	1,000.00	1,000.00
089	27. NAWARAGH HTR	1	1,000.00	1,000.00
090	27. NAWARAGH HTR	1	1,000.00	1,000.00
091	27. NAWARAGH HTR	1	1,000.00	1,000.00
092	27. NAWARAGH HTR	1	1,000.00	1,000.00
093	27. NAWARAGH HTR	1	1,000.00	1,000.00
094	27. NAWARAGH HTR	1	1,000.00	1,000.00
095	27. NAWARAGH HTR	1	1,000.00	1,000.00
096	27. NAWARAGH HTR	1	1,000.00	1,000.00
097	27. NAWARAGH HTR	1	1,000.00	1,000.00
098	27. NAWARAGH HTR	1	1,000.00	1,000.00
099	27. NAWARAGH HTR	1	1,000.00	1,000.00
100	27. NAWARAGH HTR	1	1,000.00	1,000.00
101	27. NAWARAGH HTR	1	1,000.00	1,000.00
102	27. NAWARAGH HTR	1	1,000.00	1,000.00
103	27. NAWARAGH HTR	1	1,000.00	1,000.00
104	27. NAWARAGH HTR	1	1,000.00	1,000.00
105	27. NAWARAGH HTR	1	1,000.00	1,000.00
106	27. NAWARAGH HTR	1	1,000.00	1,000.00
107	27. NAWARAGH HTR	1	1,000.00	1,000.00
108	27. NAWARAGH HTR	1	1,000.00	1,000.00
109	27. NAWARAGH HTR	1	1,000.00	1,000.00
110	27. NAWARAGH HTR	1	1,000.00	1,000.00
111	27. NAWARAGH HTR	1	1,000.00	1,000.00
112	27. NAWARAGH HTR	1	1,000.00	1,000.00
113	27. NAWARAGH HTR	1	1,000.00	1,000.00
114	27. NAWARAGH HTR	1	1,000.00	1,000.00
115	27. NAWARAGH HTR	1	1,000.00	1,000.00
116	27. NAWARAGH HTR	1	1,000.00	1,000.00
117	27. NAWARAGH HTR	1	1,000.00	1,000.00
118	27. NAWARAGH HTR	1	1,000.00	1,000.00
119	27. NAWARAGH HTR	1	1,000.00	1,000.00
120	27. NAWARAGH HTR	1	1,000.00	1,000.00
121	27. NAWARAGH HTR	1	1,000.00	1,000.00
122	27. NAWARAGH HTR	1	1,000.00	1,000.00
123	27. NAWARAGH HTR	1	1,000.00	1,000.00
124	27. NAWARAGH HTR	1	1,000.00	1,000.00
125	27. NAWARAGH HTR	1	1,000.00	1,000.00
126	27. NAWARAGH HTR	1	1,000.00	1,000.00
127	27. NAWARAGH HTR	1	1,000.00	1,000.00
128	27. NAWARAGH HTR	1	1,000.00	1,000.00
129	27. NAWARAGH HTR	1	1,000.00	1,000.00
130	27. NAWARAGH HTR	1	1,000.00	1,000.00
131	27. NAWARAGH HTR	1	1,000.00	1,000.00
132	27. NAWARAGH HTR	1	1,000.00	1,000.00
133	27. NAWARAGH HTR	1	1,000.00	1,000.00
134	27. NAWARAGH HTR	1	1,000.00	1,000.00
135	27. NAWARAGH HTR	1	1,000.00	1,000.00
136	27. NAWARAGH HTR	1	1,000.00	1,000.00
137	27. NAWARAGH HTR	1	1,000.00	1,000.00
138	27. NAWARAGH HTR	1	1,000.00	1,000.00
139	27. NAWARAGH HTR	1	1,000.00	1,000.00
140	27. NAWARAGH HTR	1	1,000.00	1,000.00
141	27. NAWARAGH HTR	1	1,000.00	1,000.00
142	27. NAWARAGH HTR	1	1,000.00	1,000.00
143	27. NAWARAGH HTR	1	1,000.00	1,000.00
144	27. NAWARAGH HTR	1	1,000.00	1,000.00
145	27. NAWARAGH HTR	1	1,000.00	1,000.00
146	27. NAWARAGH HTR	1	1,000.00	1,000.00
147	27. NAWARAGH HTR	1	1,000.00	1,000.00
148	27. NAWARAGH HTR	1	1,000.00	1,000.00
149	27. NAWARAGH HTR	1	1,000.00	1,000.00
150	27. NAWARAGH HTR	1	1,000.00	1,000.00
151	27. NAWARAGH HTR	1	1,000.00	1,000.00
152	27. NAWARAGH HTR	1	1,000.00	1,000.00
153	27. NAWARAGH HTR	1	1,000.00	1,000.00
154	27. NAWARAGH HTR	1	1,000.00	1,000.00
155	27. NAWARAGH HTR	1	1,000.00	1,000.00
156	27. NAWARAGH HTR	1	1,000.00	1,000.00
157	27. NAWARAGH HTR	1	1,000.00	1,000.00
158	27. NAWARAGH HTR	1	1,000.00	1,000.00
159	27. NAWARAGH HTR	1	1,000.00	1,000.00
160	27. NAWARAGH HTR	1	1,000.00	1,000.00
161	27. NAWARAGH HTR	1	1,000.00	1,000.00
162	27. NAWARAGH HTR	1	1,000.00	1,000.00
163	27. NAWARAGH HTR	1	1,000.00	1,000.00
164	27. NAWARAGH HTR	1	1,000.00	1,000.00
165	27. NAWARAGH HTR	1	1,000.00	1,000.00
166	27. NAWARAGH HTR	1	1,000.00	1,000.00
167	27. NAWARAGH HTR	1	1,000.00	1,000.00
168	27. NAWARAGH HTR	1	1,000.00	1,000.00
169	27. NAWARAGH HTR	1	1,000.00	1,000.00
170	27. NAWARAGH HTR	1	1,000.00	1,000.00
171	27. NAWARAGH HTR	1	1,000.00	1,000.00
172	27. NAWARAGH HTR	1	1,000.00	1,000.00
173	27. NAWARAGH HTR	1	1,000.00	1,000.00

Điều 26: “trên boong” “người gửi hàng xếp và đếm” và chí phí phụ thêm vào cước phí

"On deck", "shipper's load and count" and charges additional to Freight

China Shipping
Container lines
(HongKong) Co., Ltd

① Chứng từ vận tải **KHÔNG ĐƯỢC**
quy định: hàng hóa **PHẢI ĐƯỢC**
xếp trên boong.

Tuy nhiên, 1 điều khoản
trên chứng từ vận tải
quy định rằng hàng hóa
CÓ THỂ xếp trên boong
sẽ được chấp nhận.

1. Shipper SHI LOH OIL RIG COMPANY 19-04H STREET BODUA BVDAN CYO STATU RESERVA TEL: 1994-41999999		2. Consignee CHONG MINH THY TRADING & PRODUCTION COMPANY LIMITED ADDRES: GROUP 25-VIN SO WARD, HANG WAI DISTRICT, HANOI, VIETNAM	
3. Notify Party (Circle and to be responsible for future to notify) SAME AS CONSIGNEE		4. Freight by FREIGHT 5. Place of Receipt 6. Place of Delivery 7. Port of Loading 8. Port of Discharge 9. Place of Delivery 10. Place of Receipt	
11. Marks and Numbers 12. No. of Containers or Packages 13. Kind of Packages (Check one) 14. Gross Weight (kg) 15. Net Weight (kg)		16. Description of Goods for Shipper's Use Only (CARRIER NOT RESPONSIBLE) 17. TOTAL NO. CONTAINERS OR PACKAGES (IN WORDS) 18. FREIGHT & CHARGES 19. Freight Collect at Destination 20. Freight Payable at 21. Freight Payable at 22. Freight Payable at 23. Freight Payable at 24. Freight Payable at 25. Freight Payable at 26. Freight Payable at 27. Freight Payable at 28. Freight Payable at 29. Freight Payable at 30. Freight Payable at	



Điều 26: “trên boong” “người gửi hàng xếp và đếm” và chí phí phụ thêm vào cước phí

"On deck", "shipper's load and count" and charges additional to Freight

EVERGREEN LINE		BILL OF LADING	
ORIGINAL		ORIGINAL	
SHIPPER ORIENTAL TRADING LTD LIMITED 1310-20 13/F HOLLWOOD PLAZA 610 NATION ROAD MONROVIA LL BR		SHIPPER'S REFERENCE NO. 1438098842	
CONSIGNEE HOA BINH JOINT STOCK COMPANY 2 BEN BINH CONG STREET, WARD 11 DISTRICT 8, HOCHIMINH CITY, VIETNAM REGISTER NUMBER: 0302349917		DESTINATION CAY LAI PORT HOCHIMINH CITY, VIETNAM	
DATE OF ISSUE NOV. 03, 2019		DATE OF RECEIPT NOV. 03, 2019	
QUANTITY 25980.000 KGS 68.0000 CBM (SI-CUBE) 25984.000 KGS 68.0000 CBM (SI-CUBE)		WEIGHT 25980.000 KGS 68.0000 CBM (SI-CUBE) 25984.000 KGS 68.0000 CBM (SI-CUBE)	
DESCRIPTION OF GOODS C12 EVORY BOARD H.S. CODE: 4810.92		PACKING 135.0000 CBM 51.814.000 KGS	
SHIPPER'S DECLARATION EVERGREEN SHIPPING AGENCY (VIETNAM) COMPANY LIMITED (HOCHIMINH OFFICE) PLOUGH 30TH FLOOR, PLAZA, 501A VIENTHIANE STREET WARD 25 BINH THUAN DISTRICT, HO CHI MINH CITY, VIETNAM * THE SALARY OF 3110 OF LADING SEE ATTACHED L501 * * OCEAN FREIGHT PREPAID * * SHIPPER'S LOAD & COUNT * 103 PALLETS		SHIPPER'S SIGNATURE (Signature)	
CONSIGNEE'S DECLARATION TWO (2) CONTAINERS ONLY		CONSIGNEE'S SIGNATURE (Signature)	
SHIPPER'S DECLARATION AS ARRANGED		SHIPPER'S SIGNATURE (Signature)	
SHIPPER'S DECLARATION NOV. 03, 2019 HO CHI MINH CITY, VIETNAM		SHIPPER'S SIGNATURE (Signature)	

*“Shipper's load and count”
“said by shipper to contain”*



② Chứng từ vận tải có điều khoản ghi “Người gửi hàng xếp và đếm” và “Người gửi hàng kê khai gồm có” là có thể chấp nhận.

Điều 26: “trên boong” “người gửi hàng xếp và đếm” và chí phí phụ thêm vào cước phí

"On deck", "shipper's load and count" and charges additional to Freight



EVERGREEN LINE		BILL OF LADING	
A Line Service Agreement		ORIGINAL	
ORIENTAL PAPER (HK) LIMITED 800 118-70 11/9 HOLLYWOOD PLAZA 610 NATHAN ROAD HONGKONG, H.K.		3439809842	
HUA BINH JOINT STOCK COMPANY 2 BEN BINH DONG STREET, WARD 11 DISTRICT 8 HOCHIMINH CITY, VIETNAM REGISTERED NUMBER: 0302569917		2439809842	
HUA BINH JOINT STOCK COMPANY 2 BEN BINH DONG STREET, WARD 11 DISTRICT 8 HOCHIMINH CITY, VIETNAM REGISTERED NUMBER: 0302569917		2439809842	
NINGBO, CHINA		NINGBO, CHINA	
UN-ACTIVE 4738		UN-ACTIVE 4738	
CAI LAI HONG HOCHIMINH CITY, VIETNAM		CAI LAI HONG HOCHIMINH CITY, VIETNAM	
25980.000 KGS 68.0000 CMB (IN-CUM)		25980.000 KGS 68.0000 CMB (IN-CUM)	
25984.000 KGS 68.0000 CMB (IN-CUM)		25984.000 KGS 68.0000 CMB (IN-CUM)	
2 X 40H		2 X 40H	
CIS EVOCH BOARD H.S. CODE: 8510.92		CIS EVOCH BOARD H.S. CODE: 8510.92	
EVERGREEN SHIPPING AGENT (VIETNAM) COMPANY LIMITED (HOCHIMINH OFFICE) FLOOR 30TH PEARL PLAZA, 561A DINH BIEU PHU STREET, WARD 5, BINH THUAN DISTRICT, HO CHI MINH CITY, VIETNAM • THE BALANCE OF BILL OF LADING HAS ATTACHED LIST • TUNG SHIPPER OF ATTACHED 1 6800 VOICAN FREIGHT FREIGHT SHIPPER'S LOAD & COUNT 103 PALLETS		EVERGREEN SHIPPING AGENT (VIETNAM) COMPANY LIMITED (HOCHIMINH OFFICE) FLOOR 30TH PEARL PLAZA, 561A DINH BIEU PHU STREET, WARD 5, BINH THUAN DISTRICT, HO CHI MINH CITY, VIETNAM • THE BALANCE OF BILL OF LADING HAS ATTACHED LIST • TUNG SHIPPER OF ATTACHED 1 6800 VOICAN FREIGHT FREIGHT SHIPPER'S LOAD & COUNT 103 PALLETS	
(1) TOTAL NUMBER OF CONTAINERS OR PACKAGES TWO (2) CONTAINERS ONLY		(1) TOTAL NUMBER OF CONTAINERS OR PACKAGES TWO (2) CONTAINERS ONLY	
(2) REPORT & REMARKS		(2) REPORT & REMARKS	
THREE (3)		THREE (3)	
NINGBO, CHINA NOV. 03, 2019		NINGBO, CHINA NOV. 03, 2019	
UN-ACTIVE 4738		UN-ACTIVE 4738	
NINGBO, CHINA		NINGBO, CHINA	



- ③ Một chứng từ vận tải có thể bằng cách đóng dấu, chỉ ra các chí phí
phụ thêm vào cước phí.

Điều 27: Chứng từ vận tải hoàn hảo Clean Transport Documents

1 Ngân hàng sẽ chỉ chấp nhận chứng từ vận tải hoàn hảo

EVERGREEN LINE		BILL OF LADING	
As per Service Agreement		ORIGINAL	
(1) Shipper (Complete name and address) ORIENTAL PAPER (HK) LIMITED RMS 1318-20 13/F HOLLYWOOD PLAZA 610 NATHAN ROAD MONGKOK KL HK		(2) Bill of Lading Number 1439E0986842	
(3) Consignee (Complete name and address) HOA BINH JOINT STOCK COMPANY 2 BEN BINH LONG STREET WARD 11, DISTRICT 8, HOCHIMINH CITY, VIETNAM REGISTER NUMBER: 0302569917		(4) Forwarding Agent	
(5) Notify Party (Complete name and address) HOA BINH JOINT STOCK COMPANY 2 BEN BINH LONG STREET WARD 11, DISTRICT 8, HOCHIMINH CITY, VIETNAM REGISTER NUMBER: 0302569917		(6) Place and Cause of Origin (For the shipper's reference only)	
(7) The carriage by		(8) Place of Origin (For the shipper's reference only)	
(9) Ocean Vessel/Voy. No. UNI-ACTIVE 473E		(10) Place of Delivery CAT LAI PORT, HOCHIMINH CITY, VIETNAM	
(11) Description of Goods 136.0000 CBM 51,864.000 KGS		(12) Description of Goods 136.0000 CBM 51,864.000 KGS	
(13) Description of Goods EGHU9536635/40H/EMCEFG2749/56 PALLETS EGHU9541689/40H/EMCEFG4629/47 PALLETS 2 X 40H MADE IN CHINA CLS IVORY BOARD H.S. CODE: 4810.92		(14) Description of Goods EGHU9536635/40H/EMCEFG2749/56 PALLETS EGHU9541689/40H/EMCEFG4629/47 PALLETS 2 X 40H MADE IN CHINA CLS IVORY BOARD H.S. CODE: 4810.92	
(15) TOTAL NUMBER OF CONTAINERS OR PACKAGES TWO (2) CONTAINERS ONLY		(16) TOTAL NUMBER OF CONTAINERS OR PACKAGES TWO (2) CONTAINERS ONLY	
(17) FREIGHT & CHARGES		(18) FREIGHT & CHARGES	
(19) S.I. NO. EGLV 1439E0986842		(20) S.I. NO. EGLV 1439E0986842	
(21) FCL/FCL 0/0		(22) FCL/FCL 0/0	

“Hoàn hảo” có nghĩa là:

Không có điều khoản hoặc ghi chú nào tuyên bố một cách rõ ràng về tình trạng khuyết tật của hàng hóa hoặc bao bì.



Chữ “hoàn hảo” không nhất thiết phải xuất hiện trên chứng từ vận tải, dù tín dụng có yêu cầu

Điều 28: Chứng từ bảo hiểm & số tiền bảo hiểm

Insurance Document and Coverage



① Chứng từ bảo hiểm phải được Cty bảo hiểm ký và phát hành



② Nếu c.từ bảo hiểm có nhiều hơn 1 bản gốc thì tất cả các bản gốc phải được xuất trình

Điều 28: Chứng từ bảo hiểm & số tiền bảo hiểm

Insurance Document and Coverage



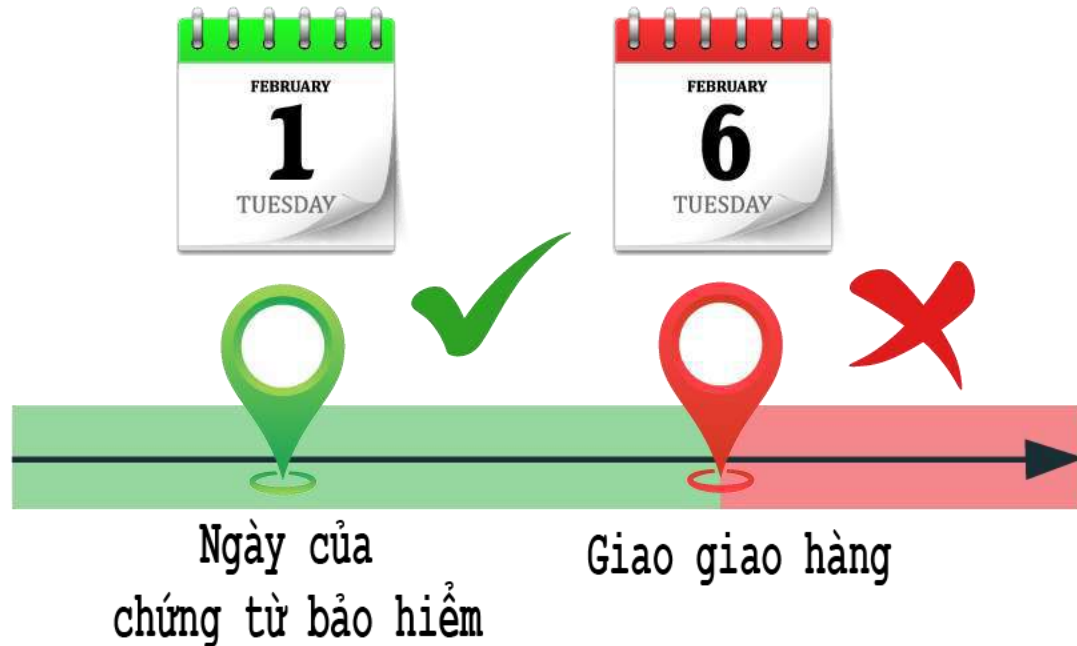
③ Giấy CN bảo hiểm tạm thời không được chấp nhận



④ Đơn bảo hiểm được chấp nhận thay cho Giấy CN BH theo hợp đồng bảo hiểm

Điều 28: Chứng từ bảo hiểm & số tiền bảo hiểm

Insurance Document and Coverage



- ⑤ Ngày của chứng từ bảo hiểm không được muộn hơn ngày giao hàng



USD 450,000

- ⑥ Chứng từ bảo hiểm phải ghi rõ số tiền bảo hiểm và cùng loại tiền của tín dụng

Điều 28: Chứng từ bảo hiểm & số tiền bảo hiểm

Insurance Document and Coverage



USD 450.000

Số tiền được bảo hiểm tối thiểu

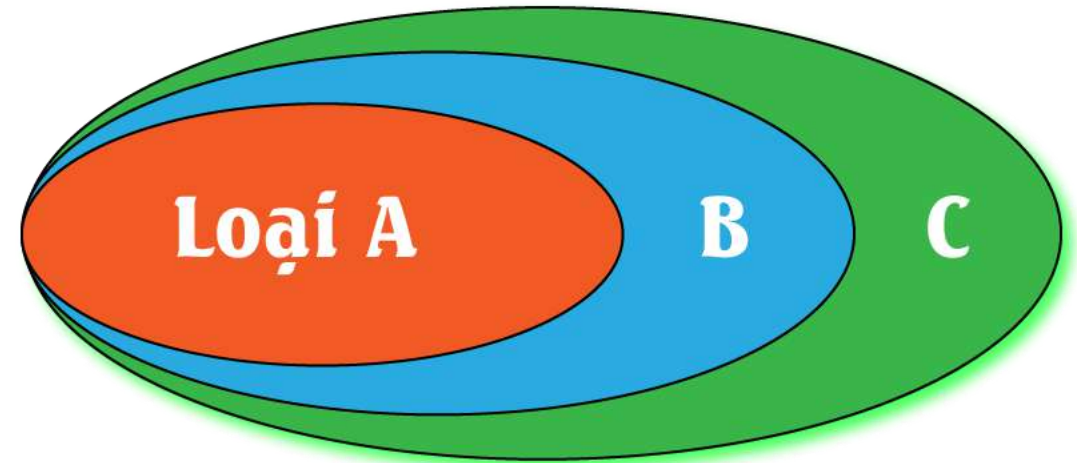
⑦ Mức BH là theo tỷ lệ % của giá trị hàng hóa sẽ được coi là số tiền được BH tối thiểu

110% { **CIF**
CIP

⑧ Nếu không có quy định khác, thì số tiền BH ít nhất phải = 110% giá CIF hoặc CIP

Điều 28: Chứng từ bảo hiểm & số tiền bảo hiểm

Insurance Document and Coverage

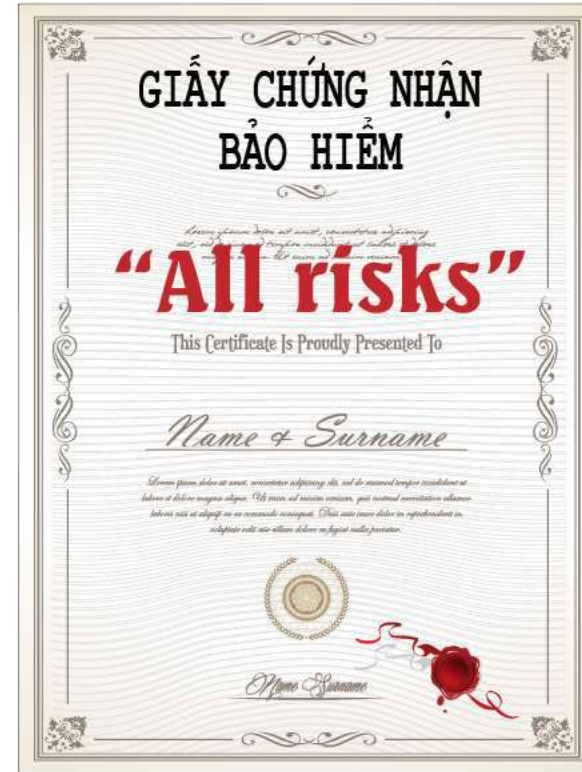
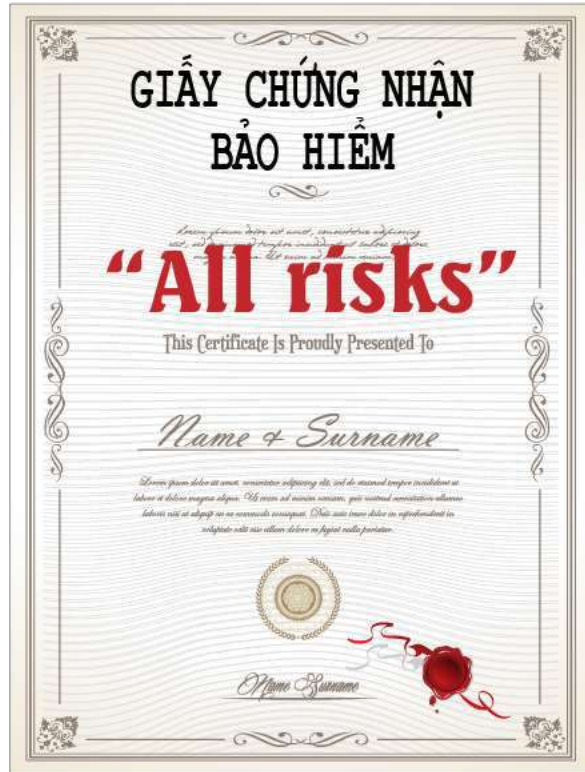


9 Rủi ro được BH tối thiểu là từ nơi nhận hàng đến nơi giao hàng cuối cùng

10 Tín dụng phải quy định loại BH được yêu cầu và những rủi ro phụ được BH, nếu có

Điều 28: Chứng từ bảo hiểm & số tiền bảo hiểm

Insurance Document and Coverage



Except:
War,
terrorist,
strike

11 C.từ BH có ghi “mọi rủi ro”, dù có hay không tiêu đề “mọi rủi ro”, thì vẫn được chấp nhận

12 C.từ BH có thể dẫn chiếu bất cứ điều khoản loại trừ nào

Ví dụ 16: Tỷ lệ bảo hiểm tối thiểu



Đang lập
chứng từ
để xuất trình
theo L/C XK



Công ty An Phát

L/C yêu cầu xuất trình chứng từ bảo hiểm, tuy nhiên lại không quy định thêm các yêu cầu chi tiết liên quan đến số tiền bảo hiểm cần phải mua.

Do đó, chúng tôi đang lúng túng trong việc mua bảo hiểm để đáp ứng yêu cầu của ngân hàng phát hành.

Chúng tôi phải mua bảo hiểm với trị giá bảo hiểm thế nào để bộ chứng từ không bị bất hợp lệ?



Ví dụ 16: Tỷ lệ bảo hiểm tối thiểu

Điều 28f, UCP600 quy định:

“Nếu không có quy định khác thì tỷ lệ bảo hiểm tối thiểu phải bằng 110% giá CIF/CIP”

110% } CIF
CIP



Điều 29: Gia hạn ngày hết hiệu lực | ngày cuối cùng phải xuất trình

Extension of Expiry Date or Last Day for Presentation

① Nếu ngày } Hết hiệu lực của tín dụng
Cuối cùng phải xuất trình



Ngân hàng mở cửa ②

Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN
1	2	3	4	5	6	7
8	9	10	11	12	13	14
15	16	17	18	19	20	21
22	23	24	25	26	27	28
29	30	31				



Ngân hàng đóng cửa

Được gia hạn vào ngày làm việc tiếp theo

Điều 29: Giá hạn ngày hết hiệu lực | ngày cuối cùng phải xuất trình

Extension of Expiry Date or Last Day for Presentation



Ngân hàng chính định



Ngân hàng phát hành

Điều 29: Giá hạn ngày hết hiệu lực | ngày cuối cùng phải xuất trình

Extension of Expiry Date or Last Day for Presentation

- ② Ngày muộn nhất phải giao hàng sẽ không được giá hạn do hậu quả của mục 1, điều này.



Ví dụ 17: Ngày nghỉ



**Đang lập
chứng từ
để xuất trình
theo L/C XK**



Do khó khăn trong việc cấp một số loại chứng từ kiểm định, việc lập chứng từ xuất khẩu kéo dài và đã gần hết hạn xuất trình nhưng vẫn chưa hoàn thành.

Công ty An Phát

Đồng thời chúng tôi nhận ra rằng sắp đến kỳ nghỉ lễ dài và ngày cuối cùng trong hạn xuất trình sẽ là ngày nghỉ lễ.

Ngày hết hạn
xuất trình

Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN
1	2	3	4	5	6	7
8	9	10	11	12	13	14
15	16	17	18	19	20	21
22	23	24	25	26	27	28
29	30	31				



Ngày nghỉ lễ



Ví dụ 17: Ngày nghỉ

Do đó, chúng tôi đang rất lo ngại sẽ bị lỗi xuất trình muộn vì lúc chúng tôi lập xong bộ chứng từ thì ngân hàng đã nghỉ làm việc rồi, đợi đến sau nghỉ lễ thì đã quá hạn. Vậy chúng tôi phải làm cách nào để tránh được nguy cơ mắc lỗi xuất trình muộn này?

Trả lời:

Điều 29, UCP600 quy định:

“Nếu ngày hết hạn xuất trình rơi vào ngày nghỉ/ngày lễ thì được gia hạn vào ngày làm việc tiếp theo.”

Như vậy, công ty bạn vẫn có thể xuất trình vào ngày làm việc tiếp theo sau kỳ nghỉ lễ mà không bị coi là xuất trình muộn, miễn là ngân hàng của bạn có ghi chú điều đó khi gửi chứng từ cho ngân hàng phát hành.



Điều 30: Dung sai về số tiền, số lượng và đơn giá

Tolerance in Credit Amount, Quantity and Unit Prices

ABOUT

$\pm 10\%$

APPROXIMATELY

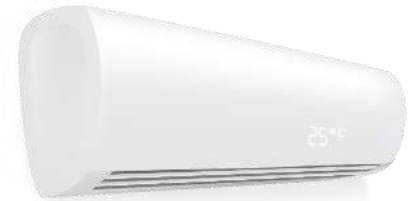
Số tiền

Số lượng

Đơn giá

$\pm 5\%$

trừ



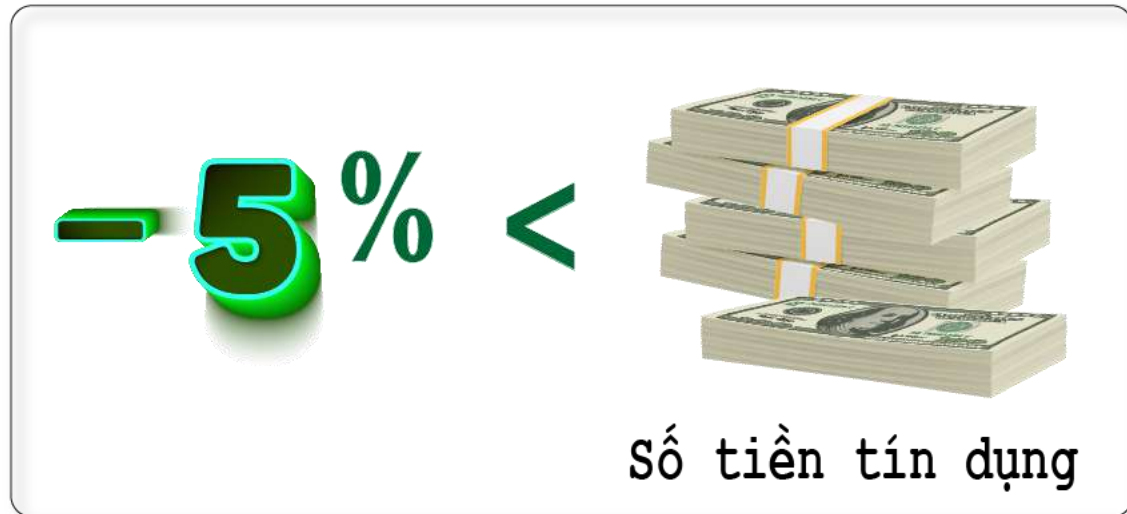
Tổng số tiền thanh toán
không vượt quá số tiền
của tín dụng

① Các từ “khoảng” | “ước chừng”
được hiểu cho phép dung sai $\pm 10\%$

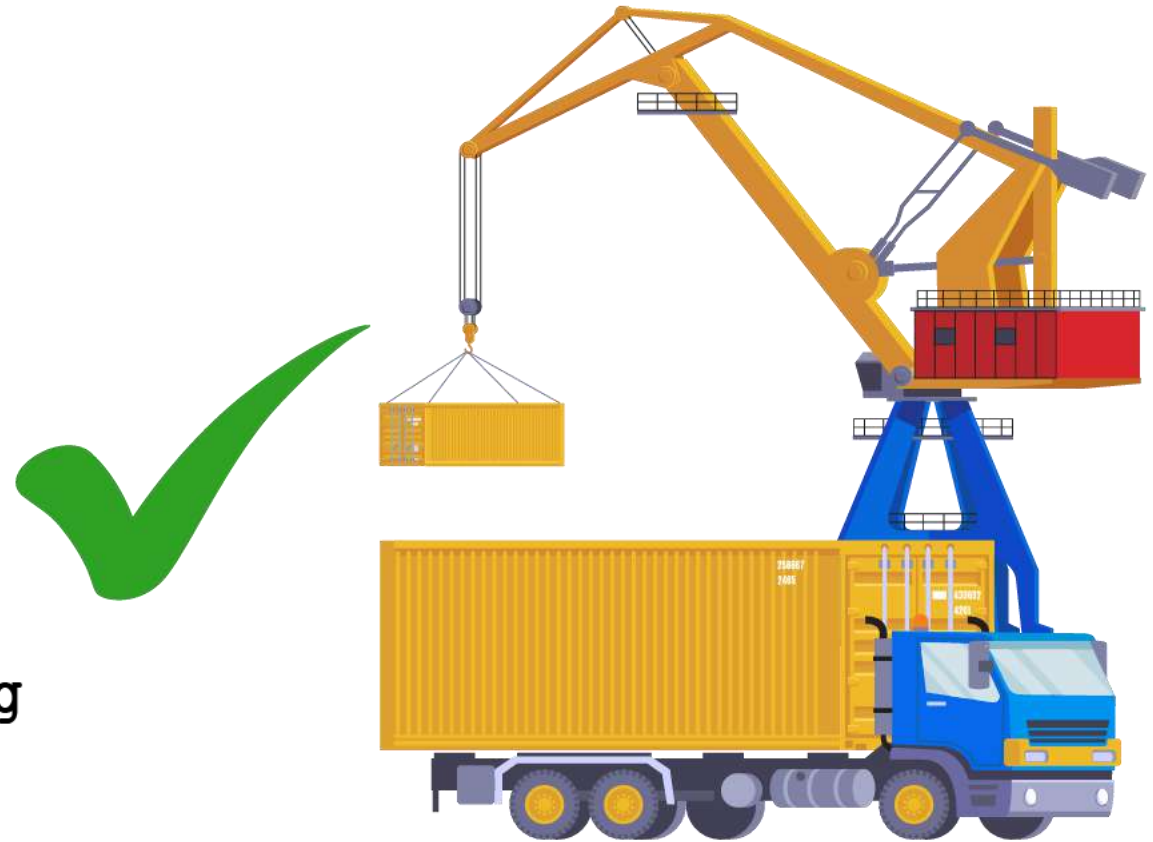
② Dung sai mặc định là $\pm 5\%$
trừ ĐVT là bao kiện hoặc
cái, chiếc

Điều 30: Dung sai về số tiền, số lượng và đơn giá

Tolerance in Credit Amount, Quantity and Unit Prices



Dung sai này không áp dụng nếu tín dụng quy định một dung sai cụ thể khác

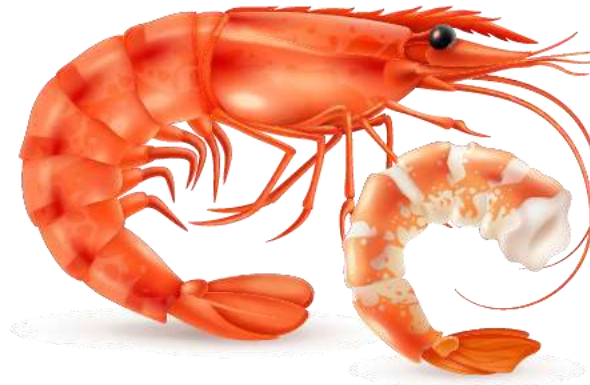


- ③ Ngay cả khi cầm giao hàng từng phần, một dung sai không vượt 5% ít hơn số tiền của tín dụng là được phép, miễn là số lượng hàng hóa được giao đầy đủ.

Ví dụ 18: Dung sai quy định trong L/C



**Xuất
khẩu**



**Đối tác
mở L/C
& thông
báo đến
Cty**

L/C

Công ty An Phát

Chúng tôi lại thấy phần quy định trên L/C & HĐ khác nhau:

100 MT



Reference Number : 068337101502891
Date : 07/06/2015
To :
As instructed, we have issued out letter of credit for you with the following wording,
please check the text immediately and our text US within 3 working days from issuance
date if you have any query.
MT ID: LCD80608583
Sender Bank: BFTWAVX
Priority: N
JOINT STOCK COMMERCIAL BANK FOR
VIETCOMBANK TOWER 198 TRAN QUANG KH
LC Full SWMT
INTESA SANPAOLO S.P.A. (FORMER SAMP
SUNTEC TOWER FOUR 42-0405 8 TEMASE

Input Message Type : MT700
Send to : BCT15009
27 SEQUENCE OF TOTAL
1/1

40A FORM OF DOCUMENTARY CREDIT
IRREVOCABLE

20 DOCUMENTARY CREDIT NUMBER
068337101502891

31C DATE OF ISSUE
15/05/07

40E APPLICABLE RULES
UCP LATEST VERSION

31D DATE AND PLACE OF EXPIRY
15/07/28 IN SINGAPORE

50 APPLICANT
PLASTICS PACKAGING
PRODUCTION AND TRADE INVESTMENT COMPANY LIMITED
SEE FIELD 47A FOR ADDRESS

56 BENEFICIARY
MITSUBISHI CORPORATION, SINGAPORE BRANCH
1 TEMASEK AVENUE HEX 19-00 MILLENNIA TOWER SINGAPORE 039192

32B CURRENCY CODE, AMOUNT
USD04155,00

41D AVAILABLE WITH
ANY BANK
BY NEGOTIATION

L/C

About 100 MT

Ví dụ 18: Dung sai quy định trong L/C



Công ty tôi chưa hiểu với quy định này thì có thể giao hàng thế nào, nếu giao chính xác 100 MT thì có vấn đề gì không, và nếu giao "khoảng 100MT" thì là ở mức nào?

Trả lời:

Công ty An Phát

Điều 30a, UCP600 quy định:

"Các từ "about|khoảng" được hiểu cho phép dung sai là $\pm 10\%$ "

Tức là trong L/C này, công ty bạn có thể giao hàng trong khoảng 90MT đến 110MT mà vẫn phù hợp với quy định của L/C.



Điều 31: Giao hàng và trả tiền từng phần

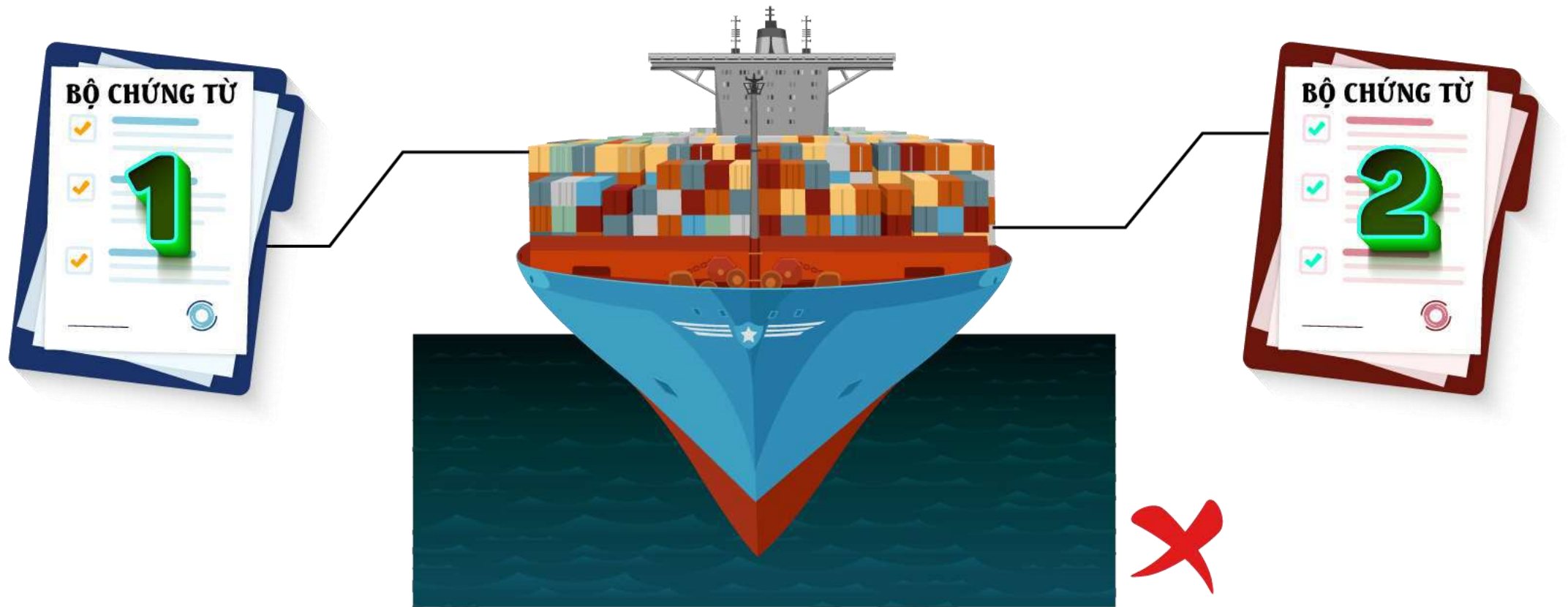
Partial Drawings or Shipments



① **Giao hàng và trả tiền từng phần là được phép**

Điều 31: Giao hàng và trả tiền từng phần

Partial Drawings or Shipments



- ② Việc xuất trình nhiều BCT vận tải thể hiện việc giao hàng bắt đầu **trên cùng một PTVT** và cùng chung một hành trình sẽ **không được coi là giao hàng từng phần**

Điều 31: Giao hàng và trả tiền từng phần

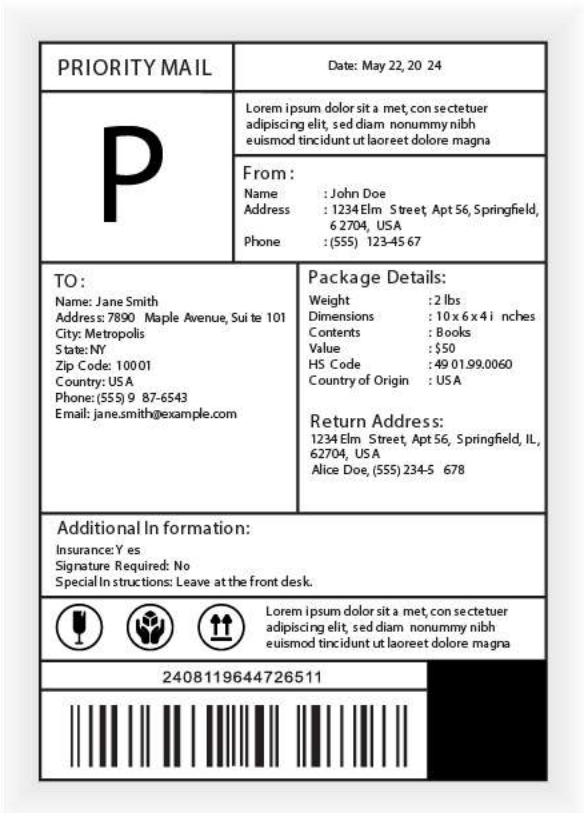
Partial Drawings or Shipments



- ③ Việc xuất trình nhiều bộ chứng từ vận tải thể hiện giao hàng **trên nhiều PTVT** trong cùng một phương thức vận tải sẽ được coi như là **giao hàng từng phần**

Điều 31: Giao hàng và trả tiền từng phần

Partial Drawings or Shipments



④ Việc xuất trình nhiều biên lai bưu điện sẽ không được coi là giao hàng từng phần nếu được đóng dấu hoặc ký bởi cùng một Bưu điện tại cùng một nơi, cùng ngày và cùng nơi đến.

Điều 32: Giao hàng và trả tiền nhiều lần

Instalment Drawings or Shipments

Reference Number : 068337101502861
Date : 07/05/2015
To:
As instructed, we have issued out letter of credit for you with the following wording, please check the text immediately and cor tact US within 3 working days from issuance date if you have any query.
MT ID: LCD809398353
Sender Bank : BFTWNVX
Priority : N
JOINT STOCK COMMERCIAL BANK FOR VIETCOMBANK TOWER 198 TRAN QUANG KH
LC Full SWIFT
INTESA SANPAOLO S.P.A. (FORMER SANP
SUNTEC TOWER FOUR 42-04/05 6 TEMASE
Input Message Type : MT700
Send to : BCITSGSG
:27:SEQUENCE OF TOTAL
1/1
:40A:FORM OF DOCUMENTARY CREDIT
IRREVOCABLE
:20:DOCUMENTARY CREDIT NUMBER
068337101502861
:31C:DATE OF ISSUE
150507
:40E APPLICABLE RULES
UCP LATEST VERSION
:31D:DATE AND PLACE OF EXPIRY
150729 IN SINGAPORE
:50 APPLICANT
PLASTICS PACKAGING :
PRODUCTION AND TRADE INVESTMENT COMPANY LIMITED
(SEE FIELD 47A FOR ADDRESS)
59: BENEFICIARY
MITSUBISHI CORPORATION, SINGAPORE BRANCH
1 TEMASEK AVENUE HEX 19-00 MILLENIA TOWER SINGAPORE 039192
:32B: CURRENCY CODE, AMOUNT
USD34155,00
:41D AVAILABLE WITH
ANY BANK
BY NEGOTIATION

100% ORIGINAL
ORIGINAL
100% ORIGINAL

Quy định:

Giao hàng
Trả tiền >>> **nhiều lần**



Không { **Giao hàng**
Trả tiền >>>

TD không còn giá trị đv
lần đó và bất cứ lần nào
tiếp theo

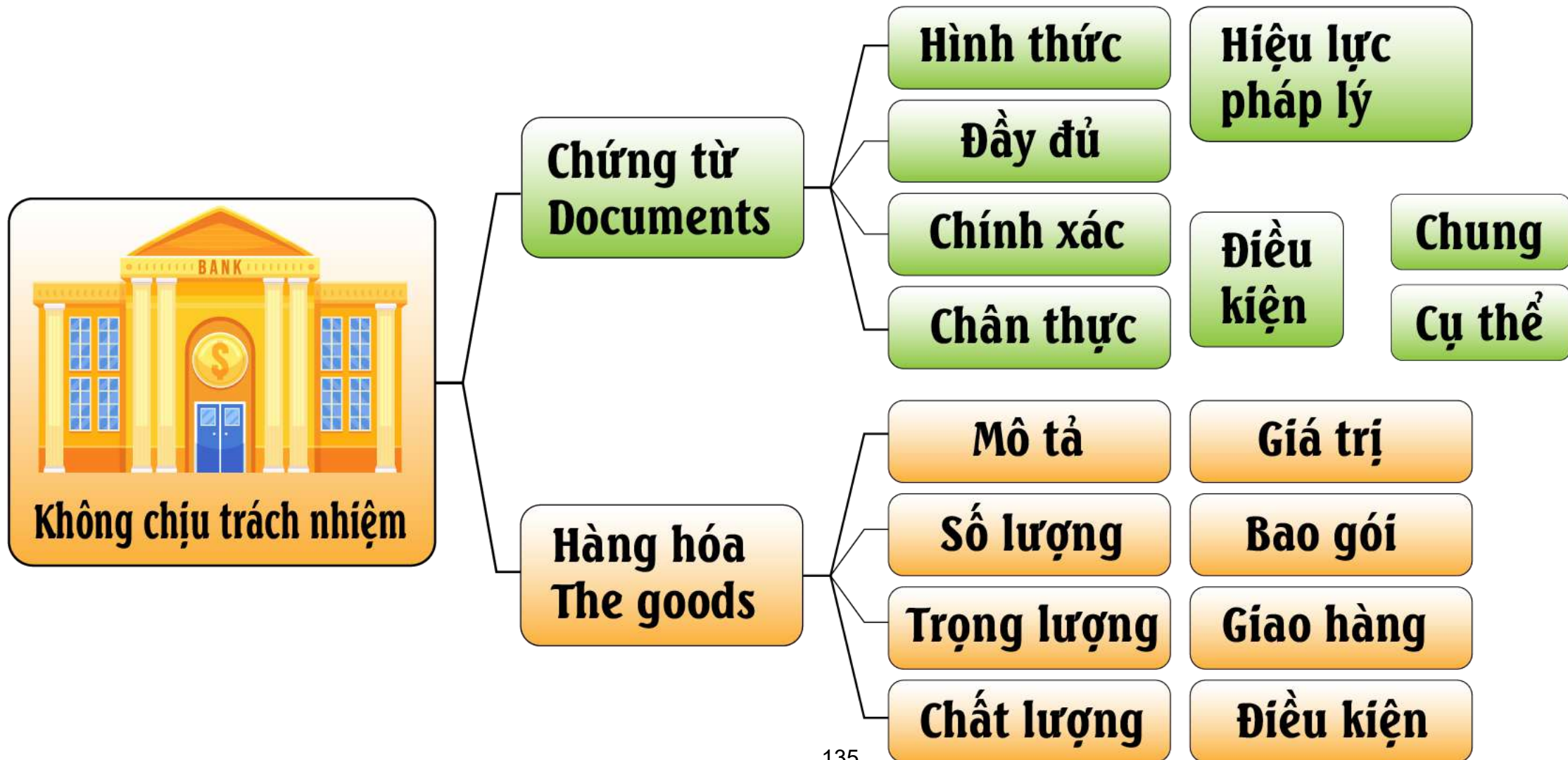
Điều 33: Giờ xuất trình Hours of Presentation

Ngân hàng không có nghĩa vụ tiếp nhận việc xuất trình ngoài giờ làm việc của mình.



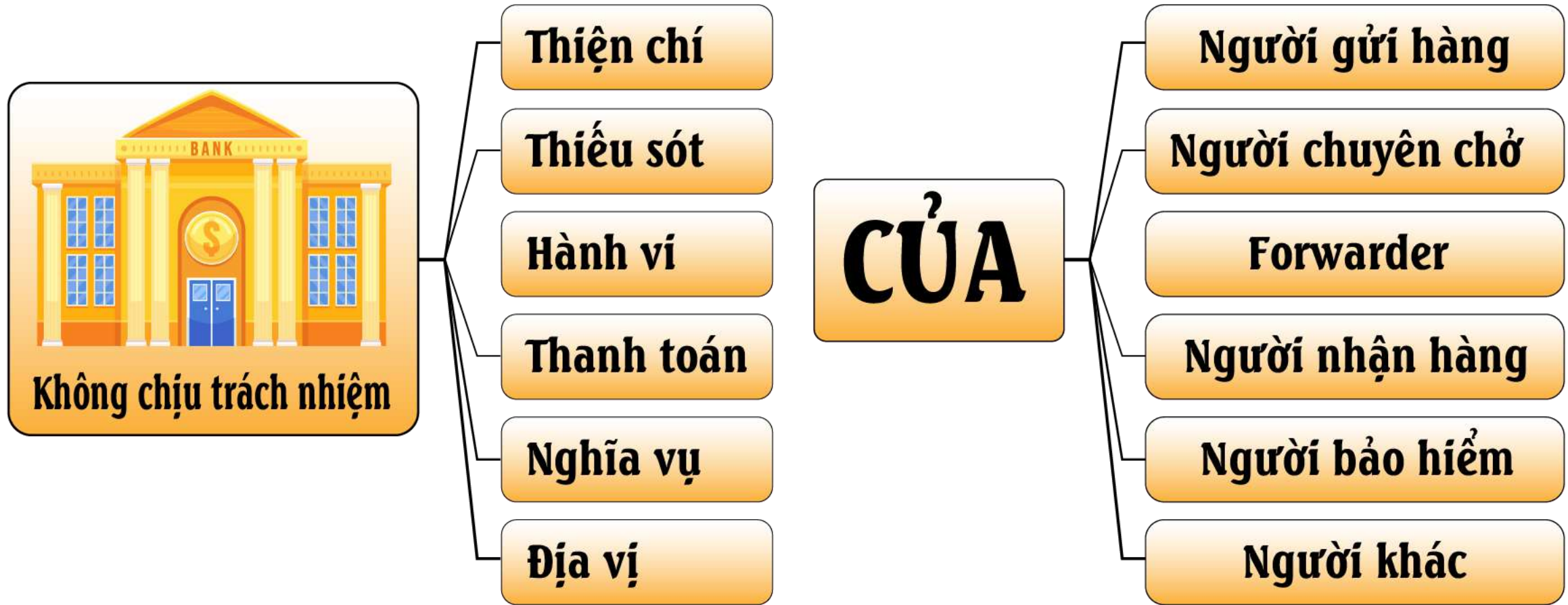
Điều 34: Miễn trách về tính hợp lệ của Chứng từ

Disclaimer on Effectiveness of Documents



Điều 34: Miễn trách về tính hợp lệ của Chứng từ

Disclaimer on Effectiveness of Documents



Điều 35: Miễn trách về trao đổi thông tin và dịch thuật

Disclaimer on Transmission and Translation



**Không chịu trách nhiệm
về hậu quả của**

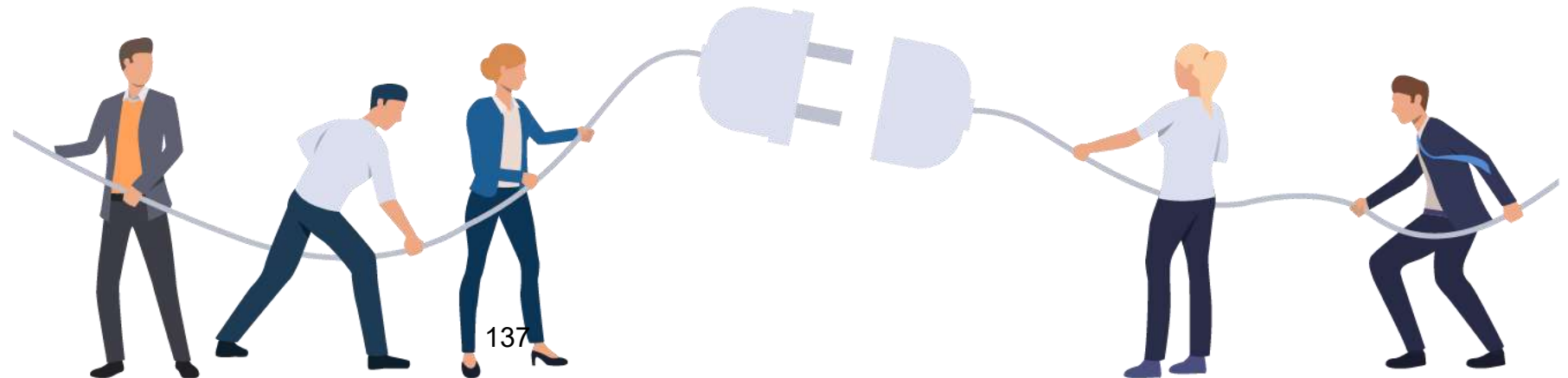
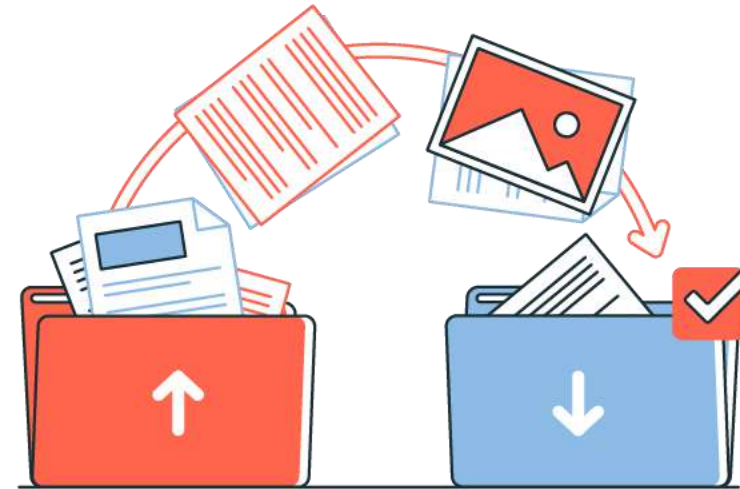
Sự chậm trễ

Thất lạc

Thiệt hại

Sai sót

Quá trình truyền | chuyển giao c.từ
Nếu được gửi đi phù hợp với TD



Điều 35: Miễn trách về trao đổi thông tin và dịch thuật

Disclaimer on Transmission and Translation



Ngân hàng không chịu trách nhiệm đối với các sai sót trong việc dịch hoặc giải thích các thuật ngữ chuyên môn và có thể chuyển nguyên các thuật ngữ đó mà không phải dịch chúng.

Điều 36: Bất khả kháng Force Majeure

Các NH không chịu trách nhiệm về hậu quả phát sinh do hoạt động KD của mình bị gián đoạn vì:



01 **Thiên tai**



02 **Bạo loạn**



03 **Dân biến**



04 **Nổi dậy**



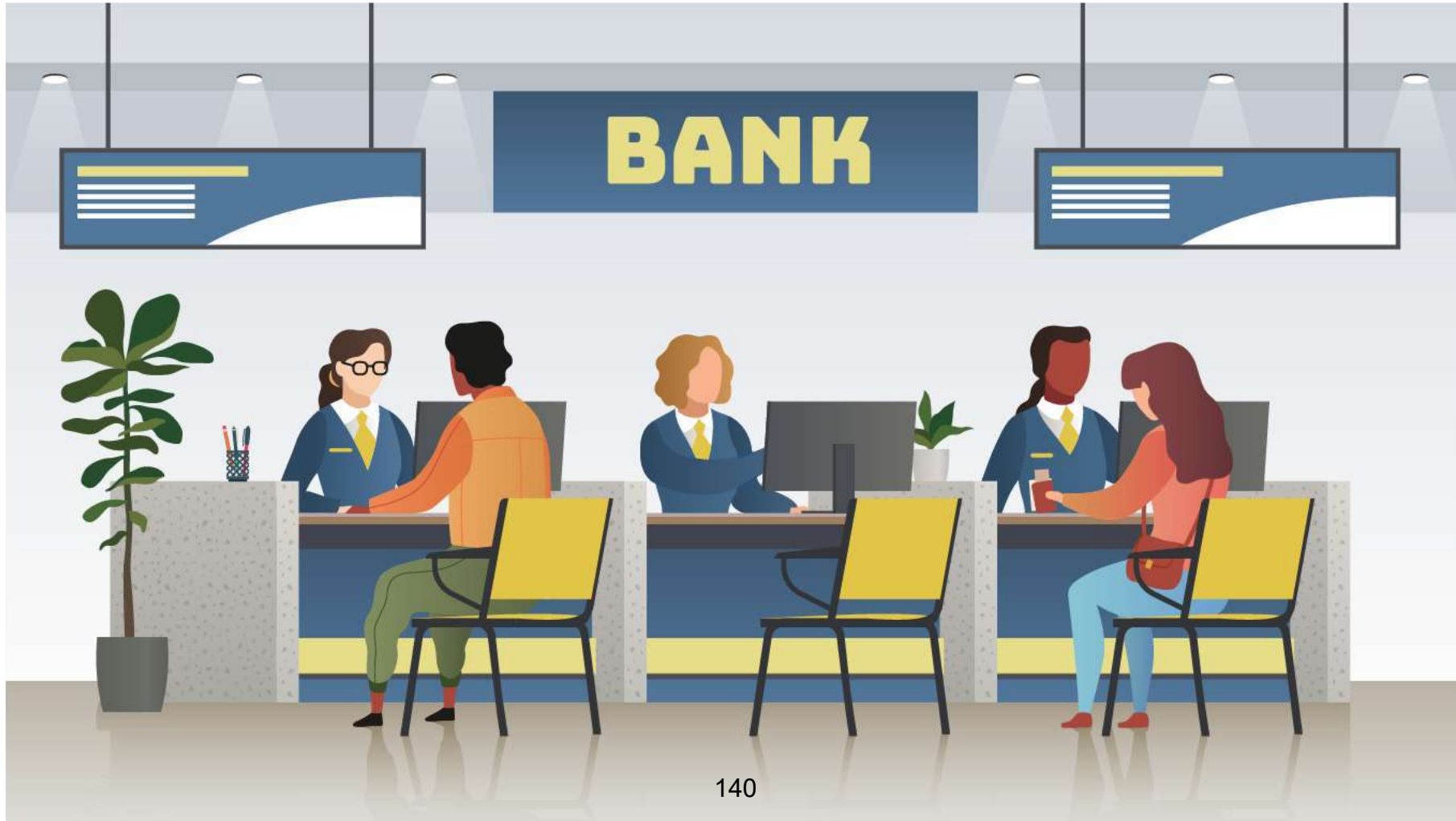
05 **Chiến tranh**



06 **Đình công**

Điều 36: Bất khả kháng Force Majeure

Khí bắt đầu hoạt động trở lại, ngân hàng không phải thanh toán hoặc chiết khấu cho các tín dụng đã hết hạn trong thời gian gián đoạn KD.

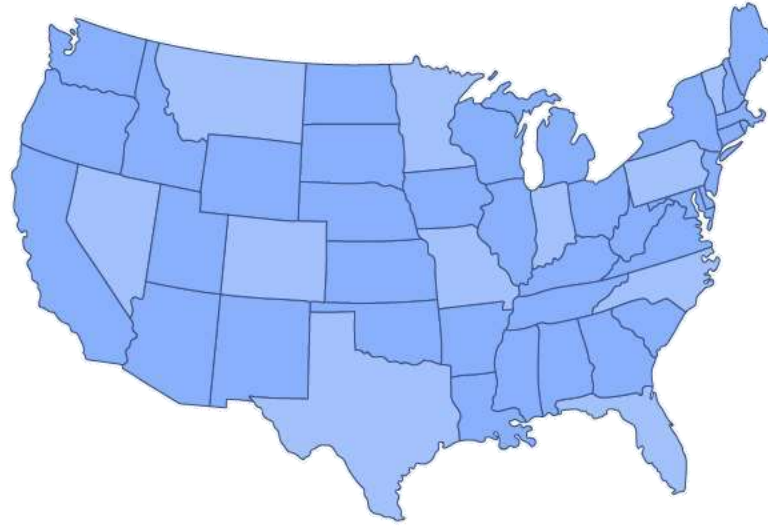


Ví dụ 19: Trường hợp bất khả kháng



Công ty An Phát

**Xuất
khẩu
sang
Mỹ**



**Đối tác
mở L/C
& thông
báo đến
Cty**



Chúng tôi đã xuất trình bộ chứng từ phù hợp tới ngân hàng phát hành.



Tuy nhiên, NHPH đã thông báo lại rằng do dịch Covid-19 mà hoạt động của họ bị ngưng trệ bởi lệnh phong tỏa và giãn cách xã hội.

Họ được miễn trách trong trường hợp bất khả kháng nên việc thanh toán cho chúng tôi đã bị trì hoãn vô thời hạn. Chúng tôi chưa hiểu quy định về bất khả kháng là như thế nào và NH Hoa Kỳ hành động như thế có hợp lệ hay không?

Ví dụ 19: Trường hợp bất khả kháng

Điều 36, UCP600 quy định: ***“Các NH không chịu trách nhiệm về hậu quả phát sinh do hoạt động kinh doanh của mình bị gián đoạn do các sự kiện bất khả kháng.”***

Tuy nhiên, để được miễn trừ trách nhiệm, NH phải cung cấp 1 văn bản xác nhận tình trạng bất khả kháng do cơ quan có thẩm quyền ban hành.

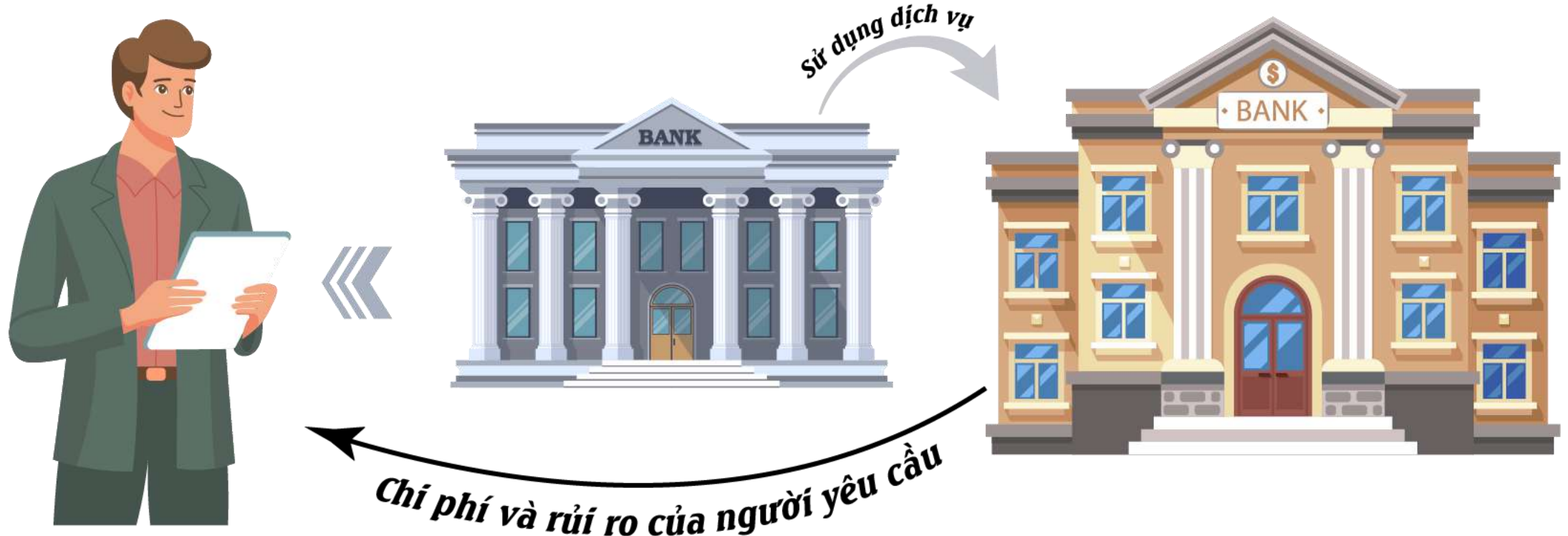
Theo ICC, việc phong tỏa do Covid-19 không phải bất khả kháng do các ngân hàng vẫn có khả năng hoạt động một phần hoặc làm việc từ xa tại nhà.

Bạn hãy đề nghị ngân hàng của mình trích dẫn quan điểm trên của ICC để yêu cầu ngân hàng phát hành bên Mỹ phải thực hiện ngay lập tức nghĩa vụ thanh toán của họ.



Điều 37: Miễn trách về hành động của một bên ra chỉ thị

Disclaimer for Acts of an Instructed Party



- 1 Một NH sử dụng DV của một NH khác để thực hiện các chỉ thị của người yêu cầu (A), thì NH làm việc đó với chỉ phí và rủi ro của A

Điều 37: Miễn trách về hành động của một bên ra chỉ thị

Disclaimer for Acts of an Instructed Party



- ② NHPH | NHTB ko chịu trách nhiệm nếu các chỉ thị mà họ truyền đạt tới NH khác không được thực hiện



- ③ Một NH chỉ thị cho NH khác thực hiện DV thì phải chịu trách nhiệm trả phí cho NH đó

Điều 37: Miễn trách về hành động của một bên ra chỉ thị

Disclaimer for Acts of an Instructed Party

“Chỉ thông báo tín dụng cho người thụ hưởng (B) nếu thu được phí từ B”



④ Tín dụng không được quy định rằng [...]

⑤ Applicant sẽ bị ràng buộc và có trách nhiệm bồi thường cho NH đv mọi nghĩa vụ và trách nhiệm

Ví dụ 20: Ai là người trả phí L/C



Công ty An Phát

**Nhập
khẩu**



**Đã
mở**

L/C

Ghi rõ: Phí ngoài Việt Nam
do người thụ hưởng chịu

Và đề nghị NHTB phải thu phí trước khi thông báo L/C.



Ngân hàng thông báo



**Đã
thông
báo**



**Nhưng không
thu được phí từ
người thụ hưởng**

**Đòi ngược lại NHPH
phải trả phí**



Ví dụ 20: Ai là người trả phí L/C



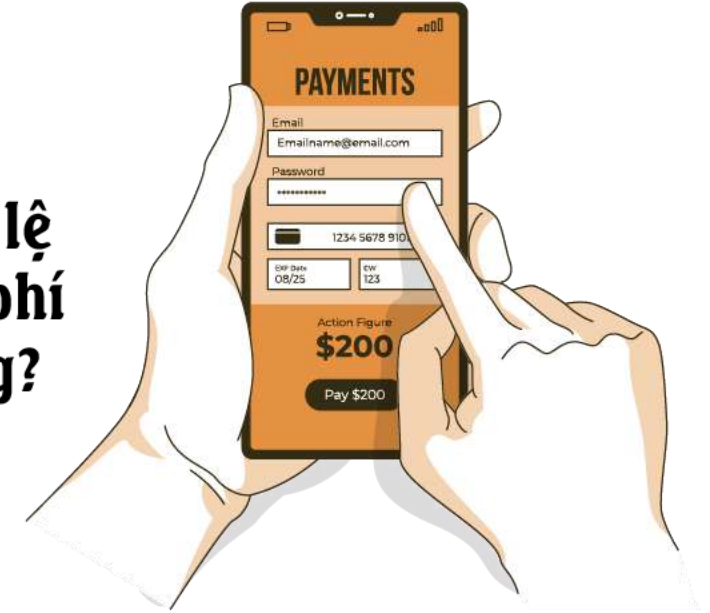
Ngân hàng phát hành



**Yêu cầu
chúng tôi
trả phí
cho NHTB**



**Như vậy có hợp lệ
với chỉ dẫn thu phí
trong L/C không?**



Điều 37c, UCP600 quy định: “Một NH chỉ thị cho NH khác thực hiện dịch vụ thì phải chịu trách trả phí cho NH đó.”

“Nếu không thu được phí từ người thụ hưởng thì NHPH phải chịu trách nhiệm thanh toán chi phí đó.”

Điều 38: Tín dụng có thể chuyển nhượng Transferable Credits

- a** NH ko có nghĩa vụ chuyển nhượng (CN) TD, trừ khi NH đó đồng ý CN.
- b** Các thuật ngữ sử dụng:

Là một TD có quy định rõ ràng "có thể chuyển nhượng" và có giá trị thanh toán cho người thụ hưởng hưởng thứ hai theo yêu cầu của người thụ hưởng thứ nhất.

Là một NH chỉ định để tiến hành chuyển nhượng TD; hoặc là 1 NH được NHPH ủy quyền CN. NHPH có thể là ngân hàng chuyển nhượng.

1 **TD có thể chuyển nhượng**
Transferable Credits

2 **Ngân hàng chuyển nhượng**
Transferring bank

Điều 38: Tín dụng có thể chuyển nhượng Transferable Credits

b) Các thuật ngữ sử dụng:



Là TD đã có giá trị thanh toán được thực hiện bởi NH chuyển nhượng cho người thụ hưởng thứ hai.

3) Tín dụng được chuyển nhượng Transferred credit

c) Các chi phí liên quan đến việc CN là do người thụ hưởng thứ nhất thanh toán

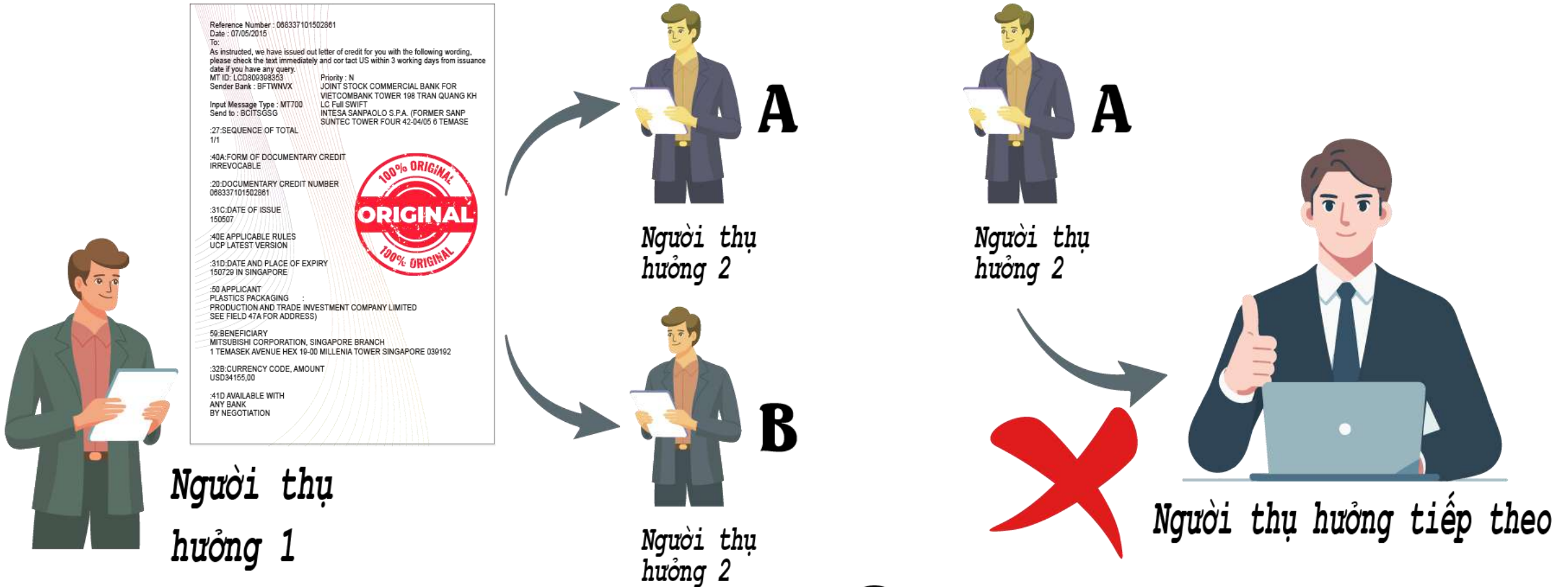
Trả
phí



Người thụ
hưởng 2

Người thụ
hưởng 1

Điều 38: Tín dụng có thể chuyển nhượng Transferable Credits



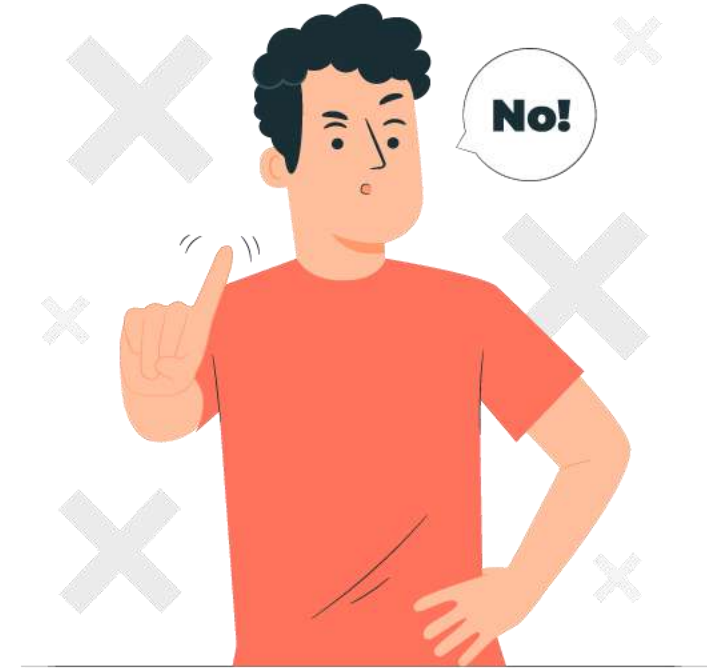
d Một TD có thể được CN từng phần cho nhiều người thụ hưởng thứ hai

e Người thụ hưởng thứ hai không được CN TD cho bất cứ người thụ hưởng kế tiếp nào

Điều 38: Tín dụng có thể chuyển nhượng Transferable Credits



- f** Yêu cầu CN phải ghi rõ ĐK sửa đổi để TB cho người thụ hưởng thứ hai



[2] = người thụ hưởng thứ hai

- g** Việc từ chối sửa đổi của [2] không làm mất giá trị chấp nhận đv những [2] khác

Điều 38: Tín dụng có thể chuyển nhượng Transferable Credits

Reference Number : 068337101502861
Date : 07/05/2015
To:
As instructed, we have issued out letter of credit for you with the following wording.
please check the text immediately and cor tact US within 3 working days from issuance
date if you have any query.
MT ID: LCD800396353
Sender Bank : BFTWNVX
Priority : N
JOINT STOCK COMMERCIAL BANK FOR
VIETCOMBANK TOWER 198 TRAN QUANG KH
LC Full SWIFT
INTESA SANPAOLO S.P.A. (FORMER SANP
SUNTEC TOWER FOUR 42-04/05 6 TEMASE

Input Message Type : MT700
Send to : BCITSGSG

:27:SEQUENCE OF TOTAL
1/1

:40A:FORM OF DOCUMENTARY CREDIT
IRREVOCABLE

:20:DOCUMENTARY CREDIT NUMBER
068337101502861

:31C:DATE OF ISSUE
150507

:40E APPLICABLE RULES
UCP LATEST VERSION

:31D:DATE AND PLACE OF EXPIRY
150729 IN SINGAPORE

:50 APPLICANT
PLASTICS PACKAGING :
PRODUCTION AND TRADE INVESTMENT COMPANY LIMITED
(SEE FIELD 47A FOR ADDRESS)

59: BENEFICIARY
MITSUBISHI CORPORATION, SINGAPORE BRANCH
1 TEMASEK AVENUE HEX 19-00 MILLENIA TOWER SINGAPORE 039192

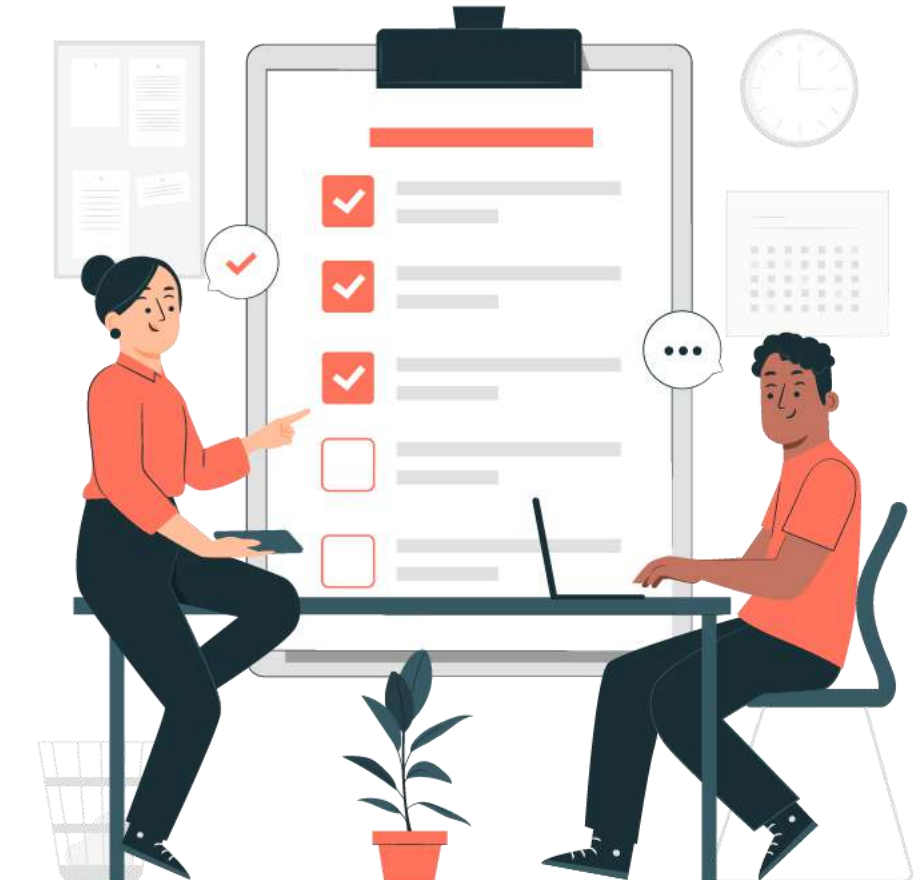
:32B: CURRENCY CODE, AMOUNT
USD34155.00

:41D AVAILABLE WITH
ANY BANK
BY NEGOTIATION



[2] = người thụ hưởng thứ hai

h Đối với bất cứ [2] nào đã từ chối sửa đổi, thì TD CN vẫn giữ nguyên, không sửa đổi.



í TD đã CN phải phản ánh chính xác các ĐK và điều khoản của TD, bao gồm cả xác nhận, nếu có.

Điều 38: Tín dụng có thể chuyển nhượng Transferable Credits

Trừ:



① Số tiền TD



② Đơn giá hàng hóa



③ Ngày hết hiệu lực

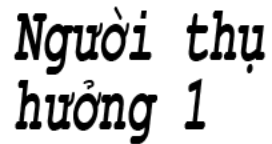


④ Thời hạn X.trình



⑤ Ngày giao hàng

5 loại trừ trên có thể giảm hoặc bớt đi. Riêng bảo hiểm thì có thể = TD



Applicant
Người đề nghị
mở TD



Seaprodex Co.,Ltd

123 Ham Nghi Streets, District 1, Hochiminh City, Vietnam
+123 456 789

LOGO

To
Nadia Elizabeth

123 Streets, Yokohama, Japan
+123 456 789
customer@gmail.com

INVOICE

No. 12345
24/08/2025

PRODUCT	PRICE	QTY	TOTAL
Product 1	\$100,00	01	\$100,00
Product 1	\$100,00	01	\$100,00
Product 1	\$100,00	01	\$100,00
Product 1	\$100,00	01	\$100,00
Product 1	\$100,00	01	\$100,00
Product 1	\$100,00	01	\$100,00
Product 1	\$100,00	01	\$100,00
Product 1	\$100,00	01	\$100,00
Product 1	\$100,00	01	\$100,00

Payment information

Account : Lorem Ipsum dolor sit
Name : Adelaïne Magnus
Method : Credit Card ABC Bank Japan

SUBTOTAL \$100,00

TAX \$100,00

TOTAL \$600,00

Terms & conditions

Lorem Ipsum dolor sit
consectetur adipiscing elit, sed diam
nuncummy abh euismod Enclidunt ut
loremesse dolore magna.

Your Company
123 Streets, Ltd Landstr.
Bavaria, Germany.

+123 456 789
hello@gmail.com
www.yourweb.com

j) Tên của người thụ hưởng (NTH) thứ nhất có thể thay thế bằng tên của Applicant

k) NTH 1 có thể thay Inv & BE của mình = Inv & BE của NTH 2, với ĐK số tiền không vượt TD

Ví dụ 21: Chuyển nhượng L/C



**Nhập
khẩu**



**Xuất
khẩu**



Hiện tại chúng tôi đã nhận được L/C từ nhà nhập khẩu và chuẩn bị gửi đề nghị để ngân hàng của chúng tôi thực hiện chuyển nhượng L/C.

**L/C chuyển
nhượng**

Tuy nhiên chúng tôi chưa biết sẽ thay đổi nội dung L/C gốc thế nào cho phù hợp, điều khoản nào được thay đổi, điều khoản nào phải giữ nguyên?

Ví dụ 21: Chuyển nhượng L/C

Điều 38, UCP600 quy định: ***“Nội dung L/C chuyển nhượng phải phản ánh đúng nội dung của L/C gốc, ngoại trừ:***



① Số tiền TD



② Đơn giá hàng hóa



③ Ngày hết hiệu lực



④ Thời hạn X.trình



⑤ Ngày giao hàng

5 loại trừ trên có thể giảm hoặc bớt đi. Riêng bảo hiểm thì có thể = TD

Điều 39: Chuyển nhượng số tiền thu được Assignment of Proceeds

Reference Number : 068337101502861
Date : 07/05/2015
To:
As instructed, we have issued out letter of credit for you with the following wording,
please check the text immediately and contact US within 3 working days from issuance
date if you have any query.
MT ID: LCD809398353
Sender Bank : BFTWNVX
Input Message Type : MT700
Send to : BCITSGSG
Priority : N
JOINT STOCK COMMERCIAL BANK FOR
VIETCOMBANK TOWER 198 TRAN QUANG KH
LC Full SWIFT
INTESA SANPAOLO S.P.A. (FORMER SANP
SUNTEC TOWER FOUR 42-04/05 6 TEMASE

:27:SEQUENCE OF TOTAL
1/1
:40A:FORM OF DOCUMENTARY CREDIT
IRREVOCABLE
:20:DOCUMENTARY CREDIT NUMBER
068337101502861
:31C:DATE OF ISSUE
150507
:40E APPLICABLE RULES
UCP LATEST VERSION
:31D:DATE AND PLACE OF EXPIRY
150729 IN SINGAPORE
:50 APPLICANT
PLASTICS PACKAGING :
PRODUCTION AND TRADE INVESTMENT COMPANY LIMITED
SEE FIELD 47A FOR ADDRESS)
58-BENEFICIARY
MITSUBISHI CORPORATION, SINGAPORE BRANCH
1 TEMASEK AVENUE HEX 19-00 MILLENIA TOWER SINGAPORE 039192
:32B:CURRENCY CODE, AMOUNT
USD34155,00
:41D AVAILABLE WITH
ANY BANK
BY NEGOTIATION

100% ORIGINAL
ORIGINAL
100% ORIGINAL



Chuyển nhượng tiền



Một TD không ghi là “**transferable**”, sẽ không ảnh hưởng tới quyền của người thụ hưởng CN mọi khoản tiền mà mình có quyền được hưởng theo TD.

Điều khoản này chỉ liên quan đến việc CN các khoản tiền chứ không liên quan đến việc CN các quyền thực hiện theo TD.

